

vũ băng

những
cây

cười

tiên
chiến



NHÀ
VĂN

những cây cười tiền chiến

VŨ BẰNG



Paris * 02.2025

những cây cười tiền chiến

Vũ Bằng

Bìa: *Họa sĩ Duy Thanh*
Nguồn: *Thư viện Tiểu Lùn*

những cây cười tiền chiến

VŨ BẰNG

**Nguyệt san NHÂN VĂN
Số 1 * tháng 7-1971**

MỤC LỤC

0. Cùng bạn đọc	11
I. Sau lớp Tú Xương, Yên Đổ, các cụ Phạm duy Tồn, Dương bá Trạc, Hì Đình, Hoàng tăng Bí cười ra sao ?	17
II. Cuồng Sỹ Tạ mạnh Khải, Kim Xuyên, Trần Vượng và Tương Huyền Vũ đình Tường hiểu cái cười ra sao ?	49
III. Cái cười đa diện của các bạn trẻ du học ở Pháp	81
IV. Vũ trọng Phụng vua hoạt kê tiểu thuyết	131

V. Những tiếng cười của các nhóm Phong Hóa, Ngày Nay, Vịt đực Con ong	147
VI. Mấy bài thơ trào phúng khuyết danh cùng thời với Tú Mỡ	185
VII. Lý trưởng văn nghệ Đỗ Phồn	213
VIII. Nhóm “Vịt Đực” của Vũ Chung Phùng bảo Thạch	229
IX. Vừa cười, vừa chống Nhật, diệt Pháp đuổi Tàu	253
X. Văn cười cợt sau khi “rinh tề” về Hà Nội	281
XI. Có bao nhiêu thú “trào” và những cây cười tiền chiến ưa trào nào?	309

Những Cây Cười Tiền Chiến

Hồi ký của **VŨ BẰNG**

Nguyệt san **NHÂN VĂN** số 1
phát hành tháng 7 năm 1971

Bìa do họa sĩ **DUY THANH** trình bày,
Hình trang trong do họa sĩ **TẠ TỶ** vẽ,
PHAN KIM THỊNH sưu tầm và ấn
hành.

Cùng bạn đọc

Cái cười vốn là một thứ nấp hơi an toàn của xã hội; hơn nữa, theo như nhận xét của Michel Ralgon, nó là một thái độ, một hình thức bất biến, trung thực và hữu hiệu nhất trong các hình thức nổi loạn của con người chống lại cái xã hội ngớ ngẩn mà đạo mạo bao quanh mình.

Những hiện tượng ngu muội mà vênh váo, hung hăng mà hèn nhát, thường khiến ta bật lên tiếng cười. Cái cười này,

nếu không thốt ra âm thanh, ắt sẽ lẫn vào trong bút mực, và càng gặp sự kiềm chế của chính quyền bao nhiêu, văn cười càng sâu sắc, bóng bẩy bấy nhiêu.

Gần đây, những chuyện cười loại Tiểu Lâm đã được tái bản. Khá đông cây bút trào lộng thật tài ba đã xuất hiện trên báo chí và được hoan nghênh thích thú. Có lẽ chẳng xã hội ta bấy nay ngọt nhạt vì chiến tranh, đã lâm vào tình trạng một cơ thể thiếu chất tươi, nên phản ứng bằng những tiếng cười hồn nhiên, để cầu lấy thoải mái cho tâm hồn.

Hôm nay, bạn Vũ Bằng nhắc lại cho chúng ta biết đời sống và tính chất cười của những cây bút trào lộng thời tiền chiến.

Thời ấy, văn trào lộng rất phổ thịnh, gồm nhiều trạng thái của cái cười : cười mỉm, cười kháy, cười hi hi cười hề hếch, cười rúc rích, cười khúc khích, cười khanh khách... Nhà văn thường tìm lối giải thoát cảnh cá chậu chim lồng bằng cách mua vui trong chữ nghĩa. Những cây bút nổi danh như Phạm Duy Tồn, Hì Đình, Sơn Phong với nếp trào lộng kín đáo. Kim Xuyên, Cuồng Sĩ với tiếng cười chót nhả, suồng sã hơn, đã được Vũ-quân đăng tải thật linh động, thật lôi cuốn.

Kể lại một câu chuyện cười không phải dễ, kể lại mà để cho có người gạt đi “Biết rồi khổ lắm” thì coi như vỡ nợ, nên dừng lại. Kể lại mà truyền được cái cười lây sang người nghe, tất nhiên thuật giả cũng phải là một “cây cười” mới thấu

triệt chỗ tế nhị của câu chuyện và xếp đặt tình tiết để người nghe say mê theo dõi rồi cuối cùng không giữ nổi tiếng cười, tự nó bật lên ròn rã.

Tác giả đã kể lại cái cười của tiền bối. Kể lại mà được đọc giả cười theo với mình, ấy là thành công.

Riêng tôi ghi nhận sự thành công này, nên có đôi lời giới thiệu tác phẩm cùng những bạn vui tính.

LÃNG NHÂN



Vũ Bằng

I

**Sau lớp Tú Xương, Yên Đỗ,
các cụ Phạm Duy Tồn, Dương Bá
Trạc, Hì Đình Hoàng Tăng Bí
cười ra sao ?**

Để rồi xem ông Vũ Đình Long, chủ nhà xuất bản “Tân Dân” suy nghiệm có đúng không. Tôi nhớ rõ ràng có một hôm, ông đã nói : “Làm cái nghề xuất bản, chỉ chuyên chú vào văn nghệ, không được, mà cần phải nhắm luôn cả

về phía thương mại nữa. Theo ý ông, nói về thương mại là nói tới trào lưu. Mà, theo ông, sách xuất bản mà theo đúng trào lưu thì chạy — đã đành là trong cái nghĩa “theo đúng trào lưu” ấy, người làm kỹ nghệ sách luôn luôn phải lưu ý tới sự ích lợi cho nhân dân, phục vụ quyền lợi của dân tộc.

Người ta nghiệm rằng, sau mỗi thời kỳ chiến tranh người đọc sách vì mệt mỏi, vì đau khổ nhiều, không mấy thích thú những cái gì khô khan quá, khó hiểu quá hay đòi hỏi sự suy nghĩ quá nhiều. Nhưng chính trong thời chiến tranh thì người dân, cũng hiểu, tìm học, để mong đem xử dụng cái học cái biết của mình vào thời hậu chiến. Có lẽ vì thế, trong thời Pháp chân trong chân ngoài ở Đông Dương, Nhật tới rồi đồng minh tiến đánh, ở Bắc Việt những báo như Thanh

Nghị, Tri Tân bàn luận trang nghiêm, chịu khó tìm tòi sưu khảo được nhiều người ưa đọc.

Nhưng trước đó, sau thế chiến thứ nhất, tức là vào khoảng từ 1920 đến 1930, người dân lại cảm thấy mệt mỏi không ưa đọc sách nặng nề mà lại đi tìm những tác phẩm nhẹ vui, để giải trí. Đó là phong trào sách vui của nhà Tân Dân, Tiểu thuyết thứ năm, Tiểu thuyết thứ bảy, v.v... đọc tiêu khiển, không đòi hỏi sự suy nghĩ quá nhiều. Mà đó cũng là thời kỳ mà người dân chán nản không muốn nhìn gì hết, nghe gì hết, suy tư gì hết. Người ta đọc truyện tình, truyện cười, chuyện kiếm hiệp, truyện võ vấn để thoát ly.

Tôi không biết tâm trạng người dân mình hiện nay ra sao nhưng cứ trông vào ngành xuất bản ai cũng phải nhận rằng

ít lâu nay chúng ta cũng đang ở vào một tình trạng na ná thế.

Trong khi các sách nghiêm trang, đứng đắn đưa lý thuyết này ra, chủ thuyết kia ra thì các sách tiểu thuyết, so về lượng vẫn nhiều hơn, và nếu để ý hơn một chút thì các sách nói về tướng số, bói bài cũng bán chạy tay hơn, nhất các sách giải trí, các sách cười, các sách tiểu lâm, kêu là “các sách cấm đàn bà trẻ con đọc” cũng nhiều hơn và được ưa chuộng hơn – vì có cuốn quảng cáo đã in tới lần thứ tư, thứ năm, thứ sáu... Đồng thời, các báo nghiêm trang, đứng đắn hầu hết đều ế ẩm, nhưng trái lại các báo và tạp chí vui cười, trào phúng, hoạt kê lại chạy. Bây giờ mới chỉ có ba bốn tờ, nhưng theo chỗ biết của chúng tôi thì trong một thời gian ngắn còn vài tờ báo nữa vào loại ấy cũng dục dịch ra đời.

Tóm lại, ta thấy gì ? Ta thấy là người dân bắt đầu chán những cái gì đứng đắn mà lại thích chửi bới, sói móc, cười cợt, vui đùa, giải trí. Đây không phải là chỗ để suy nghĩ xem đó là một điềm hay hay dở. Nhưng chúng tôi thấy là một dịp để cho chúng ta nhận thức rằng không phải chỉ có văn chương nghiêm trang đứng đắn mới phục vụ được đất nước, nhưng chính văn chương hài hước, khi cần, cũng có một tác dụng không kém phần hữu ích. Do đó chúng ta không thể cho văn chương hài hước là phiếm, mà chỉ có văn chương nghiêm nghị mới là quan trọng. Đã là văn chương thì bất cứ dưới hình thức nào xử dụng đúng thời, đúng phương pháp thì vẫn có ích như thường. Một lời nói của người xưa xưa đuổi được ba quân thì một câu riếu cợt có khi cũng sửa đổi được phong hóa – điều đó ai cũng biết.

CƯỜI CỘT ĐỂ SỬA ĐỔI PHONG HÓA

Có lẽ người nào đó đã lắm khi cho rằng cười cợt là khí giới của kẻ yếu. Nhìn vào lịch sử của tiếng cười trong thế giới, người ta thấy rằng không phải có kẻ yếu mới cười ! Chính những người gan dạ nhất đã cười khi đã dám đứng ra dùng tiếng cười để riễu một bạo chúa, một hôn quân hay một đệ nhất phu nhân tàn ác. Chính vì nghĩ như thế cho nên hôm nay chúng tôi đưa ra đây một vấn đề : tại sao từ trước đến nay ta chỉ nói đến những văn nhân thi sĩ “đạo mạo, trang nghiêm” mà không bao giờ đặt lên bàn thờ văn nghệ để sưu khảo, tìm tòi học hỏi về các nhà văn trào phúng, các nhà văn cười, các nhà văn hài hước

Thực ra, đặt một vấn đề như thế có vẻ bao quát quá. Chúng tôi sẽ có dịp nói

về ý nghĩa cái cười, ích lợi cái cười, và bộ loại cái cười của một số nước trên thế giới trong một tác phẩm mới, hy vọng đầy đủ hơn. Ở đây, trong phạm vi một hồi ký chúng tôi chỉ muốn tìm hiểu và học hỏi về cái cười trong văn chương Việt Nam trong một phạm vi nhỏ hẹp — nghĩa là trong văn chương tiền chiến. Ở nước ta nhà văn nào là người đầu tiên đã đem cái cười vào văn chương ? Người nào đã biết sức mạnh và giá trị của tiếng cười ? Người nào đã biết lấy tiếng cười để chế riễu, bài bác các xấu xa dơ dáy trong xã hội ?

Trở về thời trước, ta đã biết có những nhà văn, nhà thơ cười những tiếng giết người như Nghề Tân, Cao Bá Quát, Ba Giai, Yên Đô, Tú Xương... làm nên những bài thơ, bài phú, những câu đối, những ca trù làm cho người bị riễu cảm gan tím

ruột... Nhưng cận đại có những ai ?

Sau Yên Đỗ, Tú Xương, Ba Giai, Nghè Tân... làng văn hài hước của ta vẫn đều đều sản xuất được nhiều tài hoa, nhưng tiếc một nỗi là đa số tác phẩm đều khuyết danh như những thơ như “Bách Thú”, “Lên Đồng”... Mãi đến thời Nguyễn văn Vĩnh, Phạm Quỳnh, riêng tôi, mới thấy có một cây cười thời đại xuất hiện, nói ra bây giờ có lẽ nhiều bạn không ngờ, và có nhiều cụ cho rằng nói ra không lợi ích cho ai, nhưng vì vấn đề văn học, tôi tự thấy phải nói ra mà các nhà văn trào phúng, các ký giả chuyên về hài hước có lẽ cũng nên biết, vì chúng ta không thể không biết đến một bậc đàn anh đã dẹp đường dọn lối cho ta đi bây giờ, một “lão tổ” đã sớm biết giá trị của tiếng cười và đem tiếng cười ra làm vui thiên hạ, ngay từ hồi 1915, 19:8... Người đó là ai ? Theo

chỗ biết của tôi, cây cười số một cận đại đó chính là cụ Thọ An.

THỌ AN LÀ AI ? LIÊN HỆ GÌ VỚI PHẠM DUY KHIÊM, PHẠM DUY CẦN, PHẠM DUY NHƯỢNG ?

Tôi biết sơ sơ thạc sĩ Phạm Duy Khiêm lúc tôi làm “Trung Bắc Chủ Nhật”, nhưng Phạm Duy Cần tức nhạc sĩ Phạm Duy và anh Phạm Duy Nhượng đối với tôi là chỗ thân tình. Nhưng cho đến lúc anh Nhượng quá cố, và đối với Phạm Duy Khiêm cũng như Phạm Duy Cần, cho đến giờ phút này tôi chưa hề nói về cụ Thọ An nên không hiểu các anh Khiêm và Cần có biết gì hơn không.

Riêng tôi thì biết cụ Thọ An không ai khác hơn là cụ Phạm Duy Tốn, một nhà văn nổi tiếng về một truyện đăng ở Nam Phong, nhan đề “Sống chết mặc bay” và

một bài văn phúng thể nhan đề là “May cho ta !...” đăng ở “Đông Dương Tạp Chí”. Như các bạn đã biết truyện “Sống chết mặc bay”, viết theo một lối văn hiện thực rất mới, chửi bọn quan lại hạch sách dân đen, đi coi đê, nhưng sống chết mặc bay, cứ lo ngồi đánh tài bàn tổ tôm, thỉnh thoảng lại bắt lính châm điếu thuốc hút, thậm chí đến lúc đê vỡ rồi, vẫn không biết cứ đánh bài và cứ kêu “Điều, mày !”; còn bài “May cho ta !” thì viết theo lối “Phim hàng ngày” của các nhật báo bây giờ, ca tụng xỏ người Pháp văn minh chỉ ăn bánh mì thôi, chớ chi mà người Nhật người Tàu đến bảo hộ dân mình, cũng ăn gạo như mình thì cả nước mình chết đói !

Ngoài hai bài đó ra, Phạm Duy Tồn còn viết nhiều bài khác, đăng trên các báo miền Nam ký bút hiệu khác, nhưng

tôi cũng như phần đông người mình lúc bấy giờ, chỉ biết Phạm Duy Tốn qua hai bài ấy, chứ không mấy ai biết rằng người đầu tiên có sáng kiến gom góp các chuyện cười “đặc biệt Việt Nam” để giải trí cho người ta và làm tài liệu cho ngoại quốc biết cái cười của người Việt ra sao chính là Phạm Duy Tốn. Sự việc này, có những bậc lão thành năm nay bảy tám mươi, cũng không biết tới, dù rằng người nào — nhất là ở Bắc — cũng đã một vài lần đọc ba tập “Tiểu Lâm Quảng ký” mà tên tác giả là Thọ An.

Đọc “Tiểu Lâm” hồi ấy, nhiều bậc đạo đức phải giấu giếm vì bị coi là tục tĩu, nhưng thực ra thì hầu hết đều đọc vì ai cũng nhận rằng cười là cái riêng biệt của con người¹ “cái cười chân thật, cỏi mở hồn nhiên có sức quyến rũ và bồi bổ

¹ Le rire est le propre de l'homme.

nguyên khí²” và “cười không những là một phép chữa bệnh rất thần hiệu, mà còn làm cho người ta trẻ lại³”.

Nhưng cụ Thọ An Phạm Duy Tồn giấu cái bí danh ấy đến cùng, không cho ai biết Thọ An tác giả ba tập “Tiểu Lâm Quảng ký” là cụ, có lẽ vì lúc ấy người mình còn nuôi một quan niệm chật hẹp về cái cười chẳng ? Song le, tôi biết. Nguyên hồi ấy, tôi học trường Hàng Vôi; ngoài hai buổi học ra, tôi phải ngồi bán sách vì cha mẹ tôi là một nhà bán sách ở phố Hàng Gai (Hà nội) : bán sách chữ nho, bán kinh Phật, bán và xuất bản đủ các loại truyện văn vần như Kiều, Thạch Sanh, Tống Trân, Hoàng Triều, Bạch Viên Tôn Các... trên dưới có một vài ngàn thứ. Vừa

2 Le rire franc, large, spontané séduit et réconforte (Dale Carnegie).

3 Le rire est non seulement un puissant thérapeutique. mais une véritable source de Jouvence (James Sully).

bán sách, tôi vừa ngồi đọc truyện, do đó biết những tên Nguyễn văn Vĩnh, Phan Kế Bính, Đông Châu Nguyễn Hữu Tiến (tác giả “Giai nhân di mặc” tiểu thuyết hóa cuộc đời Hồ Xuân Hương), tú tài Nguyễn Đôn Phục, Nguyễn Bá Trạc, Phạm Duy Tồn... Nhưng chỉ nghe danh thế mà thôi. Phải đợi mãi đến một ngày kia tôi mới được thấy tận mặt Phạm Duy Tồn và nhân đó biết cụ Tồn là Thọ. An, tác giả ba tập “Tiểu lâm Quảng ký”.

Nguyên do là các sách văn vần nhà tôi in bán rất chạy, cả nước gửi mua – mỗi quyển chỉ ăn lời nửa xu hay một xu là cùng. Thấy mẹ tôi thấy thế bèn tìm cách khuếch trương ngành xuất bản, in những tập hát chèo như “Chuột sa chĩnh gạo”, “Lông ngỗng đưa tình” của cụ Tú tài Hoàng Sơn Nguyễn Thúc Khiêm và những chuyện văn xuôi như “Một cảnh

làm dâu” của Ô. Chân Thụy, “Nguyệt Hương Cô Nữ* của Trúc Khê Ngô Văn Triện.

Trong các loại truyện văn xuôi mới mẻ đó, có ba tập “Tiểu lâm Quảng ký của Thọ An. Thực ra, cụ Thọ An không bán bản quyền ba cuốn ấy cho nhà tôi, nhưng bán cho nhà Ích Ký ở phố Hàng Giấy. Cụ Ích Ký bà, quen biết và buôn bán với nhà tôi, không hiểu vì lẽ gì nhường ba cuốn ấy cho thầy tôi toàn quyền xuất bản.

Tại sao cụ Phạm Duy Tốn lại nhường quyền xuất bản ba cuốn “Tiểu lâm Quảng Ký” cho nhà Ích Ký? Sau này, nghe chuyện của “người lớn” nói với nhau, tôi biết rằng cụ Tốn quen nhà Ích Ký qua cô Phạm thị Nghĩa là con gái cụ Ích Ký.

Không nói, chắc các bạn cũng thừa rõ là đàn bà con gái thời đó cổ kính và

cao tường kín cổng đến chừng nào

Mặc dầu cụ Nguyễn văn Vĩnh làm “Đông Dương Tạp chí” mở ra mục “Lời đàn bà” và viết những bài ký là Đào thị Loan, để khuyến khích nữ giới làm thơ và viết văn, tuyệt nhiên không có cô nào, bà nào lên tiếng — kể cả hai nữ sĩ Tương Phố và Song Khê. Lúc đó, đa số các bà, các cô còn đi dép cong đội nón quai thao, ăn trầu. Ở suốt Bắc kỳ chỉ có hai cô theo học trường Brioux (lúc ấy ở đường Hàng Trống, gần Ngõ Hồ, trông sang đền Hàng Trống đậu được đến bằng Sơ Học Pháp Việt : đó là cô Phạm thị Nghĩa, ái nữ của bà Ích Ký mà tôi vừa nói trên kia, và cô Hoàng thị Nội, sau lấy kỹ sư Nguyễn Lễ. Cô Nghĩa sau lấy y sĩ Đỗ Uông nhưng vì trái duyên, nên bước đi bước nữa, lấy ông Lê Thành Ý, giáo sư Việt văn trường trung học Albert Sarraut, sanh được hai

con, thì một không may chết đuối.

Mặc dầu đồ rất cao, các cô Nghĩa và Nội vẫn sống trong lễ giáo và nề nếp, kín cổng cao tường. Tôi không hiểu duyên cớ gì xui cù Phạm Duy Tồn biết cô Nghĩa, nhưng vì có sự quen biết ấy, cù Tồn mới để tác quyền ba tập “Tiểu lâm Quảng Ký” cho nhà Ích Ký và sau đó tác quyền ấy về thầy tôi. Chính vì có sự nhượng lại bản quyền đó, cù Tồn và thầy tôi mới gặp gỡ nhau và quen biết nhau. Tôi được thấy cù Phạm Duy Tồn hai ba lần cũng vì mấy cuộc gặp gỡ nói trên.

PHẠM DUY TỒN MỘT NHÀ VĂN GIÁC NGỘ SỚM HƠN AI HẾT

Biết khai thác cái cười và hiểu biết giá trị của tiếng cười sớm nhất trong các nhà văn hiện đại, theo tôi, Phạm Duy Tồn là người tiên phong. Ba tập “Tiểu lâm

Quảng Ký” của cụ quả là một tài liệu quý báu vô cùng cho loại văn hoạt kê trong bình dân Việt Nam, mặc dầu có một ít truyện có thể gọi là tục như “Ông thầy bói ăn bánh rán”, “Úm ba la ba ta cùng khỏi” hoặc “Ông thầy treo mắt ngược” nhưng tất cả các truyện sưu tầm đã biểu lộ được hết sức rõ rệt ý nghĩa tiếng cười của người Việt Nam, ngoài thì hời hợt mà trong thực sâu sắc, có tục có thanh, nhưng dù sao cũng không tục tĩu và phi luân lý như nhiều truyện tiểu lâm khác của một vài nước trên thế giới...

Đến bây giờ đọc lại ba tập ấy, các bạn cũng phải nhận như tôi là văn của cụ Tồn rất đậm đà, có duyên, viết không thừa chữ mà lại biết nhấn mạnh những điểm nực cười, cho đến bây giờ chưa chắc đã có người nào thuật lại chuyện tiểu lâm hay hơn thế. Cụ đạt được kết quả như

thế có lẽ là vì cụ sớm giác ngộ, lại thêm một khối óc thông minh hơn người, đã am hiểu Nho học lại ảnh hưởng thêm Tây học.

Cũng như Phạm Duy Khiêm, và Phạm Duy Nhuận, cụ Phạm Duy Tốn người cao dong dỏng, mới trông như ba Tàu, tóc bông bông, bù xù, ít khi chải cẩn thận, đeo kiếng trắng, mắt lim dim lúc nào cũng như buồn ngủ, cười nửa miệng, trông đẹp và có duyên. Thường thường, nói chuyện với ai cụ cũng thọc hai tay vào túi quần.

Một phần lớn thuở thiếu thời cụ sống ở miền Nam, viết bài cho Đông Pháp Thời Báo, Lục Tỉnh Tân Văn... Đến khi ra Bắc, cụ đứng vào nhóm Nguyễn văn Vĩnh, và đã thủ một vai quan trọng trong vụ tẩy chay người Tàu do Nguyễn Văn Vĩnh đề xướng từng làm cho ba Tàu ở

Hà Nội thất điên bát đảo. Bây giờ, các cụ đồng tuế với cụ Phạm Duy Tốn, như Bác sĩ Nguyễn Bá Tụng, hãy còn nhớ trong những ngày sôi nổi ấy, Phạm Duy Tốn đã đứng trước cửa tiệm vàng bạc “Nam Bảo” phố Hàng Đào, chỉ huy thanh niên chống lại “đội xếp” đàn áp các người biểu tình “tẩy chay Hoa kiều ăn cơm gạo của ta béo mập rồi lại quay lại khinh bỉ dân ta, bóc lột dân ta” và cũng chính Phạm Duy Tốn đã can đảm ra giằng co với “đội xếp tây và đội xếp ta” để cứu Mãn Châu Nguyễn Mạnh Bổng (sau này là chủ nhà xuất bản Hương Sơn, anh rể Hán Thu Nguyễn Tiến Lãng) lúc đó là một cán bộ hăng say nhất trong phong trào tẩy chay Hoa kiều.

Tiệm vàng “Nam Bảo” là một tiệm buôn do cụ Tốn lập ra để sống một cách tự do trong khi cụ vẫn viết báo và viết

sách. Những khi nào rảnh rỗi, cụ đi chơi chỗ này chỗ kia, không chịu làm việc với Tây, không chịu quy lụy ai, bất cứ quan lại Annam nào cụ cũng kêu là “thằng”. Trong thời kỳ ấy, cụ thường năng đi lại đàm đạo thế sự nhân tình với các cụ Trần Trọng Kim, Nguyễn Văn Vĩnh, Nguyễn Bá Tụng... và mỗi tuần các cụ lại một lần ăn cơm tây ở trên gác sân căn nhà số 34 Hàng Mã Mây (Hà Nội) tức là nhà cụ Nguyễn Văn Vĩnh (cụ còn một căn nhà ở 10 Général Bichot tại Đường Thành, gần trại lính). Cũng trong thời kỳ này các cụ vẫn có tin tức từ hải ngoại bí mật gửi về và có người đã thấy trong thư viện của cụ Vĩnh ở tại số nhà nói trên, những bức thư của cụ Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh gửi chuyển tay về nước.

Mở tiệm kim hoàn “Nam Bảo” ở Hàng Đào, cụ Phạm Duy Tốn đã khéo

áp dụng cái cười để quảng cáo cho cửa tiệm. Riêng về cách quảng cáo ấy cũng hết sức mới, so với lúc bấy giờ.

Nhờ tài khéo ăn khéo nói, cụ thuyết phục được các đào kép rạp Quảng Lạc “Sán Nhiên Đài” quảng cáo cho tiệm vàng của cụ, vì thế cho nên có nhiều lần người ta đã thấy đào Cường và đào Đính đóng tuồng “Nhất bộ nhất bài Phàn Lê Huê” và “Quan Công phò Nhị tẩu” giơ tay lên trời nói một câu rất trơ mà cũng rất công hiệu : “Ra hiệu Nam Bảo mua vàng đeo tay”. Lại một chuyện khác liên quan đến việc quảng cáo cho tiệm vàng Nam Bảo. Thuở ấy, ở trên các đường phố Hà thành, có những người Cao Ly mang những tấm thảm và da beo ở tay, vừa đi vừa kêu một thứ tiếng khó hiểu tựa như “Nằm pố”. Ai cũng muốn biết “Nằm pố” là cái gì. Có phải là “la pố” (la peau) khô-

ng ? Thì cụ Tồn đạo mạo giải thích như sau :

– Có thể mà không biết ! Người ta nói tắt đấy. Cả câu như thế này “Nằm phố tổ hảo”, nghĩa là tiếng Cao Ly họ bảo : “Nam Bảo tổ hảo” tức là vàng nhà Nam Bảo tốt lắm, tiệm vàng Nam Bảo tổ hảo, cơ lơ bớ !

Các cụ bạn của Phạm Duy Tồn đều chịu cụ Tồn là người thông minh, mau trí. Cụ viết cũng mau, làm thơ rất lạ. Bây giờ, các cụ như bác sĩ Tụng còn nhớ có một lần ăn sinh nhật báo “Đông Dương Tạp chí”, cụ Tồn vừa nói chuyện vừa làm một bài thơ khôi hài rất hay, nhưng tiếc vì tài liệu mất mát nên chỉ còn nhớ có câu đầu:

“Ừ này, sinh nhật báo Đông Dương!”

Những truyện ngắn như “Sống chết mặc bay” và “phim” như “May cho ta” cụ viết cũng mau lẹ lắm và tài một cái là những danh từ, hình ảnh cụ dùng rất hay và rất mới. Thí dụ : đi hót tóc, cụ ví tiếng kéo lách cách tĩa tóc như tiếng chim hót và ví mặt người uống rượu đỏ gay như mặt... Ai cũng cho là cụ nói tục. Cụ cười mà bảo : “Rõ các ông này bậy quá ! Để cho người ta ví cho hết câu đã nào. Tôi ví mặt người say rượu đỏ như mặt trời, có gì là bậy đâu mà các cụ làm âm lên thế !”

NHỮNG CÂY CƯỜI CÙNG LỚP VỚI PHẠM DUY TỐN

Lúc ấy, cụ Phạm Duy Tốn cũng có viết bài cho “Trung Bắc Tân văn”, nhưng mục “Hài đàm” thì lại do hai cụ Hif Din-hf Nguyễn Văn Tooì và Sơn Phong giữ.

Lúc ấy Sơn Phong và Hì Đình đi đôi với nhau, ngày nào cũng có một mẫu hài đàm đăng trang nhất, phần nhiều kết bằng bốn câu thơ.

Hài đàm của Hì Đình Nguyễn văn Tôi, Sơn Phong khác hẳn loại tiểu lâm của Phạm Duy Tốn. Về sau này, nói đến hài đàm của Hì Đình và Sơn Phong, báo “Phong Hóa” riều là nhạt như nước ốc ; nhưng thực ra hồi đó các bậc nho học lão thành thích thú hết sức và cho là sâu sắc, tế nhị vô cùng. Chúng tôi rất tiếc không giữ lại được những bài ấy để in thành sách cống hiến cho bạn đọc, chớ nếu làm được như vậy thì chúng ta cũng có một tài liệu quý giá về một loại hài đàm tế nhị và sâu sắc, đánh dấu một thời kỳ nhà nho chơi chữ chữ tây và chữ quan. Hì Đình và Sơn Phong là ai ? Hì Đình, viết theo chữ quốc ngữ mới của cụ Nguyễn Văn Vĩnh là Hìf Dìnhf, ký tên là Nguyễn

Văn Tôi, thực ra là cụ Tú tài Nguyễn Đỗ Mục, một nhà nho nổi tiếng về tài dịch những tiểu thuyết Tàu như “Tam Quốc”, “Đông Chu”, “Thuyền tình bể ái”, “Đốt cháy chùa Hồng Liên”, “Liêu trai chí dị”, “Đông chu liệt quốc”... Vì sau khi Trung Bắc đóng cửa, cụ Tú Mục sang dịch sách cho nhà Tân Dân, tôi được gần cụ đến lúc cụ mất. Mặc dầu lúc ấy có tuổi và đã yếu lắm, mỗi tháng cụ cũng từ Mục ra thăm tôi một lần, trò chuyện về thiên hạ sự và dạy bảo tôi. Có được gần cụ, mới biết cụ là một tay thâm nho “phờ lếch⁴ không chịu được”, đúng là một thứ “cù không cười”, chuyện trò to nhỏ càng ngấm nghĩ càng buồn cười.

Cụ ưa nói nhiều chuyện tiểu lâm liên quan đến các sử nam, sử nữ và bọn quan liêu, thầy nho, thầy lại.

⁴ nói tắt từ flegmatique : thản nhiên, tỉnh rụi. Tiếng Anh là phlegmatic.- Trần Công Khanh chú thích.

Còn Sơn Phong, tên thực là Bùi Đức Long, thì nguyên là một y sĩ, cũng cười theo cái lối Hì Đình, đương ngồi nói chuyện tử tế, nghiêm trang, tự nhiên để vào một chuyện cười rất xỏ xiên, kiểu “ông sư lên đàn mông sơn ỉa ra đây, vãi ra đấy” mà chính cụ lại không nhếch mép. Không có gì làm cho cụ cười, có lẽ là vì chính đời tình ái của cụ đã là một cái... cười khổng lồ rồi chẳng ?

Nguyên cụ Sơn Phong Bùi Đức Long làm bạn với một cụ bà so với thời ấy thì được kể là “mô-đéc” nhất. Cụ bà ghen có tiếng, giằn vặt cụ ông đủ tình đủ tội, làm cho cụ ông ra ngoài pha trò vui tính thế mà về đến nhà thì mặt ủ mày chau, như phải trèo lên đỉnh núi Can Ve vậy.

Cụ Bùi đức Long tức quá, bèn tìm cách dĩ độc trị độc. “Ồ, bà mày đã hay ghen như thế, ta cho biết tay !” Bèn lấy

ngay một bà hai, cho mà biết ! Bà hai là một người Thổ. Chẳng ngờ hai bà này lại “hợp quần thành sức mạnh” càng làm khổ cụ hơn, cấm đoán đủ mọi thứ. Cụ lại “dĩ độc trị độc” nữa, lấy luôn một bà ba người Mường ! “Vợ cả, vợ hai, vợ ba. ba vợ cùng là vợ cả”. Cụ Long suy nghĩ lung, định “dĩ độc trị độc nữa” nhưng anh em vừa kịp ngăn cản lại :

– Anh mà dĩ độc trị độc nữa thì người chỉ còn bằng cái tấm, rồi ho lao mà chết !

Cụ Bùi Đức Long đành phải nghe lời bạn, đóng cửa lại, “nằm chuồng trâu” viết sách khảo cứu về hát chèo và lấy rượu và thuốc phiện làm thú khiển hưng trong những ngày tàn bóng xế.

Ngoài Hì Đình và Sơn Phong ra, trong bảng các cây cười tiền chiến, đàn anh của các thi sĩ hoạt kê trào phúng

như Cuồng Sỹ Tạ Mạnh Khải, Tú Mỡ Hồ Trọng Hiếu, Đồ Phồn Bùi Huy Phồn và các Trạng như Trạng Mút, Trạng Hút, Trạng Hít và các Tú như Tú Phe, Tú Suýt, v.v... chúng ta không thể quên được một cây cười nữa là Kim Xuyên Trần Vương, và Yên Sơn Nguyễn Đình Quế – tác giả nhiều tập văn cười do nhà Tân Dân (lúc ấy mới ra đời ở Hàng Bông Cửa Nam) xuất bản.

Thực ra, những cây cười tiền chiến kể ra như thế không đủ một phần nào, bởi vì trong mỗi nhà văn đứng đắn vẫn có một cây cười tiềm tàng ở bên trong. Ai đạo mạo bằng cụ phó bảng Hoàng Tăng Bí (tức là cụ thân ra ông Hoàng Minh Giám đã có một thời làm bộ trưởng văn hóa và bộ trưởng ngoại giao ở Bắc Việt) ? Cụ nổi tiếng là nhà xã thuyết đạo đức nhất của báo Trung Bắc Tân Văn thời

bấy giờ, ấy vậy mà cười cợt cũng vào hạng “không chê được”. Cụ có cái tính hay “đố” anh em. Gặp lúc trà dư tửu hậu, gió mát trăng thanh, cụ đố đông đảo anh em :

– Tôi đố ai mời tôi lên Đông Hưng Viên nhậm sà.

– Dạ, cái gì chứ cái ấy thì được quá. Mời cụ !

Nhậm sà xong, cụ lại đố:

– Tôi đố ai ra hàng Buồm mua biếu tôi một bao chè thật ngon.

Anh em lại nói :

– Dạ, vui long.

Xong rồi, cụ lại đố :

– Tôi đố ai dám mời tôi đi ăn một bữa cơm tây.

– Xin bằng lòng. Rước cụ đi ngay bây giờ.

Ăn cơm tây xong, cụ lại đỡ :

– Tôi đỡ ai thuê xe giờ cho tôi đi chơi.

– Tưởng là gì chứ cái ấy thì không khó.

Đi xe giờ đi chơi chán, cụ lại đỡ :

– Đỡ ai mời tôi đi nghe hát cô đầu !

Anh em lại xin vâng.

Hát một lúc, cụ lại đỡ :

– Tôi đỡ cụ nào bảo bà chủ vào quạt màn giải chiếu cho tôi !

Cụ Nguyễn Bá Tụng gơ tay :

– Tôi xin nhận câu đỡ ấy. Nhưng thưa cụ, cụ đỡ nhiều quá rồi, xin cho đỡ

lại cụ một câu, chẳng biết cụ có cho phép hay không ?

– Sẵn lòng.

– Tôi đỡ cụ nghe hát xong rồi, cụ dắt chúng tôi về nhà gặp cụ bà.

– Ồ, để làm gì vậy ?

– Để đỡ cụ có dám cho chúng tôi trình với cụ bà là cụ vừa nằm với Đào Huệ không ?

Tức thì cụ bẳng Hoàng mất vui :

– Ấy, tưởng gì chứ cái ấy thì không nên. Để mai tôi mua hụi gấp trả lại hết tiền cho các ông, chứ các ông mà bảo bà nhà tôi như thế thì tôi chết bỏ bà nhà tôi!

II

Cường Sĩ Tạ Mạnh Khải, Kim Xuyên Trần Vương và Tương Huyền Vũ Đình Tường hiếu cái cười ra sao ?

NHỮNG CÂY CƯỜI CHUYỂN TIẾP

Viết đến đây, có một vài bạn thân đọc bản thảo này, đã thành thật nói với tôi là họ hơi thất vọng. Họ thất vọng không phải vì nội dung của bài nhưng thất vọng vì không ngờ những nhà văn như các cụ Hoàng Tăng

Bí, Nguyễn Đỗ Mục, Sơn Phong, bác sĩ Nguyễn Bá Tùng, Phạm Duy Tồn... nổi tiếng là những nhà văn đạo mạo của lớp Nguyễn văn Vĩnh, Phạm Quỳnh, Phạm huy Lục lại có thể viết văn cười cợt, nói chuyện tiểu lâm.

Chúng tôi không dám trách các bạn đọc ấy, là vì từ xưa đến nay nước ta vẫn chưa hết thành kiến cho rằng văn cười, văn hoạt kê, văn trào phúng là văn chơi, còn văn bình luận, văn than thời khóc thế, văn khảo cứu mới là văn chương chân chính và bổ ích. Chính Phạm Quỳnh đã nói như thế trong bài giới thiệu Tản Đà Nguyễn khắc Hiếu trên báo Nam Phong.

Sự thực đâu có thế. Từ xưa, các cụ nhà ta đã am hiểu hơn ai ý nghĩa và giá trị của tiếng cười, cho nên có văn chương Việt Nam là có tiếng cười của Yên Đỗ, Dương Khuê, Nghè Tân, Ba Giai, Tú Xương, với

những bài thơ phú đọc lên bây giờ còn thích thú hơn cả chục bài bình luận, hay những sách buồn bã, khóc than, giận dữ, có hại hơn có lợi. Bây giờ, người Âu mới tìm ra rằng là cái giận, buồn bã gây nên bệnh phát phì, đau phổi và hư bao tử, chớ từ ngàn xưa, trong đạo Khổng đã có tám điều then chốt để làm người. Đó là : chính tâm, tu thân, thành ý, thận đức, trí ngôn, trung thứ và dưỡng khí.

Nuôi lấy chính khí của trời phú cho, há chẳng phải là sống ung dung, nhả nhặn, an vui, thư thái đó sao ?

Buồn bã, uất giận, nộ khí xung lên đến cực điểm thì máu chạy quá mạnh phải trào ra, có thể làm cho người ta chết trong khoảnh khắc. Đó là trường hợp Đô đốc Đông Ngô Chu Công Cẩn, bị Khổng Minh chọc tức hộc máu ra mấy lần.

Chính vì am hiểu luật dưỡng khí hơn ai nên các cụ nhà ta, ngoài văn chương nghiêm chỉnh, lúc nào cũng lấy văn cười để khiến hứng tiêu sấu, để tiết sự cay cú ra trang giấy, để cười cợt với ẩn ý sửa đời phong hóa và chấn chỉnh nhân tâm.

Bên phương Tây, những văn gia, bác học lỗi lạc như Einstein, Marie Curie, Jefferson, Roosevelt, Churchill... đều là những cây cười có tiếng. Ai cũng biết nước Pháp năm 1922 đã lập ra Viện Hàn Lâm Hoạt kê gồm 30 ông bất tử, trong số có Gabriel de Lautrec và Georges Dacquois, nhưng có lẽ ít ai để ý rằng bản tuyên ngôn nhân quyền của Mỹ bắt đầu bằng một câu chuyện cười.

Sách chép rằng khi người Mỹ phá tan gông cùm, xiềng xích nô lệ mà người Anh cố đeo vào cổ họ thì tại hội nghị

Philadelphia, các nghị viên lỗi lạc, trẻ tuổi (trong đó có John Adams, Washington, Franklin) bàn nên thảo một bản tuyên ngôn độc lập để cho thế giới hiểu rõ người Mỹ với những nguyên cơ phát sinh ra cuộc khởi nghĩa chính đáng.

Jefferson, được toàn thể hội đồng tín nhiệm, giao trọng trách ấy cho làm. Xong rồi, tác giả bản tuyên ngôn độc lập đưa cho Franklin xem bản thảo. Ông này sửa đổi lại mấy chữ. Đến khi họp hội đồng khoáng đại, ông nào cũng đưa ra ý kiến, bàn ra tán vào, kẻ thêm khoản nợ người bớt điều kia cứ nhao lên.

Nhìn thấy tác giả tuyên ngôn tức bực về nỗi bản tuyên ngôn nhân quyền mình viết bị mỗ xẻ nhiều quá, Franklin bèn bảo Jefferson :

– Việc hôm nay làm tôi hồi tưởng lại câu chuyện khi tôi còn đi tập việc như sau:

Một người bạn tôi muốn mở một ngôi hàng bán nón, có đặt làm một cái biển “X... hàng nón, làm và bán nón, tiền ngay”. Ở dưới hàng chữ, có vẽ một cái nón.

Anh ta đưa cho bạn hữu coi.

Người thứ nhất nói :

– Hà tất còn để chữ hàng nón làm gì. Vì anh đã nói làm nón, bán nón rồi kia mà ! Như thế có phải là thừa không ?

Người thứ hai nói lời :

– Không cần phải để chữ “làm” nữa, khách chỉ muốn có nón dùng, chứ nào có để ý tới kẻ nào làm ra nón.

Người thứ ba nói :

– Mà chẳng cần phải “bán tiền ngay” vì lộ trần sự thật ra quá, e mất lòng khách. Anh nào không trả tiền ngay mình không bán, việc gì phải lôi thôi.

Người thứ tư nói :

– Thế thì chữ “và” thừa. Xin bỏ luôn ! Vậy là chỉ còn mấy chữ “X... bán nón” đủ rồi !

Người thứ năm ngắt lời luôn :

– Chữ “nón” cũng thừa. Vì ở dưới đã có vẽ cái nón rồi.

Nét mặt Jefferson tươi hân lên. Ai nấy cười rộ, dập tắt hẳn cuộc thảo luận huyền não hơn đám cháy. Sau đó, mọi người đều bỏ phiếu tán thành nguyên văn bản “Tuyên ngôn Nhân quyền”, không hề thay đổi một chữ nào.

CUÔNG SỸ TẠ MẠNH KHẢI

Vì cái cười có một giá trị đặc biệt như thế, nên từ lâu chúng tôi lấy làm lạ sao trong văn học sử Việt Nam, các nhà biên khảo có vẻ như không mấy chú ý đến văn cười.

Có lẽ một phần vì thế cho nên bây giờ vẫn còn có những bạn đọc yêu văn đã quan niệm một cách lầm lạc về văn cười như vài ông bạn tôi đã nói ở trên kia. Bởi vì chúng tôi muốn cho văn cười bảo thủ được nguyên vẹn giá trị của nó chúng tôi đã nói về văn cười và đã lần lượt kể ra những nhà văn cười tiền chiến (sau lớp Nguyễn Khuyến, Tú Xương, Nghè Tân, Ba Giai) mà chúng tôi lấy Phạm Duy Tồn, Nguyễn Đỗ Mục, Sơn Phong, Bùi Đức Long làm tiền phong.

Đó là thời kỳ báo giới của nước ta mới phôi thai, về báo định kỳ có Đông Dương Tạp chí, Nam Phong, Hữu Thanh, còn báo hàng ngày thì có Trung Bắc, Thực Nghiệp và Khai Hóa.

Về sau này, nhiều người cho rằng sau đó nhóm “Phong Hóa” lên ngôi trong ngành văn hài hước, nhưng lầm. Nhóm Nguyễn Tường Tam, Tú Ly, Khái Hưng chỉ ra trò này khi nhóm Hoàng Tích Chu, Phùng Tất Đắc, Chu Mậu, Đỗ Văn về nước và đưa ra một cuộc cách mạng báo chí với những tờ “Đông Tây”, “Cri de Hanoi”, “Dân Mới”, “Duy Tân”. Nhưng từ những cây cười như Phạm Duy Tốn, Nguyễn Đỗ Mục, Bùi Đức Long, qua đến lớp Văn Tôi, Lãng Nhân, Trúc Đình, làng văn cười Việt Nam còn trải qua một thời kỳ chuyển tiếp không phải là không quan hệ.

Đại biểu cho thời kỳ chuyển tiếp này, chúng tôi muốn kể ra ba nhà văn cười mà ít ai còn nhớ : đó là Cuồng Sĩ Tạ Mạnh Khải, Kim Xuyên Trần Vương và Tương Huyền Vũ Đình Tường.

Từ trước, các nhà văn cười như Phạm Duy Tồn Nguyễn Đỗ Mục viết văn cười nhưng cũng tham bác nhiều thể văn khác như bình luận, đoán thiên, tham khảo, dịch thuật riêng có Cuồng Sĩ Tạ Mạnh Khải thì chỉ chuyên có một mặt văn cười mà thôi.

Cái bút hiệu anh chọn lựa chính là để dùng vào loại văn đó : cười, chỉ cười thôi, cười như điên như cuồng. Chúng tôi tiếc rằng vì chiến tranh, hai ba thư viện ở đây không còn sách cần thiết để tra cứu tài liệu nên không thể ghi được những truyện cười anh đã viết mấy chục năm trên các báo “Trung Bắc, Thực

Nghiệp”, “Khai Hóa” hồi đó ; chúng tôi chỉ còn nhớ anh có để lại ba cuốn “Trò Đời” do nhà Tân Dân xuất bản.

Lúc đó, ông Vũ Đình Long, chủ nhà xuất bản Tân Dân, hãy còn làm giáo học ở Hà Đông, bắt đầu in thêm sách trong những giờ rảnh rang. Nhà xuất bản của ông hồi ấy chỉ là một hiệu sách nhỏ ở Cây Đa Cửa Quyền (Hà nội).

Ba cuốn “Trò Đời” của Cuồng Sĩ là những cuốn sách đầu tiên do nhà xuất bản Tân Dân ấn hành cùng với những truyện ngắn đầu tiên của Nguyễn Công Hoan (lúc đó cũng là giáo học ở Nam định). Bây giờ, tôi còn nhớ ở bìa mấy cuốn “Trò Đời”, Nam Minh Ngô Đăng Đĩnh có vẽ một cái tàu thuốc phiện rất to, bên cạnh có một anh ghiền đang co giò chạy tới để chui vào trong cái nhĩ. Dưới bức vẽ có đề hai câu thơ :

*Cái vành nhĩ tẩu cong cong**Kẻ hòng ra khỏi, người mong chui vào*

Cả ba tập này gom góp những truyện cười, thơ cười đăng trên các báo, hầu hết đều là những truyện vui, những câu châm biếm, hài hước về thuốc phiện. Bởi vì thuốc phiện là mối quan tâm chính yếu của Cuồng Sĩ Tạ Mạnh Khải.

Là người Bắc Ninh, thuộc huyện Yên Phong, Cuồng Sĩ sống về nghề viết, nhưng từ khi tôi được biết anh, anh không bao giờ có một căn nhà hay một cái phòng để mà viết văn, viết báo. Lúc nào cũng kẹp một tập giấy và đút túi một cây viết chì vót nhọn, anh toàn sống và viết ở tiệm thuốc phiện, làm thơ cười mau lẹ như làm văn xuôi, nhưng đặc biệt là vừa viết vừa chửi đổng nhà nước bảo hộ và quan lại mà lúc viết không

mấy khi phải dập dập xóa xóa quá hai câu hoặc năm sáu chữ. Cả một cuộc đời anh là một cái “hồ” bi đát, mà người bây giờ gọi là “ra-tê” [raté : kẻ bất đắc chí ; kẻ thất bại]; nhưng Cuồng Sỹ có vẻ không lưu ý đến thành công cũng như thất bại. Anh chỉ cần hai thứ : làm thơ cười cho hay và hút làm sao cho “đã”, mặc kệ cha đời sắc sắc không không. Người anh cao, đi lò dò như con cò, đeo kiếng trắng, tóc chải lật, túi lúc nào cũng rỗng nhưng quần áo thường giữ gìn cẩn thận và đều may theo lối “croisé” [chéo] trông hơi dơ bẩn. Đến tiệm, việc thứ nhất của anh là cởi quần áo xếp lại cẩn thận cho có nếp, đặt lên trên kệ cẩn thận rồi mới nằm hút. Hút xong thì viết. Nếu có tiền thì tà tà đi ra một cái quán cóc nào gần đó “ăn cái gì” và nhắm nháp một hai ly rượu đế.

Đây là cái thú văn nghệ sĩ hút và uống

chết thì thôi, nên Cuồng Sỹ rất nhiều thứ bệnh trong người. Nhưng cản trở anh nhiều nhất trên đường văn nghiệp là lúc trở về già, mắt anh kéo mây, gần như hỏng một bên, tuy là đã đeo kính “loạn thị” nặng gớm nặng ghê. Mặc dầu vậy, hễ khi nào có tiền, anh vui như phá, cũng như thơ cười và trào phúng của anh. Gặp chuyện gì buồn quá, anh cứ tro ra chó không ai thấy một nét cảm động hay sầu đau gì trên mặt và cứ như thế cho đến khi chung cục. Cuồng Sỹ, trong những ngày cuối cùng, không còn cách gì viết lách kiếm ăn được nữa, ở nhờ nhà một người bạn văn, ông Phụng Minh Vũ Công Nghi, anh ruột Vũ Công Định, chủ nhiệm “Tiểu thuyết Tuần san”. Vũ Công Nghi đã từng sống với Cuồng Sỹ Tạ Mạnh Khải lúc ông cộng tác với Phạm Quỳnh trên tạp chí “Nam Phong”, “Tứ Dân Văn Uyển” của René Crayssac

và “Việt Thanh” của Hội đồng An Dân. Sau này, vì vấn đề vợ Định khó tính, Vũ Công Nghi đã đưa Cuồng Sỹ về nuôi ở nhà riêng tại phố Hàng Than, gần Bót Hàng Đậu và tại đây Cuồng Sỹ đã chết một cách ai oán, trên một cái chõng tre, bạn bè thân thích không ai, sau mấy chục năm nuốt nước mắt vào lòng để tạo những câu văn cười cho thiên hạ khiến húng những lúc trà dư tửu hậu.

Cùng vào lớp đó, Kim Xuyên lại khác hẳn. Cùng một lứa tuổi với Cuồng Sỹ, Kim Xuyên, tên thật là Trần Vượng, là một thú y sĩ (anh em thường gọi đùa là đốc-tờ chó), sống tương đối an nhàn, đầy đủ, nếu không muốn nói là phè phỡn

KIM XUYÊN TRẦN VƯỢNG LÀM VĂN PHÚNG THỂ, CƯỜI CỘT VÌ UẤT HẬN AI ?

Nói tới đây, chúng tôi không thể buồn rầu mà nhắc để các bạn biết một điều : Thú y sĩ Trần Vượng tức là nhà văn cười Kim Xuyên, đã mệnh chung hồi mới đây (1969) tại Gia Định, thọ bảy mươi sáu tuổi. Đau đớn cho nhà thơ văn “suốt đời chỉ biết cười mà không biết khóc” đó, là trước đây dăm tháng, người con trai yêu quý nhất của anh là bác sĩ Trần Anh, giáo sư đại học, đã bị mấy người lạ hạ sát bằng súng lục trên đường đi từ trường Đại học về nhà.

Theo một người bạn thân của anh là Nguyễn Quỳnh, chuyên viết về kịch lịch sử cho đài phát thanh, từng giao du thân mật với Trần Vượng từ lúc Vượng còn trẻ, làm thú y sĩ ở Đông Triều là nơi

Nguyễn Quỳnh dạy học. Trần Vượng để lại được hai trai và mấy gái.

Riêng tôi được biết Kim Xuyên Trần Vượng từ lúc anh viết bài cho tờ “Ngô Báo” của Bùi Xuân Học. Cũng như trên tờ “Đông Tây” của Hoàng Tích Chu sau này, Kim Xuyên Trần Vượng thường viết những bài hoạt kê thời sự ngắn, kiểu hài đàm, và cũng như Hif Dinhf Nguyễn Văn Tôi, cuối mỗi bài thường có hai hay bốn câu thơ kết luận.

Ngoài ra, Kim Xuyên cũng có những bài thơ cảm khái và những đoạn thiên tiểu thuyết có tính cách nhạo đời, thời sự kiểu “Mặt trái đời” của Ngọc Thỏ Dương Mậu Ngọc. Về thơ, anh ưa đọc cho bạn nghe bốn câu thơ xứng ý mà anh đã cảm khái viết ra lúc đi tù Bắc Ninh, qua Phả Lại về Đông Triều là chỗ anh làm việc. Lúc ấy, nước lớn, dân phu bị chánh phủ

bắt đi hộ đê, cõm nắm muối vừng, canh gác và làm việc suốt ngày đêm không nghỉ. Cũng lúc ấy, chính lại cũng là lúc chính phủ Pháp vừa đàn áp xong cuộc cách mạng Yên Bái, Nguyễn Thái Học và mười hai nghĩa sĩ bạn bị đưa lên đoạn đầu đài. Trước cảnh tình ấy, Kim Xuyên cảm khái:

Mưa sao mưa mãi thế này,

Chân đê mặt nước càng ngày càng cao :

Anh em liệu tính làm sao ?

*Càng trông thấy nước càng ngao ngán
lòng !*

Bình thường, Kim Xuyên Trần Vượng ít khi buồn ngoài mặt. Anh hơi thấp, mập, tóc bợt, có vẻ tinh nghịch, trông phảng phất như Georges Milton trên màn bạc, cho nên anh em kêu anh là “Min-Tôn lô-can”. Lúc nào ăn mặc cũng

lịch sự, Trần Vượng có dáng đi bệ vệ, nói năng với bọn nha lại, tri huyện, tri phủ hách lăm và thích “sỗ” tiếng tây ra “chộ” họ ; nhưng đối riêng với các anh em văn bút chơi bời thì lại chiều bạn, nể bạn và chịu lép vế hơn là lý sự ra đầu ra đũa. Điển hình cho tâm tính đó là vụ Trần Vượng. diễn kịch “Ông tham đánh vợ” mà anh thủ vai chính.

Thực ra Trần Vượng là một kịch sĩ rất hay ngoài đời, thủ bất cứ vai gì, muốn đóng vai gì cũng được: hiền lành tử tế, xỏ lá ba que, nghiện hút, rượu chè, cờ bạc, dĩ bợm, thôi chẳng còn thứ gì không thông thạo. Thành phố Đông Triều muốn tổ chức một vở kịch “Ông tham đánh vợ” để lấy tiền làm việc nghĩa, mời Trần Vượng đóng vai chính, nhưng dù là việc nghĩa, anh cũng không chịu lên sân khấu. Là vì việc nghĩa ấy lại do Tây đứng giựt dây.

Trần Vượng không chịu đóng một vai gì hết, mặc dầu công sứ Wintrebert, năm lần bảy lượt cho người mời anh đứng ra tổ chức và thủ vai chính trong vở cho buổi hát “thập phần viên mãn”.

Mặc kệ, đã không chịu là không chịu. Tây không bằng lòng thì cứ đuổi về nhà, nhịn đói ít lâu không chết đâu mà sợ. Nhưng đến lúc các anh em cùng làm việc hay chỉ giao du với anh thôi đến điều đình và khẩn khoản anh giúp cho một tay “nếu không thì công việc khó mà thành tựu”.

Vượng nè anh em đành phải nhận lời và anh đã thủ vai ông tham đánh vợ, cử chỉ nói năng tài tình, có một khiến cho cả Đông Triều hồi ấy phải chịu anh là một thú y sĩ “số dách”, một kịch sĩ đại tài, một văn gia chua chát.

Ai đã biết Trần Vượng đều còn nhớ giọng văn chua chát, xỏ xiên ấy trong nhiều bài thơ như nói về hai nhà giáo, một nam một nữ ở Bắc Ninh “Kiki Toto, Toto Kiki” riều cái thói giẫm phải phân Tây, vợ chồng gọi nhau như Tây “Eh Ky!” – bởi vì một người là Kỳ, và “Eh Tô” – bởi vì một người là Thọ.

Các đoạn thiên tiểu thuyết của Kim Xuyên Trần Vượng cũng đều bàng bạc một tinh thần cười cợt, phúng thế như vậy. Trong tất cả các tiểu thuyết ấy, Nguyễn Quỳnh ưa nhất truyện “Đánh bạc với Rockefeller”, trong đó Kim Xuyên tả mấy người ngồi đánh bạc với một anh Mỹ “keo”, đánh cò con chỉ “mì” [đặt] đến một “đô” là hết sức. Anh em thấy thế tức quá bèn bảo cho anh Mỹ đánh như thế không bỏ bèn gì, thà giải tán còn hơn. Anh Mỹ không thay đổi nét mặt,

nói : “Tôi muốn chơi lấy vui, nhưng các ông không chịu, bắt đánh to tôi cũng xin chiều ý”. Và rút túi lấy một tập “séc” ký một “mi” soàng một triệu đô la.

Cả bàn bạc muốn ngất đi, liếc mắt nhìn xem thì thấy ở dưới “séc” ký một cái tên Rockefeller — tức là ông vua dầu hỏa Mỹ ! Truyện này viết ra không phải là không có một ẩn ý ở bên trong : Trần Vượng thích đánh tổ tôm nhưng góp nhỏ, vì muốn đánh lấy vui. Ai cũng chê anh là kẹo. Thực ra anh không kẹo, ví có muốn đánh góp năm mươi, anh cũng thừa tư cách – vì lúc ấy lương tháng hai trăm bạc là to lắm... nhưng anh chỉ góp năm hào mà thôi. Bài văn phúng thể trên kia chính là để nói chuyện gián tiếp với những ông muốn đánh tổ tôm to vậy.

TƯƠNG HUYỀN, MỘT CHUYÊN VIÊN CƯỜI QUA THƠ VUI VÀ HÀI KỊCH

Tôi tiếc mấy lúc gần đây không được gặp bà Vũ Đình Tường và các con nên không hỏi được có còn giữ được những thơ vui nào của Tương Huyền hay không, nhưng tôi biết Tương Huyền Vũ Đình Tường lúc sinh thời có làm nhiều thơ hoạt kê, nhưng ít đăng trên các báo. Chính Tam Lang Vũ Đình Chí là em ruột anh Tương Huyền Vũ Đình Tường cũng không nhớ được bài thơ hoạt kê nào của anh Tương Huyền, duy chỉ còn nhớ có bốn câu lúc anh âm chung, viết trên giường bệnh :

Đêm qua chợt tỉnh cơn mê,

Bỗng dựng hai má đầm đìa lệ rơi.

Khóc mình, khóc bạn, khóc đời,

Khóc chiều xuân xế, non mai, nhạc rừng.

Tương Huyền, — bút hiệu của Vũ Đình Tường — là một nhà văn trong những giờ rảnh rỗi. Một phần lớn thời giờ trong đời anh dành cho việc chữa trị các đau đớn vật chất của người ta : anh là bác sĩ đầu tiên bệnh vực Đông Y và đã từng đệ một đề án chủ trương Hoa Đà là thủy tổ khoa mổ xẻ.

Về văn, anh nghiêng về mặt phúng thế. Ngay từ lúc còn đi học trường Bảo Hộ, Tương Huyền đã đả kích chế độ thực dân Pháp qua một vở kịch nhan đề là “Chim Lồng” cùng soạn với em là Tam Lang Vũ Đình Chí. Kịch này không in, nhưng viết tay trên hai tập vở “palladium®” dầy, do Trần Quang Trân, bút hiệu là NgýM, hoạt họa. Bản thảo tập

kịch này đã mất. Trong kịch, hai ông Vũ Đình Tường và Vũ Đình Chí nói về cảnh tù đầy cực khổ của các chính trị phạm và cố nhiên, không bao giờ được đưa lên sân khấu.

Tương Huyền là bạn nổi khổ của Kim Xuyên Trần Vương. Cũng như Kim Xuyên, Tương Huyền cũng viết nhiều đoản văn phóng thế, hài đàm, nhưng biết rằng có đưa cho báo chí, Tây cũng chẳng cho đăng nào, nên Tương Huyền cất giấu một chỗ. Người ta chỉ còn giữ được của Tương Huyền hai vở kịch đả kích và chế giễu những cái rởm của xã hội mới theo Tây, bọn giàu nổi, bọn bỏ đờ chủ mới để mưu cầu công danh: đó là vở “Nặng nghĩa tứ thầy” và vở “Kim Sinh”. Vở “Nặng nghĩa tứ thầy” đã được trình diễn ở Nhà Hát Lớn Hà Nội, do Trương Đình Thi, kịch sĩ số I của Bắc

Viết thủ vai chính và được các báo hồi ấy hoan nghênh nhiệt liệt.

Ngay cái nhan đề “Nặng nghĩa tờ thầy” cũng đã bâng bạc một ý nghĩa chế giễu, khôi hài rồi. Kịch tả một chuyện thực ở Hà Nội hồi đó : một cô con gái con nhà quan lớn, giàu có, ăn không ngồi rồi, bắt chước mẫu quốc tập cầm lái ô tô. Thế rồi tờ và thầy nặng nghĩa với nhau quá mức, bụng cô gái cứ to phè phè ra, làm cho một vai phụ trong kịch phải ngâm :

Mùi hương sao để pha mùi ét xăng ?

Tương Huyền mất năm 43 tuổi. Sinh năm 1900, anh mất năm 1943 vì một bệnh ác liệt, bệnh chí rận (typhus) mà anh đã bị lây trong khi anh săn sóc các tù chánh trị. Anh nức ba ngày liền. Đến lúc mệt quá, anh làm bốn câu thơ trên kia. Có một điều hận nhất là cả mấy vở kịch

của anh cũng không còn, mà những thơ cười, thơ phúng thế cũng như thơ dịch Pháp văn của anh viết ra lúc sinh thời, bây giờ anh em cũng chỉ còn nhớ mang máng chứ không ai giữ được. Người ta biết rằng thơ dịch Pháp văn của Tương Huyền cũng khá nhiều, mà thi nhân Pháp anh ưa nhất và dịch nhiều nhất là thi hào Beaudelaire.

Tương Huyền sống một cuộc đời tương đối đầy đủ vì nghề thuốc, chứ không phải vì nghề văn bút; nhưng bạn bè trong làng báo, làng văn rất nhiều và đều có cảm tình với anh. Là vì Tương Huyền là một người rất lịch sự, rất vui tính, ưa đùa cười. Có lẽ trong suốt cả đời anh chỉ có một người giận anh — mà có lẽ vì không hiểu ý nghĩa sự đùa cười của anh, đã tưởng lầm rằng anh nuôi ác ý. Sự thật, Tương Huyền cười cợt như người

ta ăn, người ta thở, cười cợt để quên lãng đau khổ, buồn thương của kiếp người mà anh phải chứng kiến hàng ngày, chớ không phải để tiết sự oán hận lên bất cứ đồng bào nào — ngoài thực dân Pháp lúc đó ra.

Đó là câu chuyện đùa giữa Tương Huyền và Nguyễn Đình Thấu, chủ nhiệm báo “Duy Tân” tờ báo trào phúng, vui cười đầu tiên bằng Việt ngữ ở Việt Nam. Một ông chủ báo chuyên đả kích người ta, không chê một hạng người nào không “chửi”, ai chẳng tưởng là “chai” lắm và chịu đựng hơn ai hết những câu đùa cợt của bạn bè, ấy thế mà không ngờ chỉ vì có một câu một câu thôi — Tương Huyền và Nguyễn Đình Thấu giận nhau cho đến chết. Nguyễn Đình Thấu là con trai cụ Thượng Quỳ, giàu có, hách dịch, được bố mẹ cho sang Pháp ăn học. Đến

lúc về nước, Nguyễn Đình Thấu trả lời các câu hỏi của anh em, vẫn nói rằng anh sang Pháp học nghề đúc chữ (trong khi Đỗ Văn nói rằng ông đồ kỹ sư nhà in).

Tương Huyền, bạn Nguyễn Đình Thấu, cười mà bảo :

– Anh học nghề đúc chữ mà về nước chẳng làm gì, uống quá, phí cả cái tài đúc đi. Thôi thế nhưng mà vẫn không cần : mình đúc con cũng được, vì đúc chữ hay đúc con cũng là đúc cả !

Ấy đó, câu chuyện chỉ có vên vện một câu như thế, vậy mà không hiểu Thấu nghĩ xa xôi thế nào đã cho là Tương Huyền “xỏ chín” mình, sinh sự, muốn ăn thịt nhau và đôi bạn thâm niên ấy chỉ vì một câu hài hước vô hại mà đối tình bạn ra thù cho đến chết.

MỘT GIAI ĐOẠN MỚI BẮT ĐẦU

Cả ba cây cười “chuyển tiếp” bây giờ đã hóa ra người thiên cổ. Nhưng nếu đời là một cuộc “tiếp tục” trường kỳ thì ngành văn hoạt kê, cười cợt đến đây cũng chưa kết thúc. Một thời kỳ mới bắt đầu : một bọn mới lên thay đem nhiều mới lạ hơn đến cho văn hoạt kê phúng thế. Đó là thời kỳ của nhóm Lãng Nhân Phùng Tất Đắc, Nguyễn Đình Thấu với những tờ báo trào phúng “Castigat ridendo mores” như “Duy Tân”, “Cri de Hanoi”, tờ “Dân Mới” của Chu Mậu, tờ “Chiếu Bóng” của Đặng Trọng Duyệt, “Đông Tây” của Hoàng Tích Chu, “Ngọ Báo”, “Việt Báo” với những bài văn cười của Tam Lang.

Thực ra, Tú Mỡ Hồ Trọng Hiếu, nhà thơ vui số 1 của báo “Phong Hóa” xuất hiện trước thời này, nhưng vì “đơn thương độc mã” trong tập san kỷ yếu của “Việt Nam Thanh niên Hội” nên không thể bật được lên và phải đợi đến lúc Nguyễn Tường Tam ra tờ “Phong Hóa” mới thành được tên tuổi trong làng thơ vui cười, phúng thế.

III

Cái cười đa diện của các bạn trẻ du học Pháp

GIAI ĐOẠN CỦA NHỮNG CÁI CƯỜI “DU HỌC PHÁP”

Bánh xe lịch sử chuyển vần, văn học sử không đứng yên một chỗ. Cũng như tất cả các thể văn khác, văn cười, văn phúng thế, châm biếm Việt Nam, qua một thời kỳ chuyển tiếp, bước sang một giai đoạn mới, phần thịnh hơn, xúc tích hơn. Cho đến lớp Cuồng Sỹ, Tương Huyền, Kim Xuyên, chúng ta chỉ thấy cái cười qua các chuyện Tiểu Lâm, các bài

thơ tứ tuyệt, bát cú, các bài hát, các bài phú, cùng lắm là trong truyện ngắn, hay kịch ngắn, kịch dài. Những thể văn phú lục đó thường ký tên người viết, nhưng vì một lý do nào đó, có nhiều bài đến bây giờ bị coi như là khuyết danh.

Đơn cử cho những thơ phú khuyết danh này, ta có thể kể bài thơ “Bách thú”:

*Dưới rặng cây xanh mấy dãy chuồng,
Mỗi chuồng riêng một giống chim
muông,*

*Khù khi vua cộp no nằm ngủ,
Nháo nhác đàn hươu đói chạy cuông.*

*Lữ khi được ăn bấy lắm chuyện,
Đàn chim nở mỏ hót ra tuông.*

*Lại thêm cây cáo dăm ba chú,
Hì hục tranh nhau một nắm xương !*

Cùng thuộc loại này, người ta còn nhớ những bài thơ mừng thọ Quận công Hoàng Cao Khải, bài vịnh Thái hà Ấp, bài “Ông phủ công bà đầm”, bài vịnh ông Tây câu cá ở Hồ Gươm, bài “Hoàng trùng, vi trùng” v.v... Hầu hết những bài thơ này đều không in trong sách hay đăng trên báo vì một lẽ dễ hiểu : lúc đó là thời kỳ Pháp thực dân thống trị. Những loại văn thơ như thế mà in trên giấy trắng mực đen nhất định sẽ bị tịch thu, mà người viết không bị nát xương ở Côn Lôn, hay Lao Bảo thì cũng bị cấm cố chung thân hoặc phát vãng lên những chốn ma thiêng nước độc.

Do đó, thơ văn trào phúng, châm biếm chỉ được truyền tụng từ người này qua người nọ trong dân gian. Phải đợi đến lúc Việt Nam quốc dân đảng nổi lên chống Pháp, thực dân biết không thể

kẽm hãm khe khắt quá, đành phải cỏi mở cho làng báo làng văn ăn nói rộng rãi hơn một chút, người ta mới thấy những văn thơ châm biếm lần lần trông thấy ánh sáng mặt trời.

Đó là thời kỳ báo “Trung Bắc” về già cụ Bùi Xuân Thành để cho ông con trai là Bùi Xuân Hạ ra làm tờ “Ngọ Báo” xuất bản buổi trưa bán một xu một số. Nhiều người cho rằng lúc ấy “Ngọ Báo” chạy là vì tin tức nhanh mà bán rẻ, lại thêm có chuyện ngắn và thơ trữ tình của Thanh Châu, Thanh Tử, Thanh Tùng Tử... Thực ra “Ngọ Báo” chạy còn vì một yếu tố khác nữa : đó là giọng văn đương Đông kích Tây, đá cạnh nói khéo của một lớp thanh niên được thời đại kêu là bọn “du học Pháp về”.

Hoàng Tích Chu, Chu Mậu, Nguyễn Đình Thấu, Đặng Trọng Duyệt... lần lượt

ra tờ “Đông Tây”, Đồi Mới, “Chiếu bóng”, « Cri de Hanoi », nhưng thực ra mấy tờ này cũng chưa có gì đáng kể, trừ tờ “Cri de Hanoi, viết văn châm biếm, vui cười bằng tiếng Pháp, ít được phổ cập trong dân chúng Việt Nam”.

“DUY TÂN” TỜ BÁO CHÂM BIẾM TIỀN PHONG TRONG LÀNG BÁO VIỆT NAM

Người đọc báo Việt Nam thực sự ham tiếng cười, mê tiếng cười và thi nhau mua báo cười để đọc bắt đầu từ lúc các tay du học Pháp nói trên xuất bản tờ “Duy Tân”. Đó là tờ báo cười cợt, châm biếm đầu tiên, một quả bom nổ trong làng báo lúc bấy giờ. Trong lúc tất cả mọi người đều trang nghiêm học tập Mạnh Đức Tư Cứu⁵, Tôn Văn, Khổng Tử, Mạnh Tử.

5 Người Trung Quốc phiên âm tên của nhà tư tưởng người Pháp Montesquieu thành 孟德斯鳩. Người Việt dựa vào đó phiên âm Hán Việt là Mạnh Đức Tư Cứu.



TAM LANG



Thương nhĩ JCHTAY

“Duy Tân” đã làm trẻ hẳn lại cái không khí lụ khụ lúc bấy giờ bằng cách

đưa ra một lối viết báo “quấy” “nhộn”, “láo không chịu được”. Báo này quấy ngay từ cách trình bày.

Một phần tư tờ báo hàng ngày gấp lại, tức là tờ báo ra 6, có khi 4 trang khổ 21x30 mà bán mắc hơn cả một tờ báo hàng ngày bốn trang 60x90 ! Ai mua đọc thì mua, không mua cũng không cần ! Ấy vậy mà ngay từ số đầu, báo này đã chạy không tả được. Ở dưới mặng-sét⁶ báo có in một khẩu hiệu : “Castigat ridendo mores” — “Cười cợt để sửa đổi phong hóa”. Nội dung có một bài xã thuyết dài bằng một ngón tay, ngoài ra những chuyện kiểu “Rire”, “Frou frou”, một hai cái “pôtanh”⁷ liên quan đến thời sự, một bài ca trù hay thơ phú, có khi là một chuyện ngắn châm biếm hay trào phúng. Thế là

6 manchette : hàng tựa lớn

7 potin : chuyện gẫu liên quan đến thời sự. – Trần Công Khanh chú thích.

hết, nhưng mà lúc đó không thể nào có một tờ báo chạy hơn !

Chủ nhiệm của báo là Nguyễn Đình Thấu con trai cụ Thượng Quý ở Hà Đông. Theo chỗ biết của riêng tôi, chính Thấu không hề có ý định ra một tờ báo như thế, nhưng vì trong những buổi họp mặt phá phách và vui nhộn với nhau, anh em thấy anh tếu không làm gì nên xúi anh ra tờ “Duy Tân”, làm chủ nhiệm để vui đùa, nhưng thực ra thì cũng vì một ẩn ý khác : anh em cho rằng Thấu làm chủ nhiệm thì ít có người dám lời thôi, mà Tây có muốn giở trò gì thì cũng có cụ Thượng Quý đẩy để làm bia đỡ đạn và che chở cho con trai đi Pháp học được mỗi một nghề là đúc chữ và đúc con. Tòa soạn tuyệt đối giữ bí mật. Nhưng các người làm báo lúc bấy giờ đều biết báo chỉ có hai người viết : một là nhà văn hiện giờ

đạo mạo vào bậc nhất, làm chủ một ấn quán lớn nhất, tức là ông Lãng Nhân Phùng Tất Đắc và một thi văn sĩ đã quá cố, từng lên trên núi xuống tóc làm cách mạng, huấn luyện quân sự cho quân đội VNQDD đánh lại Việt Minh, tức là Tẩy Xà (TchyA) Đái Đức Tuấn (khi nào viết văn đứng đắn thì ký một tên rất đẹp là Mai Nguyệt).

Ấy đó, tờ “Duy Tân* vền vền có hai “cha” đó, vậy mà đã làm nổi đình nổi đám một thời. Bây giờ nhắc đến tờ báo hạt tiêu “cha đẻ” của báo châm biếm, hoạt kê, phúng thế, những người thích “tếu” vẫn còn nhớ đến những chuyện cười đứt ruột như “Cái nút chai”, “Đôi giấy của Mai Du Lâm”, những bài ca trù riều Ngô Tất Tố, Đỗ Thận... hoặc những bài hát cô đầu “Anh thợ cạo”, “Ông thầy bói” có những câu bắt hủ như :

Văng vào thầy bói hóa ra phát khùng.

– Thằng nào quảng mớ mồm ông ?

Tục truyền bài thơ này là của ông Huyện Móm, tức là người đã làm bài văn tế Chiêu Quân bằng chữ nho mà Tản Đà Nguyễn Khắc Hiếu dịch ra nôm, trong đó có những câu đẹp như mộng :

Cô ơi cô đẹp nhất đời,

Mà cô bạc mệnh, thợ Trời cũng thua.

Một đi từ biệt cung vua,

Có về đâu nữa, đất Hồ ngàn năm !

“Duy Tân” là tờ báo riều, đồng thời cũng là thánh tổ báo chửi : chửi thời thế, chửi phong hóa, chửi xéo Tây và chửi luôn cả đồng nghiệp nữa. Điển hình cho lối chửi đồng nghiệp “có một không hai” trong làng báo Việt Nam là bài “Duy Tân”

“chửi” Ngô Tất Tố. Nguyên “Duy Tân” có viết một bài về hai mươi ba tết, ông Táo lên châu Trời và trích một câu thơ:

*Dăm ba ông Táo dạo chơi xuân,
Đội mũ, đi hia, chẳng mặc quần.
Trời hỏi làm sao ăn mặc thế,
Thưa rằng: hạ giới nó duy tân.*

Dưới bài thơ, “Duy Tân” ký tên là Tú Xương.

Ngô Tất Tố, bị Duy Tân, riêu là “con mắt anh không sáng mà cũng không nhoèm, suốt đời anh không biết ăn kem bờ hồ” nuôi một lòng tức sắn, vớ được cái “hồ” ấy, chửi “Duy Tân là dốt và dạy: “Bài thơ ấy của Tản Đà Nguyễn Khắc Hiếu, ngu quá, thế mà bảo là của Tú Xương !

Ấy vậy mà các bạn có thể tưởng tượng Duy Tân đã trả lời thế nào không⁸?

Trả lời quấy như thế này:

“Ta bảo cho Đồ Tổ biết : bài thơ ông Táo chính là của Tú Xương, người không được cãi ! Nếu Tản Đà nhận là của y thì chính Tản Đà đã ăn cắp văn của Tú Xương mà y không biết đó thôi !”

Phá đến như thế thì quả là không tiền khoáng hậu. Mỗi một câu là một sự “xỏ lá kênh”. Ai cũng chửi ; ai cũng riếu, chẳng tha người nào cả. Rút cuộc, Tây ghét mà ta cũng ghét. Nhưng Tây ghét, mà xét ra vô hại, Tây cũng mặc ; duy có ta ghét thì không chịu để yên. Những người bị “Duy Tân” chửi bởi tìm hết các

8 Theo chỗ biết riêng của chúng tôi, bài thơ này không phải của Tản Đà mà cũng không phải của Tú Xương, nhưng của một nhà thơ tên là Nguyễn văn Hiếu. Vì trùng tên nên lầm là Tản Đà.

cách để làm cho “Duy Tân” chết ; đồng thời họ lại chơi một đòn rất “ma đầu” là viết hết thư này đến thư kia gởi cho cụ Thượng Quỳ, “chửi cha Nguyễn đình Thấu lên”.

Hai ông Phùng Tất Đắc, Đái Đức Tuấn, thấy tình thế quá găng, rút lui có trật tự. Ông Khái Hưng, lấp ba lấp bấp, tưởng bỏ xông vào làm được mấy số thì cụ Thượng Quỳ không chịu nổi những lời chửi rửa của bạn “độc giả bốn phương” gửi về, đến xin ngấm với cụ Thiếu Hoàng Trọng Phu cho đóng cửa tờ báo quái ác kia lại. Thế là “Duy Tân” đi đứt, không kịp trời trăng với độc giả một câu, nhưng để lại cho làng văn làng báo Việt Nam cái tiếng là “thánh tổ báo cười cợt, châm biếm và phúng thế”.



LĂNG NHÂN

LÃNG NHÂN PHÙNG TẮT ĐẮC
KỂ LẠI CHUYỆN LÚC
LÀM BÁO DUY TÂN,

Trong bài trên chúng tôi đã tiết lộ hai cây bút cười của báo Duy Tân, “thánh tổ báo trào phúng, cười cợt ở Việt Nam”. Dưới đây, chúng tôi xin trích một đoạn văn của ông Lăng Nhân Phùng Tắt Đắc, một trong hai cây bút đó, nói về việc ông và Nguyễn Đình Thấu làm tờ báo Duy Tân :

“Năm ấy, 1930, chúng tôi tối nào cũng thường nằm bên khay đèn của Võ (theo chỗ biết của chúng tôi là Văn tức Đỗ Văn). Võ mỗi khi đã ngà ngà say, lại nghĩ ra những kế sách để hoán cải thế

giới. Cũng may mà kế sách ấy sáng hôm sau anh quên đi hết, chứ nếu anh nhớ lại và lại thực hiện được thì đất nước này đã có đến ngàn lần cách mạng nổi lên rồi, chớ chẳng chơi !

Một hôm, Võ đương mơ màng về sự sáng chế ra một thứ tia điện, mà anh gọi theo chữ đầu tên mình là tia V có khả năng chiếu xa 10 cây số, chiếu vào đâu là đâu cháy tan ra tro hết. Anh lim dim mắt tả những ảnh hưởng khủng khiếp của tia V thì phía ngoài có tiếng giầy lốp cốp đi vào. (Hồi ấy ít ai đi giầy đế “kếp” êm ru như sau này các ông bộ của Ngô Tổng thống). Nhìn ra là anh Đình (theo ý tôi là Nguyễn Đình Thấu), một công tử từng du học bên Pháp đã được bằng lái xe hơi, đương ẩn cư ở Hà Đông chờ có trớn để phóng nước đại. Thấy Đình mặc cái sơ-mi đã sờn cổ và tay, Võ hỏi:

– Dạo này đã có việc làm gì cho vui chưa?

– Chả có khỉ gì nên mới tìm đến các anh đây. Tớ có giấy phép ra một tờ báo lấy tên vợ vẫn là “Duy Tân”, có nghĩ cách xuất bản được thì làm giúp, chẳng nói các anh cũng biết, tớ thạo võ hơn văn

Võ hỏi ngay :

– Có tiền không đã ?

– Nếu có, đã chẳng phải nhờ các bố.

– Không cần nhiều, cứ nói ra có ngân nào mới tính toán được chứ.

– Tớ hiện chỉ có mười đồng, mà có đi hỏi giật quanh chắc cũng chẳng được thêm bao nhiêu vì bấy lâu vay mượn khắp nơi đã nhiều.

– Mười đồng cũng được rồi, để anh

em đặt con toán xem thế nào. Ngần ấy tiền thì không ra được báo hàng ngày, cái đó đã hẳn. Phải ra tuần báo, lấy cỡ 21x27, một tờ báo gấp làm 8 thành 16 trang. Chí, tính phỏng xem nghìn đầu hết bao nhiêu tiền in ?

Chí (mà chúng tôi biết là Nguyễn Doãn Chí) lấy bút ra nghĩ ngoáy một lúc, ngẩng đầu lên nói :

– Hai mươi bảy đồng.

– Vốn có mười hãy đưa trước, còn thiếu mười bảy, để tao nói với cụ Bô (tức là cụ Nguyễn Văn Luận) cho mày trả nốt sau. Bây giờ hãy in thử số đầu một ngàn tờ, giá năm xu, vị chi là 50 đồng, hoa hồng trả bán báo mười đồng còn bốn chục, trừ 27 đồng in, lãi 13 đồng rồi con ơi; so với 10 đồng vốn thì gấp gần rưỡi rồi, làm được chứ nhỉ ? Ấy là chưa

kể những ngàn sau giá in rẻ hơn, còn lợi hơn nhiều nữa.

– Ngộ ế thì sao ?

– Mình tìm cách không cho ế chứ. Không để ế lấy một tờ. Mà muốn thế, tất phải nêu ra một phương châm làm báo mới mẻ. Vậy anh em nghĩ cách nào thật hữu hiệu. Tao thì tao đặt ra cái nguyên tắc như thế này : Điều thứ nhất, chỉ có chửi, chửi thì ai cũng thích nghe ; điều thứ hai, gọi những người tai mắt toàn bằng tên trống không, không có ông, có cụ nào hết. Cho nó lạ tai !

Hai nguyên tắc chấp thuận xong, tôi được chỉ định viết những bài ngắn ngắn, góp thành 10 trang, còn 6 trang thì trang đầu làm lời phi lộ, năm trang sau thơ và truyện ngắn sẽ cho Tuấn (Đái Đức Tuấn) phụ trách.

Tôi miễn cưỡng lãnh trách nhiệm, rồi quay sang hỏi Tuấn :

– Chửi ai bây giờ mới được chứ ?
Mình chẳng thù hằn với ai, biết chửi ai và chửi về cái gì ?

– Thì hãy cứ lấy những nhân vật thường bị thiên hạ chửi mà chửi túa thêm lên, dù không mới mẻ gì nhưng vẫn có người ưa xem. Rồi ta chờ có ai lên tiếng trả lời, bây giờ sẽ có đầu đề để đối thoại, tha hồ mà ra chuyện.

Thế là bao nhiêu nhân vật tai tiếng của Hà thành được đem ra trưng bày. Khi đến nhà in sửa bài, cụ Bảng Bí đưa tập bản vỗ giơ ngang tay ra, nói bằng giọng :

– Nay các ông xem, bây giờ người ta viết lách như thế này đấy !

Thì ra trong tập bài có vài dòng nói về lỗi văn tứ thời bát tiết của cụ và cụ bực nhất đã bị gọi trống không là Bí, không có tiếng tôn trọng cụ bằng như thường lệ. Sau cụ bảng, đến cụ Vĩnh. Cụ Vĩnh là chủ nhà in này, nên khi thấy có bài nhạo văn cụ Vĩnh viết cứ lê thê ba mươi dòng mới oong poong [un point : chấm câu.], thợ không dám xếp chữ, cụ Bô phải mời cụ Vĩnh lại xem có cho in hay không. Cụ Vĩnh đọc qua, phá lên cười, bảo :

– Có sao đâu mà không cho in. Cứ cho người ta !

Lúc tôi lên kiểm duyệt (tôi phải đích thân lên kiểm duyệt vì cụ bảng Mộng trên đó là thầy học cũ, để nói hơn người khác) cụ Bảng lật xem qua, hất hàm hỏi:

– Bài xã luận đâu ?

– Thưa thầy, chúng con xin đưa sau, vì viết không kịp, hãy xin trình thầy chỗ này.

Cụ Bảng duyệt ngay, định ninh rằng còn có những bài đứng đắn khác đưa sau. Ai ngờ, lúc báo phát hành chị vền vền có bấy nhiêu, thật khác hẳn với các báo đương thời, báo nào cũng có xã luận làm cốt (Ty Kiểm duyệt thường chỉ chú ý riêng về bài này),

Ngày báo ra là cả một sự sôi nổi trong các giới Hà thành. Một ngàn số bán veo trong buổi sáng. Được trón số 2 in hai ngàn, số 3, ba ngàn, đến số 6 sáu ngàn, bấy giờ mới đứng ở mức này là mức cao nhất trong làng báo hồi ấy.

Sở dĩ có đề tài viết tiếp trong những số sau chính là vì, như đã tiên đoán, các báo không ai muốn rây với “Duy Tân”,

biết rằng sẽ như rây với hủi, riêng trên báo “Đông Phương”, ông Đồ Tổ say máu trở lời, khiến cho các cuộc bút chiến kéo dài tới 14 số liền, phần nhiều là “Duy Tân” cãi cối và nói xược, để trêu tức nhà nho. Tới số 12, tôi bận việc phải dời Hà thành. Khái Huyết (tức là Khái Hưng) ở nhà quê lên viết thay và cũng từ đây, báo thiên về đả kích sự dâm bôn và thủ đoạn lừa bịp hay bỉ ổi của nhiều nhân vật, gây ra trong đám nạn nhân một sự phản ứng dữ dội. Một chủ ngựa thi đem dăm chú dô-kê [jockey : nài ngựa.] đến định hành hung Đình (Nguyễn Đình Thấu), nhưng lúc ấy Đình không có ở tòa báo ; nhiều người khác cũng viết thư dọa dẫm, khiến anh ta phải trang trí văn phòng bằng gươm dao treo lơ nhố trên tường. Đình vốn có tiếng là “du côn” nên những lời đe dọa tuy bay đến tới tấp nhưng rốt cuộc không ai đem thực hiện cả, báo vẫn thản

nhiên tiếp tục đường lối đã hoạch định. Nhưng bị bối mớ c mãi, ai mà chịu nổi: người ta không trả lời bằng cách này, ắt cũng sẽ trả lời bằng cách khác. Thì quả nhiên sau đó ít lâu, ngày ngày hàng chục lá thư bảo đảm gửi đến cho thân phụ Đình, một vị hưu quan, mắng ông này là không biết dạy con. Ông cụ bực mình, lên phủ Thống Sứ yêu cầu rút giấy phép báo. Tính ra trước sau Duy Tân, ra được 22 số.

Lý do báo chạy gấp đôi báo khác, không hẳn là ở điểm nhiều độc giả hơn, phần lớn là tại cha mẹ mua báo không dám cho con xem, em mua báo không cho anh biết, một nhà có khi mua đến ba bốn tờ, trong khi báo khác chỉ cần một tờ là đủ.

Ngày báo bị đóng cửa, Đình làm một đám mua có xe đò đi đưa, có phường

kèn thổi bài Marche funèbre, do ông Louis Chúc đài thọ. Đám đi diễu vài phố lớn rồi quay về đỗ ngay cửa nhà hàng Đông Hưng Viên, các anh em đưa đám dắt tay nhau lên lầu ăn tiệc mừng, cười nói oang oang.

Trong những ngày đấu tranh bằng văn tự, ai cũng cảm thấy cái khoái đắc thắng của một việc làm ngang tàng độc đáo, không ai kịp nghĩ đến hậu quả của nó. Là tuy đã bày ra được những xấu xa có thực của một đời người, để cho họ tu tỉnh lại và để nêu gương cho kẻ khác, song có biết đâu rằng sau khi báo Duy Tân chết ba mươi năm, có người gặp tôi ở miền Nam hãy còn trách móc là đã làm đau lòng cho cả một gia đình suốt bao nhiêu lâu. Tôi tìm trong trí nhớ mới hiểu căn nguyên là do bài thơ của ông huyện Móm tả một sự kiện trở trêu “tham vàng

bỏ nghĩa, già chẳng trót đời” xảy ra ở miền Trung du Bắc Việt vào khoảng năm 1915, mà về sau Tuấn (Đái Đức Tuấn) đã đem kể lại bằng một thiên truyện ngắn, tất nhiên là có gia thêm nhiều mắm muối cho tươi đậm.

Cái khẩu nghiệp do ông Huyện Móm gây ra, đến Tuấn đem diễn tả lại sau này cả họ nạn nhân lại quy vào tôi, tôi áy náy mãi, không phải vì mình bị ngờ oan (tôi sẵn lòng chịu lỗi chung của đồng đội) mà vì nhận thấy rằng một lời nói xấu, không phải chỉ xấu cho một người mà còn xấu lây cho cả thân quyến của họ, là những người chỉ có cái lỗi đứng trong gia tộc kẻ trót làm nên tội, ngấm ra sự đả kích đã đi xa quá mục tiêu, đến cái mức bất công...



NGUYỄN VĂN VĨNH

BA THỂ VĂN PHÚNG THỂ MỚI RA ĐỜI

Nói cho thực, các tay “du học Pháp về” lúc đó quấy không chịu được, làm cho cả Pháp thực dân lẫn quan lại, bậc mình, mà chính ngay dân chúng cũng phải phàn nàn bọn “ông mãnh” và rửa

là “trời đánh không chết”, nhưng muốn công bình, ta phải nhận là công họ đối với cuộc cách mạng làng văn làng báo không phải nhỏ.

Tờ “Ngọ Báo”, vì vấn đề nội bộ, không dung nạp được Hoàng Tích Chu, Phùng Bảo Thạch, Tạ Đình Bính, Tam Lang Vũ Đình Chí đã buộc Bùi Xuân Học phải gạt nước mắt mà giã biệt anh em. Tập đoàn Hoàng Tích Chu ra tờ Đông Tây, mới đầu dưới hình thức tạp chí, rồi sau ra thành tuần báo in măng-xét đỏ, không phổ cập trong dân chúng lắm, nhưng có những câu thơ phùng thể cay chua của Á Nam Trần Tuấn Khải như :

Trên chiếc ô tô con chó ngồi,

Dưới, chiếc xe bò thẳng người lôi...

Nhưng thích vậy thôi, chó không có

gì “sôi động” lắm. Phải đợi đến lúc tờ tuần báo in măng-xét đen chuyển sang báo hàng ngày khổ báo “Canard enchainé” in măng xet đỏ, người ta thấy nhiều cái mới lạ trong các mục.

Đó là thời kỳ Lãng Nhân Phùng Tất Đắc làm chủ bút, đưa ra mục “Trước đèn” lý sự cùn (lúc ấy chỉ đề tí bài thôi), có những bài riều hóm hình, lý luận chướng phè phè (như những bài Cái trống, ông Khổng Tử mặt như quả dưa bở v.v...) và nơi trang ba có bài “Chuyện đầu” ký là Văn Tôi, do Phùng Tất Đắc và Hoàng Tích Chu cùng viết, tán phó mát, giảng đa bà cụ, đôi khi chẳng có gì mà có duyên đáo để, làm cho thiên hạ mê như điên đảo.

Hai loại văn phúng thế ấy, đối với thời kỳ đó, là cả một sự mới lạ, chưa từng thấy bao giờ, một viết theo kiểu “Mon

film” của Clément Vautel và một, theo kiểu “Propos du huron” của De Lafou-chardière.

Lăng Nhân Phùng Tất Đắc và Văn Tội Hoàng Tích Chu đều đem những vấn đề thời sự ra suy luận ngược đời hay nói xa nói xôi, nói lời thôi xích chó để kết cục riều những thói tục xấu xa hay những nhân vật quái thai của thời đại một cách hóm hỉnh, nhã nhặn, khác hẳn lối trào lộng ngổ ngáo và hơi “đểu” của “Duy Tân”.

Cũng vào thời kỳ này, với tư cách chủ bút, Lăng Nhân Phùng Tất Đắc đã đem đến cho tờ Đông Tây một thể văn phúng thể mới theo kiểu “Portraits” của La Bruyère — một thể văn mà trước cho tới lúc đó, Việt Nam ta chưa có. Ấy là lối văn châm biếm tả người nịnh, người lười, người ăn nên làm ra, trọc phú, dâm

đặt v.v... đặt dưới một đề mục là “Cuốn phim”, “Nam hải dị nhân”.

Đọc những bài trong loại văn hoạt kê này, người ta mừng tượng đến bài văn tế của Yên Đỗ Nguyễn Khuyến tế Ngạc Nhi (Francis Garnier):

*Nhớ ông xưa ;
Cái mắt ông xanh,
Cái da ông đỏ,
Cái tóc ông quăn,
Cái mũi ông lõ.
Đít ông cuỗi lừa,
Miệng ông huýt chó.
Lưng ông đeo súng lục liên,
Chân ông đi giày có mỏ,
Ông ở bên Tây,
Ông sang bảo hộ,*

Ông đẹp Cờ Đen

Để yên con đỏ.

Nào ngờ :

Nó bắt được ông,

Nó chặt mất sỏ.

Cái đầu ông kia,

Cái mình ông đó,

Khốn khổ thân ông,

Đù mẹ cha nó...

Cùng một lúc với Đông Tây, Ngọ Báo (lúc ấy do Tam Lang Vũ Đình Chí làm chủ bút) cũng tả những nhân vật thời đại bằng lối văn châm biếm nhưng Vũ Đình Chí nổi tiếng nhất với lối văn phóng thả, chơi chữ. Ấy là lúc anh làm chủ bút Tin Mới, của bác sĩ Luyện, mỗi ngày sản xuất một bài “phim”. Thực ra, Tam Lang Vũ Đình Chí viết loại này đã lâu,

từ báo Thực Nghiệp, với bút hiệu Thiên Lý Kính, nhưng không được ai để ý. Văn châm biếm của Tam Lang chỉ được người ta chú ý nhiều nhất từ tờ “Ngọ Báo”, nhất là tờ “Tin Mới” và có một lúc người ta rất ưa cái lối chơi chữ của anh như cắt tóc xoay đi xoay lại thành cắt... óc, ông lang chữa bệnh không bị người ta đánh chạy làng rồi... la làng ầm lên ! Những bài châm biếm ấy viết trong mục “Chén thuốc đắng”, “Đĩa mút gừng và sau này Tô Chân Nho đã có lúc sưu tập lại in thành một cuốn đề là “Lọng cụt cán” phần nhiều in lại những bài văn châm biếm viết trên “Ngọ Báo”, «Việt Nữ» và “Việt Báo” dưới bút hiệu “Tam Lang”, có khi là “Lang Tam”.



TÂN ĐÀ

TỪ KIỀU TÂN THỜI ĐẾN THƠ, PHÚ NHÁI CỦA TẮY XÌA

Có lúc tôi nghĩ rằng thời kỳ này là thời kỳ phát triển nhất của cái cười Việt Nam. Các thể văn châm biếm, hài hước thi nhau ra đời trong khi ngành văn dịch

thuật cũng đưa ra nhiều cái cười ngoại quốc. Nhà xuất bản Nhật Nam ở Hàng Gai vừa cho ra một hoạt kê tiểu thuyết dịch của Tàu nhan đề là “Nhật ký sợ vợ” thì trong ngành trước tác ta cũng thấy mấy cuốn sách hoạt kê châm biếm ẩn hành : “Lộ Văn” của Tiêu Liêu, “Tôi rất ghét đàn bà” của cùng một tác giả, nhưng làm cho người ta chú ý và tìm đọc thích thú lúc ấy chính là cuốn “Kiều Tân thời” của Bạch Diện. Cuốn “Kiều Tân thời” đưa ra một lối văn hoạt kê mới : lối văn nhái. Kiều của Nguyễn Du trang trọng bao nhiêu thì “Kiều Tân thời” quấy bấy nhiêu – nói theo kiểu bây giờ “nham nhở” bấy nhiêu.

Nhưng Bạch Diện là ai ? Đó là một ký giả nhà nghề nhưng không được mấy ai biết tiếng vì lẽ anh ta rất khiêm nhường, miễn là làm ăn có xu tiêu, còn thiên hạ

muốn nói gì, anh ta gác bỏ ngoài tai hết. Mà không gác bỏ cũng không được vì Bạch Diện, tên thật là Nguyễn văn Cử, “nặng tai”, muốn nghe người ta nói gì cũng không nghe được dễ dàng (bởi vậy anh ta có sức hiệu của anh em tặc là Cử Đắc). Mà tội nghiệp, lúc ấy, đã làm gì có cái máy nghe để đút vào lỗ tai hay lắp vào gọng kính như bây giờ !

Cử Đắc làm trợ bút “Việt Báo”, “Ngô Báo”, sau này làm thư ký tòa soạn cho tờ “Liên Hiệp” của Soubrier Văn Tuyên. Anh viết được mọi thể văn, làm thơ trào phúng, viết mục “phim hàng ngày” để là “Thiên hạ sự” và ký cái bút hiệu “Bút Nguyên Tử” của anh em để lại.

Đến đây, tôi phải thú thực một điều : Bạch Diện có viết một cuốn “Kiều Tân thời” thực nhưng sáng kiến ấy, chính là của Cuồng Sỹ Tạ Mạnh Khải. Có hai

cuốn “Kiều Tân thời” xuất bản vào hồi ấy, cuốn nào của ai viết trước, cuốn nào của ai viết sau, tôi không nhớ, chỉ nhớ rằng có nhiều người đã cười “bằng thích” với những câu như:

*Trăm năm trong cõi người Ngô,
Chữ tài chữ mệnh khéo vô lấy nhau.
Trải qua một cuộc đẽ râu,
Những phen vợ giật mà đau đớn cầm...
... Vào năm dít nóp tắng xanh (1935)
An Nam phẳng lặng, Tông canh⁹ vững
vàng
Có nhà thằng mõ họ Vương
Gia tư nghĩ cũng thường thường thiệt
xôi...
Một trai công tử hạng tôi,*

9 Annam—Tonkin (Bắc Kỳ)

*Vương Quan là chữ nổi đời vết niêu,
Đầu lòng cô ả Thúy Kiều,
Thứ hai cô ả mỹ miều Thúy Vân.
Mai cà rỉ, tuyết cà mềng,
Mỗi người một vẻ ho hen cả mười!*

Mấy câu thơ trích trên đây, nhiều người cũng như tôi, không biết của Cuồng Sĩ hay Bạch Diện. Bây giờ cả hai đều cũng qua đời, người viết bài này không còn biết hỏi ai, nhưng các bạn còn sống hiện nay ngờ rằng cuốn “Kiều Tân thời » thứ nhất là của nhà thơ khôi hài Cuồng Sĩ.

Có thể nói rằng “Kiều Tân thời” mở đầu cho loại văn nhái trong hoạt kê văn học sử nước ta. Sau đó, có nhiều nhà văn thơ khác cũng bắt chước làm “Kiều Tân thời” và làm thơ văn nhái, nhưng hoặc vì

không in trên báo hay trên sách, hoặc vì trước tác ít mà không nổi bật lên được, nên không ai nhớ tới.

Chỉ có một người sau này nổi tiếng về thơ nhái : đó là Tẩy Xì Đái Đức Tuấn lấy thuốc phiện để nhái bài “Bình Ngô đại cáo” và sau này đến thời Ngô Đình Diệm cũng lấy bài ấy để kể tội nhà Ngô, ngày Nguyễn Đình Quát ra tranh cử Tổng Thống Việt Nam. Sau này, thơ nhái lên hương, người ta thấy dân gian nhái cả những bản nhạc, kể từ bản quốc ca hồi Việt Minh mới lên nắm chính quyền : Đoàn quân tàu ô đi, chung lòng bán nước... hay nhái những bài như “Giò này giò nóng ai muốn mua thì mua...” theo bài hát “J’ai deux amours” của Joséphine Baker hồi đó được thanh niên thiếu nữ gần cổ lên mà bắt chước.

NHỮNG NHÀ VĂN CHÂM BIỂM NỔI TIẾNG VỀ MỤC “PHIM”

Tuy nhiên, trong tất cả các thể văn trào phúng, châm biếm mới đó, chỉ có một thể trường tồn: đó là mục “phim duy dua” [Film du jour.] theo kiểu “Propos du Huron” của De Lafouchardière mà người đầu tiên du nhập vào nước ta và làm nổi bật là Hoàng Tích Chu.

Hoàng Tích Chu, biệt hiệu là Kế Thương, khi viết “Nam Phong”, “Khai Hóa” ký Hoàng Hồ, lúc làm “Ngọ Báo”, là Văn Tôi lúc làm “Đông Tây” là một sinh viên du học Pháp có một công lao rất lớn là cách mạng làng báo Việt Nam, đem nhiều sáng kiến lạ đến cho tờ báo và cũng là người đầu dám thoát khuôn sáo cũ, đưa ra một lối văn cụt, phổ thô-

ng, đại chúng, nôm na để nói lên những sự thực lắm khi trắng trợn, khả dĩ làm cho người ta thích thú.

Văn ông có một cái duyên kỳ lạ. Nói cho thực thì lắm khi về ý, nhiều bài “Chuyện đầu” chẳng có gì; những người ta vẫn cứ mê và chờ đọc, y như là truyện Tổ Tâm của Hoàng ngọc Phách bây giờ đọc lại không có gì vượt mức nhưng vào thời ấy thì làm cho thiên hạ say mê không chịu được. Vì có Tổ Tâm, tiểu thuyết tình về sau mới phát triển thì vì có “Chuyện đầu”, các nhà văn châm biếm, đã hài hước ấy mới phát triển lạ lùng cho đến ngày nay.

Ngã vào làng báo mấy chục năm và từng đứng ra cộng tác hay tổ chức nhiều tờ sống lâu có, chết yếu có, tôi nghiệm thấy một điều này : cứ sắp ra một tờ báo nào hoặc hàng ngày, hoặc hàng tuần –,

thể nào cũng có ít ra vài chục ông bạn đến chơi nói chuyện và vui lòng nhận viết giúp cho mục “phim đũa dua” kiểu “Chuyện đầu”, vì ông nào cũng tưởng là mình “hóm hỉnh”, “có duyên”, viết cười cợt, châm biếm tài tình có một, bỏ xa tất cả những người khác, nhất là những nhà văn tiền chiến !

Sự thực đầu có thể ! Nếu trong văn chương mà có một thể văn nào khó viết, mà lại đòi hỏi nhiều “trí khôn” và duyên dáng cũng như kiến thức, tôi ngờ rằng đó là cái thứ văn cười cợt châm biếm vừa nói trên kia.

Đa số người cầm bút tưởng đầu là dễ, nhưng nếu cứ để cho các ông ấy giữ mục đó cho tờ báo, có nhiều phần chắc chắn là chỉ dăm ba số thì các ông cạn nguồn cảm hứng. Ấy là thí dụ các ông ấy viết được. Thực ra, thì tưởng mình viết

được là một chuyện mà viết được thật lại là chuyện khác : làng báo, làng văn ta đã từng được thấy bao nhiêu “cây bút hoạt kê, châm biếm bất đắc dĩ ấy” không biết làm trí khôn thế nào, đã xoay ra chửi càn, chửi bậy, đào ông bới cha người ta lên để đi đến một kết quả là bị mang lấy cái tiếng là quân vô học.

Viết văn hoạt kê châm biếm theo thể văn “phim”, người viết phải tỏ ra có học hơn cả các nhà văn khác và ngộ nghĩnh hơn các nhà văn khác. Không kể các cây cười như Phùng Tất Đắc, Hoàng Tích Chu mà tôi đã nói trên kia, trong các nhà văn tiền chiến ở vào giai đoạn của những cái cười “du học Pháp về”, tôi nghĩ cũng không có bao lắm người đáng kể. Cố nhiên tôi không nhớ được hết, vì thế tôi chỉ kể những người mà tôi nhớ, hoặc vì đã được thưởng thức văn cười của họ,

hoặc vì đã cộng tác với họ trên trường văn bút.

Tôi nhớ trước hết cụ cử Mai Đăng Đệ, biệt hiệu là Tam Hữu lại còn một bút hiệu khác là Trúc Sơn. Đó là thời kỳ báo “Trung Bắc Tân Văn”» phá sản, cụ Nguyễn Văn Vĩnh nhường tờ báo lại cho cụ Lỗ Thuơ Nguyễn Văn Luận. Vì được ở gần các cụ Hoàng Tăng Bí, Dương Bá Trạc, Nguyễn Đỗ Mục, Dương Phươg Dục, Doãn Kế Thiện, tôi được biết, ngoài những bài xã thuyết ký tên Tam Hữu, cụ Cử Đệ còn phụ trách mục cười cợt châm biếm của tờ “Trung Bắc Tân Văn” lúc bấy giờ và ký tên là Lãn Thần Tiên sinh. Những bài này đăng ở trang nhất, cột ba, dài chỉ một gang tay, nhưng gàn dở có sách, có nghĩa lý lạ lùng, nhờ vì cụ đọc sách chữ nho cả cũ lẫn mới nhiều nên kiến thức xúc tích và ăn nói đầu ra

đấy. Trong thời kỳ này, cũng trên “Trung Bắc Tân Văn”, Lê Văn Trương cũng viết một loạt bài cười cợt châm biếm dài hơn, đăng ở trang ba, ký tên là Cô Lý — vì anh mê một cô có tên là Lý... nhưng không đăng tải thường xuyên.

Sau một thời gian xa cách Hà thành, tôi nhận thấy Thông Reo – có người bảo là Phan Khôi, nhưng có người bảo là một tập đoàn chung nhau cùng viết — viết mục cười cợt này đã khéo và chửi xỏ chửi xiên đã tài. Đồng thời Nguyễn Văn Bá viết phim bằng chữ Pháp đăng trên ... của Nguyễn Phan Long, Bùi Ngọc Ái khùng khùng dở dở mà viết phim cho báo của Vũ Đình Dy hay đáo để, Hy Tống giữ mục ấy cho báo “Annam Nouveau” của cụ Nguyễn Văn Vĩnh. Nhưng ba ông sau này viết “Phim” bằng tiếng Pháp.

Về Việt văn, phải chờ đến báo “Công Dân”, “Tương Lai”, ta mới thấy Nguyễn Triệu Luật đôi khi viết bài cười cợt, châm biếm, xỏ xiên ký là Dật Lang, phó Cối, Phó Nhòm, Vũ Trọng Phụng ký là Thiên Hư, Phùng Bảo Thạch ký là Bảo Sơn, nhưng tất cả mấy ông này đều là viết chơi viết bởi. Nếu trong các nhà văn tôi được biết trước đây mà có một “chuyên viên” về lối văn cười cợt châm biếm mệnh danh là “phim”, “chuyện phỉếm”, “Nói hay đừng”... chúng ta phải kể một nhà văn nổi tiếng đạo mạo, tác giả những pho sách giá trị như “Văn chương đời Lê”, “Văn học đời Trần”, “Mặc Tử”, “Vương Dương Minh”... Đó là Ngô Tất Tố, một nhà nho học rộng, tài cao mà báo “Duy Tân” vẫn chế riễu xỏ xiên kêu là “Đồ Tố” và “nói sừng sừng” lên là mắt nhoèm suốt đời không biết ăn kem Bờ Hồ”.

Trên mấy tờ báo Dư luận, Tương Lai, Công Dân, Việt Nữ,... Ngô tất Tố đã tỏ ra là một tay châm biếm vào hạng “pho” [fort : mạnh] giữ thường xuyên mục đó và ký là Ngô Công (muốn hiểu là ông Ngô hay con rít đều được cả !

Tôi rất tiếc là lúc viết tập bài này, tài liệu về các báo xuất bản ở Hà Nội vào lúc đó không có cách gì kiếm được nên tôi không thể trích ra một ít đoạn văn phúng thế của Ngô Công để làm mẫu mực khôi hài, châm biếm ; nhưng bây giờ tôi vẫn còn nhớ những bài hóm hỉnh, xúc tích, xỏ xiên một cách văn vẻ, nói năng một cách “đểu giả nên thơ” của Ngô Công chửi ông Thiếu Hoàng Trọng Phu, Thống sứ Tholance, viết rất tài tình, như bài “Mưa theo xe” chẳng hạn... đọc lên mông lung, xổ ra không biết bao nhiêu điển tích về mưa về gió rồi kể lại sự

tích thế nào là “mưa theo xe” để kết cục chửi Thống sứ Tholance, hết hạn ở Đông Dương về nước, trời giáng cho một trận mưa để rửa hết rác rến, dơ bẩn, xấu xa mà ông đã làm ở Việt Nam...

Cái tài châm biếm của Ngô Tất Tố, trong quỹ đạo văn phúng thế, thật là đa diện : cái gì cũng biết tí ti, Nho có, Tây có, lúc cần, xỏ thơ chữ Nho, nhớ không biết bao nhiêu ca dao tục ngữ, mà lại có tinh thần Nho giáo, ăn nói sâu xa, ý nhị, chua cay mà vẫn hòa nhã, xỏ xiên mà không đến nỗi làm cho người bị riếu mất mày mất mặt...

Riêng tôi, tôi nhận Ngô Tất Tố là một “cây chuyện phiem” mà cho đến bây giờ — vẫn theo ý kiến thô lậu của tôi — ít có cây bút phúng thế nào sánh kịp.



HOÀNG TÍCH CHU



TRỌNG LANG



VÔ TRỌNG PHỤNG

IV

Vũ trọng Phụng, vua hoạt kê tiểu thuyết

Tôi nói “ít”, chứ tôi không nói “không” xin các chuyên viên văn chương châm biếm hiện nay thông cảm. Nhưng dù sao tôi cũng cứ phải nói ra đây một điều nhận xét của riêng tôi, các nhà văn hoạt kê, châm biếm bao giờ cũng có nhiều, nhưng bao giờ cũng có nhiều người “chửi càn” hơn là “làm trí khôn”, nói tục để gỡ lại cái điểm vô duyên lãng nhách. Nhưng đó là chuyện sau này, chưa nói vội.

Bây giờ, tiếp tục nói về diễn tiến của các nhà văn phúng thế, hoạt kê tiền chiến.

Có một số người cho rằng thời kỳ từ 1930 đến 1940 là thời kỳ cực thịnh của thể văn đó. Từ “Đông Tây” trở về, không báo nào không có mục “chuyện đầu”, chuyện phiếm, báo nào cũng cố viết cho hơn người. Những mục “pô tanh” để lại nhiều bài dí dỏm bây giờ nhắc đến còn thú vị. Nhiều bài thơ trào phúng, có người còn thuộc lòng đến bây giờ. Giọng xỏ xiên hoặc cay chua, hoặc mặn chát không đến nỗi làm cho người bị móc tức bực đến chán đời muốn đi tự tử.

Bật lên giữa cái rừng văn châm biếm, phúng thế đó, Vũ Trọng Phụng đã tặng cho văn học sử một cuốn hoạt kê tiêu thuyết làm cho độc giả phải cười thích thú từ đầu chí cuối : “Số đỏ”, mà vai chính là một thằng nhật banh tư-nít tên là Xuân Tóc Đỏ, vì nhờ hòn đất mà nổi tiếng một thời, sống phê phỡn không chê được.

Phải nói rằng từ lúc có văn chương phúng thể, hoạt kê cho đến lúc bấy giờ, văn học sử chưa từng có một tiểu thuyết hoạt kê dài như vậy. Vũ Trọng Phụng đã đánh một cái dấu đỏ không thể phai mờ với cuốn “Số đỏ” không ai bắt chước được, không ai theo kịp được, kể cả ngay đến tận ngày nay, người ta cũng chưa thấy có một cuốn tiểu thuyết dài nào vui vẻ, phúng thể hấp dẫn, mê ly như thế, một cuốn tiểu thuyết mà nhiều tên nhân vật đã thành ra những danh từ chung, nhiều chữ dùng trong sách bây giờ được người ta nhắc đến mỗi khi muốn pha trò để làm vui độc giả, đại khái những câu, những chữ như “Em chả, em chả...” hoặc “Biết rồi, khổ lắm, nói mãi...”

Văn chương cũng như văn minh, văn hóa chỉ có tiến, đứng lại một chỗ tức là lùi.

Nói cho thực văn chương, ta, kể cả văn chương hoạt kê, trào lộng, có tiến và tiến nhiều trong khoảng mấy chục năm nay, nhưng một số người yêu văn ghi nhận rằng kể từ trước cho đến Vũ Trọng Phụng và kể từ Vũ Trọng Phụng cho tới bây giờ, ta vẫn chưa có một cuốn hoạt kê tiểu thuyết nào bằng “Số đỏ”, như “Số đỏ”.

Thế là tại làm sao ?

Chưa có ai bảo cho tôi biết một lý do nào cả. Muốn cho thật công bình, tôi phải nói là ngay sau khi “Số đỏ” ra đời ít lâu, báo “Việt Cường” của Phạm Lê Bồng, (lúc ấy do Micro Bùi Xuân Như làm chủ bút, Thanh Châu Ngô Hoan làm tổng thư ký) cũng đã cho ra một chuyện dài vui nhộn, bắt chước “Số đỏ”, nhan đề “Bán đấu giá đàn bà”, tác giả Văn Thu – một nhà báo viết đủ các loại văn, kiểm

hiệp như “Hóa Châu nghĩa sĩ”, gián điệp như “Đảng Hắc Long” và xã thuyết, tiểu thuyết ngắn, tiểu thuyết dài không thiếu loại nào nhưng... vô duyên đến nỗi gần như không được ai biết tới.

Hoạt kê tiểu thuyết “Bán đấu giá đàn bà” cũng chịu chung một số phận với tác giả đẻ ra nó. Sau đây ít lâu, một nhà văn khác, cũng là vào hạng tên tuổi — xin giấu tên — cũng viết ở trên báo “Tin điện”, một hoạt kê tiểu thuyết khác nhau đề là “Số đen” nhưng “Số đen” cũng như “Bán đấu giá đàn bà” đã chịu cái số phận hẩm hiu là không được ai nói tới... Rút cục, theo chỗ tôi biết, “Số đỏ” cho đến bây giờ, trong quỹ đạo tiểu thuyết châm biếm, khôi hài, vẫn là một thứ “anh hùng độc lập”.

Nhân nói đến tiểu thuyết hoạt kê “Số đỏ”, tôi thiết nghĩ cũng nên nói qua một

chút về việc Vũ Trọng Phụng thai nghén và đẻ ra cuốn đó, theo những ghi nhận của tôi.

Vũ Trọng Phụng và tôi là hai bạn học từ lớp Dự bị trường Hàng Vôi. Tên thực anh ở nhà là “Thằng Tý”, Đến lúc ra đời làm văn, viết báo với nhau, anh em không dám đùa cợt anh nhiều, vì anh nghiêm nghị, nếu không muốn nói là khắc khổ, mặt lúc nào cũng rầu rĩ, đứng với hai ngôi sao nằm chính vào cung mệnh của anh trong lá số tử vi là Thiên Hư và Thiên Khốc. Phụng đặt bút hiệu của mình là Thiên Hư một phần cũng vì lẽ đó.

Đây không phải chỗ để nói tại sao suốt đời nét mặt Phụng đăm chiêu, sâu khô. Chỉ biết rằng từ lúc Phụng bắt đầu viết chuyện dài “Số đỏ” để đăng dần trên

“Hà nội Báo” cho đến khi hết chuyện, anh em không có ai để ý.

Hồi đó, chúng tôi làm báo “Công dân”, anh em sống tập đoàn. Vào bữa cơm, cũng như khi đi hát sường, đôi lúc Phụng cũng khoe với chúng tôi cuốn tiểu thuyết hoạt kê đó, nhưng anh em nghe mà không có vẻ mặn mòi cho lắm, bởi vì không ai tin rằng một anh mặt mũi lúc nào cũng âu sầu như Đức Chúa trèo lên đỉnh núi Can-ve (Calvaire) mà lại có thể tạo nên một cuốn tiểu thuyết vui khả dĩ làm cho người ta cười được.

Một người như Phụng, phải viết những chuyện cay cú như “Chiếc răng vàng”, “Giông tố”, những phóng sự như “Làm đi”, “Lục sì”, “Kỹ nghệ lấy Tây”, hoặc những kịch phóng tác đau buồn như “Lũ Cách bạo gia”...

Ấy vậy mà hoạt kê tiểu thuyết “Số đỏ” nổi tiếng lúc nào, không ai biết. Vũ Trọng Phụng thành ra một nhà văn cười “số dách”, ngoài sự tưởng tượng của anh em.

Lúc ấy anh em mới tìm đọc thì ra... buồn cười thực, và có người ngay lúc đó đã hé thấy cái buồn cười ấy bắt nguồn từ đâu. Để cốt chuyện và cách kết cấu truyện “Số đỏ” sang một bên, chúng tôi thấy rằng về cá tính của các nhân vật trong truyện cũng như những ngôn ngữ, danh từ trong truyện, Phụng đã khéo biết đem xử dụng những mẫu chuyện mà anh em thường kể hoặc thường nói hàng ngày để chế riễu, bài bác và phá phách xã hội lúc bấy giờ. Những danh từ “em chả”, “khổ lắm, biết rồi, nói mãi” cũng như danh từ “cảm phạt”, “Đại nam vọng quốc sử” là những danh từ mà lúc đó chúng tôi

thường đem ra dùng mà chế riễu và cười cợt với nhau. Phụng đã có cái can đảm và biệt tài đem dùng vào trong truyện và làm nổi bật được lên : sự việc ấy, tưởng là dễ, mà ít người làm nổi.

Vậy là Vũ trọng Phụng đương là một nhà tiểu thuyết, một nhà phóng sự, đầu hôm sớm mai thành ra một nhà văn châm biếm, hoạt kê “có hạng”. Sau này, lúc anh mất đi rồi, ngồi nghĩ đến anh, tôi đã có lúc tìm hiểu lý do thì nhận xét ra hai điều này :

1. Nhà văn Âu Tây nào đó, khi bàn về văn cười cợt châm biếm đã nói một câu rất đúng : những người tình cảm ưa những chuyện âu sầu, bi đát, còn những người viết văn trào phúng hầu hết đều là những người suy tưởng nhiều. Vũ Trọng Phụng trầm tư, ít nói, thuộc về loại những người suy tưởng, cay cú đời và buồn cười

một mình cho những bất công ở đời. Những người tình cảm thấy vậy thì than trời trách đất, buồn bã khóc than ; trái lại những người suy tưởng, ngồi nghĩ ngẫm nghĩ ngẫm thì lại thấy đời là một cái trò lơ lửng, kịch cớm, lửng nhăng, lít nhít, làm cho ta buồn cười nhiều hơn là làm cho ta phát khóc.

Vì thế, ta lại còn có thể đi tới kết luận phụ sau đây : Có nhiều phần chắc chắn là những nhà văn cười cợt, châm biếm không phải là những người vui vẻ thật tình, trái lại, là những người thâm gan tím ruột vì những điều tai nghe mắt thấy, nhưng không biết làm thế nào khác được, đành phải cười to lên để cho khỏi khóc. Đây là trường hợp của nhà văn Nam Cao khi viết tiểu sử của mình qua truyện ngắn “Cười với trăng”.

Một anh văn sĩ nghèo – mà văn sĩ bao giờ lại chẳng nghèo ? – Về nhà thấy vợ đói con khóc không biết đi vay đâu ra tiền đóng gạo bị vợ cự, cứ cười trừ. Vợ tức quá. Đã thế, con lại khóc om sòm. Người vợ không chịu được, sinh sự với chồng. Anh văn sĩ nghèo làm bộ vừa đi vừa điếc nằm vắt tay lên trán suy tư. Càng suy tư, càng thấy là mình ngốc, mình kém cỏi, mình bất lực : sao không làm nghề gì khác, lại làm nghề viết văn, viết báo, mỗi tháng được mười lăm đồng bạc, chẳng đủ đâu vào đâu ? Anh ta tức mình, anh ta tự thấy mình bất lực, anh không biết làm gì cả. Anh ta nhìn lên mặt trăng cười thầm. Nhìn mãi, thấy cái mặt trăng tròn vành vạnh, ở giữa mặt trăng lại có cái gì nham nhở răn reo, nghĩ đến cái mặt hổ phù của vợ cũng nham nhở, nhăn nheo như thế, anh không kềm chế được lòng mình nữa, bật cười với trăng,

và cười sằng sặc, cười chảy cả nước mắt ra.

Nói rộng quá ra ngoài, những nhà hài kịch như Molière, những nhà văn trào phúng như nhà văn Do Thái De Lafouchardière, những kép khôi hài như hề Charlot không phải là những người có một cuộc đời vui vẻ, sung sướng như nhiều người vẫn tưởng. Người ta còn nhớ Nguyễn Công Hoan đã có viết một truyện ngắn tả một anh kép khôi hài pha trò cho cả rạp hát cười hô hố, đến lúc hạ màn, ngã lăn ra hậu trường sân khấu, trong lúc tiếng cười của khán giả ở bên ngoài chưa tắt. Kịch sĩ khôi hài Molière chẳng đã chết đúng như trường hợp đó sao ?

2. Vũ Trọng Phụng viết nên truyện cười dài như “Số đỏ” một phần lớn cũng tại anh khổ quá. Bởi vì khổ quá, kiếm

đồng tiền để nuôi sống gia đình khó khăn, vất vả quá chừng, anh phải suy nghĩ luôn luôn, suy nghĩ rất nhiều để tìm ra cái mới, cái lạ luôn luôn để cho có một thị trường đông đảo những người đọc sách của mình, đảm hậu văn minh mới dễ bề tiêu thụ. “Số đỏ” là một thứ hàng mới lạ anh tung ra thị trường sách báo và phần thưởng chính là có nhiều người đọc anh. Phải chi anh sung sướng đầy đủ, chưa chắc gì anh đã chịu ngồi một chỗ để suy tư và bóp óc viết văn cười như tên hề trong truyện Nguyễn Công Hoan làm cho thiên hạ vui như tết mà chính mình thì chết như con chó sau bức phong nhà hát. Cái số kiếp nhà văn như thế, kể cả những nhà văn châm biếm, cười cợt.

Nhưng có thực là các nhà văn châm biếm cười cợt đều chịu chung cái số phận như thế hay không ? Văn trào phúng

châm biếm đến đây lại bước sang một thời kỳ khác thời kỳ “Phong Hóa”, “Ngày Nay”, “Vịt Đực”... Ta thử xem những nhà văn trong thời kỳ này ra sao.

V

Những tiếng cười của các nhóm “Phong Hóa Ngày Nay” “Vịt Đục” “Con Ong”

LÝ TOÉT, XÃ XỆ, BANG BẠNH

Báo “Duy Tân” của Nguyễn Đình Thấu gồm các cây viết cừ khôi như Phùng Tất Đắc, TchyA. Khái Hưng, cụ Huyện Móm... tắt thở đi thì làng báo trào phúng, ở nước ta im bật tiếng cười một dạo. Không khí làng văn làng báo trở nên lụ khụ một thời gian thì văn đoàn của Nguyễn Tường Tam phát hành tuần báo “Phong, Hóa”, trụ sở đầu tiên đặt ở

đường Kakon (Hà nội) trông sang vườn hoa Hàng Đậu. Ngay khi phát hành số đầu, báo này bán chạy vì hai lẽ : một là vì có những tiểu thuyết “hợp giọng độc giả” lúc bấy giờ, hai là vì có những tranh và mục vui cười vốn là những “món bao giờ cũng được độc giả ưa thích và tìm đọc”.

Nói cho thực, văn cười của Phong Hỏa, nếu đem bắc đồng cân lên không thể trội hơn những truyện Tiểu lâm của Phạm Duy Tốn, mà hóm hỉnh chưa chắc đã bằng “Duy Tân”, nhưng nhóm “Phong Hóa” của Nguyễn Tường Tam đã nổi bật vì tranh khôi hài nhiều hơn. Tờ báo nhiều tranh trông vui hơn đã đành, nhưng còn một cái lợi nữa là người xem báo đọc văn vui lại có tranh vẽ vui kèm vào cảm thấy ngộ hơn và do đó cái cười thấm thía hơn.

Tìm được cái “mạnh” đó, nhóm Phong Hóa đã khéo biết khơi sâu điểm ấy, mỗi ngày mỗi mở rộng hơn chu vi hoạt kê của báo ra. Tôi nói “hoạt kê”, chớ không nói trào phúng, bởi vì những truyện vui, truyện cười của “Phong Hóa” nếu là những truyện thoát đầu không đả kích ai, không châm chích ai, nhưng sau, vì thấy chỉ nói giữa trời như thế không “ăn” lắm, tòa soạn báo này mới đưa ra một lô nhân vật chính trị văn nghệ như Nguyễn Văn Vĩnh, Phạm Quỳnh, Hoàng Tăng Bí, Nguyễn Đỗ Mục, Vũ Đình Long, Tản Đà Nguyễn Khắc Hiếu, Nguyễn Công Tiễn... ra giễu cợt trong những “pô tanh” nho nhỏ, kiểu “Duy Tân” ngày trước, nhưng có kèm tranh vẽ nên vui hơn và cũng sống động hơn.

Nhưng báo “Phong Hóa” sở dĩ còn được ngày nay nhắc nhở tới nhiều, một

phần là vì tòa soạn đã tạo ra được ba nhân vật điển hình một là : Lý Toét, hai là Xả Kệ, ba là Bang Bạnh. Hai nhân vật đầu tượng trưng cho sự “chậm tiến”, tính thật thà làm như là quỳnh, của một số lớn dân quê Việt Nam lúc bấy giờ còn nhân vật thứ ba thì tượng trưng cho cái óc “xôi thịt”, “cái óc muốn ăn trên ngồi chốc”, cái “tinh thần ậm à ậm ọe, bợ đỡ người trên, bắt nạt người dưới”, của một số đông quan lại làm việc cho Pháp thực dân lúc bấy giờ.

Ba nhân vật này nổi tiếng cũng như “Le lampister” nổi tiếng trong tờ “Vịt Buộc” (Canard enchainé) của Pháp. Nhưng về phương diện hài hước thì cái cười của nhóm “Phong Hóa” thấp hơn và nặng nề về phần tiêu lâm hơn là châm biếm. Đơn cử một câu chuyện cười được thưởng thức lúc đó, mà “Phong Hóa” liệt

vào giải nhất trong cuộc thi văn cười :

“Một bà ngồi đồng, mặc áo xanh đỏ,
đang múa may quay cuồng thì vãi ra một
cái búm. Anh châu văn ngồi bên cạnh
nhanh trí, vừa đánh đàn vừa xuất khẩu
ngay. một câu hát hợp thời :

Bà buồn tình, bà rít bà chơi,

Bà bắn súng lục, bà bơi thuyền rồng.

Công bình mà nói về phần châm biếm văn cười của “Phong Hóa” có một điểm đáng khen : các người bị chế giễu, chỉ trích đã đành là có tức bực, nhưng không đến nỗi bị uất ức quá độ. Đó là nhờ vì tòa soạn báo ấy đã biết giữ gìn ngòi bút, viết ra những câu châm biếm vui mà không tục tĩu, cười cợt người ta mà không thóa mạ ai. Đại khái viết về Hoàng Tăng Bí thì chỉ nhạo văn ông “bí

rì rì”, nói về Nguyễn Khắc Hiếu thì nhạo ông say và vẽ ông với một cái mũi to nẩy lửa, đề cập đến Nguyễn Công Tiễn thì vẽ ông “quẹt cây diêm đốt đốt con rùa” và chế nhạo ông trồng thủy tiên, đến lúc mọc mầm lại thành ra củ hành Tây... Nhóm “Phong Hóa” có thể tự hào là những người lịch sự không bôi móc ai quá trớn, không lôi đời tư của ai ra phanh phui hay là viết những bài “ác liệt”, “hiểm độc” có thể làm cho người bị chỉ trích xấu hổ với họ hàng hay tủi hổ mà đâm ra tuyệt vọng. Tuy là đôi khi cũng có câu kính, như Tú Ly cãi nhau với Lê Tràng Kiều mà hạ bút viết “Ông chỉ đáng cho một cái tát !”

Theo những bạn hữu từng tiếp xúc nhiều với nhóm “Phong Hóa, Ngày Nay”, hiện giờ có mặt ở đây, người điều khiển chính yếu của nhóm không phải là

Nguyễn Tường Tam nhưng là Tú Ly, tức Hoàng Đạo, tức Nguyễn Tường Long, em ruột Nguyễn Tường Tam, phụ trách mục “pô tanh”. Vẫn theo các bạn hữu đó thì mỗi khi bắt đầu làm một số báo, anh em tòa soạn họp nhau lại đưa ra ý kiến người này có ý kiến về một hí họa thể này, người kia có ý kiến viết một bài thể kia, người nọ muốn viết một truyện ngắn, truyện vui thể nọ... Anh em bàn luận, và tham gia ý kiến thỏa thuận cả rồi mới viết hay mới vẽ.

Nguyễn Tường Tam, tức Nhất Linh, vẽ nhiều hơn là viết hài hước vì hài hước không phải là sở trường của anh. Trong số các nhà văn cười của nhóm “Phong Hóa, Ngày Nay”, ta phải kể Tú Ly. Thế Lữ (ký tên là Lê Ta), Khái Hưng, Thạch Lam cũng ít viết văn cười cợt. Ngoài ra, trong

số còn Trọng Lang Trần tán Cửu và một nhà thơ hài hước nổi tiếng là Tú Mỡ.



Nhà thơ trào phúng Tú Mỡ

THỂ THAO VÌ TÌNH

Thực ra người ta biết Trọng Lang và Tú Mỡ không phải từ báo “Phong Hóa, Ngày Nay” nhưng biết Tú Mỡ từ khi anh viết thơ vui cho tập kỷ yếu của “Việt nam Thanh niên Hội”. Còn Trọng Lang thì người ta biết từ khi anh viết vở hài kịch năm màn nhan đề là “Thể thao vì tình” mà Tú Mỡ thủ vai chính. Đó là một kịch vui, mà cũng là vở hài kịch đầu tiên dài tới năm màn, diễn tại Nhà Hát Lớn, được nhiều người tán thưởng. Trọng Lang cũng được nhiều người biết từ đó, nhưng người ta biết Trọng Lang, nhà phóng sự với những thiên điều tra như “Hà nội lâm than”, “Ăn cắp”, “Đàn bà hút thuốc phiện”, “Ăn cướp” v.v... chớ

ít người biết anh đã từng viết nhiều văn vui cười.

Tôi còn nhớ một lần báo “Ngày Nay” đặt một cuộc thi viết truyện ngắn vui, Trọng Lang đã được anh em chấm nhất với truyện “Lưỡng tầy cún” (lượng địa quan). Sau này, trên các báo khác, anh còn viết mục phim, mỗi ngày một chuyện tiểu lâm với tiêu chuẩn “Le ridicule tue” và nhiều kịch vui khác, như “Nhảy củ khoai lang”, “Thơ con ốc” lấy đề tài “Nông công hóa trí thức, trí thức hóa nông công”. Ngoài ra, Trọng Lang, cách đây chừng mười năm, còn một tờ tuần báo hài hước nhan đề “Cười... cười” trong có những đề mục như: Thư âm phủ, Tiểu thuyết vui, Chuyện vui đồng quê của cô Đoảng, Đối thoại giữa Hai Viên và Trưởng Trốc, và Phúng thích (tức là mục “pô-tanh” gom góp những

chuyện vui buồn xảy ra trong tuần, đem ra viết bằng một lối văn cười cợt)... Trọng Lang viết văn cười dưới nhiều bút hiệu khác nhau như Lục Liên, Cô Đoảng, Ba Vui... nhưng không lúc nào nổi bật lên được như Tú Mỡ.



LÝ TOÉT và XÃ XÊ, BANG BẠNH

TÚ MỠ TRƯỚC DÒNG NƯỚC NGƯỢC VÀ SAU DÒNG NƯỚC NGƯỢC .

Lúc tôi còn đi học trung học, Tú Mỡ đã đi làm Nha Tài chánh. Tôi biết anh là vì hai nhà chúng tôi đi lại buôn bán với nhau thân mật: nhà anh ở Hàng Hòm, mà nhà tôi ở Hàng Gai. Thoạt mới trông thấy anh, không ai lại có thể tưởng tượng anh có thể viết thơ văn cười cợt, một là vì lúc trẻ mặt anh buồn rười rượi, hai là vì tại anh hiền lành, nói năng nhỏ nhẹ, thấy đàn bà con gái thì thẹn đỏ mặt tía tai.

Một người như thế, trời sinh ra để cho làm công chức với Tây, vậy mà không ngờ ngay từ lúc mới bắt đầu cầm cây bút viết văn anh đã làm thơ cười và cứ làm thơ cười như thế suốt cả một đời người. Lúc viết tập kỷ yếu cho “Việt nam

Thanh niên Hội”; Tú Mỡ thường làm thơ cười lục bát. Tôi tiếc không còn một tập kỷ yếu nào ở bất cứ thư viện nào trong nước, từ Bắc vào Nam để đơn cử vài thí dụ. Chỉ còn nhớ rằng lúc ấy phần đông anh em, đùa giỡn Tú Mỡ thường vẫn phê bình : “Anh sợ vợ có tiếng, về nhà không dám nói một câu thành thử có bao nhiêu uất ức trong lòng, anh giữ lại thành một thứ dồn ép, và không biết bài tiết ra bằng gì thì bài tiết bằng thơ cay cú, khôì hài”.

Tính sơ sơ tuổi trời, năm nay Hồ trọng Hiếu, tước danh Tú Mỡ, cũng được bảy mươi, bảy mươi một tuổi. Như trên đã nói, anh là thư ký Sở Tài chính. Đi cái xe đạp tàng, ngày anh ngày hai buổi đi làm việc; có thì giờ rảnh rỗi thì làm thơ mà chỉ làm thơ vui cười, không viết mục gì khác biệt. Sau tập kỷ yếu của “Việt nam Thanh niên Hội” của Paul

Monet, Tú Mỡ còn viết cho “Tứ Dân Văn Uyển” của Vayrac do Henri Tissot làm giám đốc tinh thần, nhưng nổi bật được lên, phải kể từ lúc Tú Mỡ gặp Nguyễn Tường Tam viết “Dòng nước ngược” cho “Phong Hóa, Ngày Nay”. Cũng nên nói thêm rằng chính trong thời kỳ viết “Tứ Dân Văn Uyển”, Tú Mỡ Hồ trọng Hiếu đã khai sinh cho một nhân vật điển hình của “Phong Hóa, Ngày Nay”, sau này : Lý Toét.

Tú Mỡ thật nổi tiếng từ “Dòng nước ngược”. Tất cả những thơ vui cười của anh viết trong thời kỳ này, về .sau, được sưu tập in thành sách và do đó cái tên Tú Mỡ Hồ trọng Hiếu đã đi vào “hoạt kê văn học sử”. Thơ hoạt kê châm biếm của anh nhắm vào đủ các lãnh vực : chánh trị, tôn giáo, kinh tế, xã hội; kể ra thật nhiều, chỉ xin đơn cử vài thí dụ :

Về chính trị, tôi còn nhớ bài “Nam hải dị nhân” :

Nước Nam có hai người tài,

Thứ nhất xứ Vinh, thứ hai xứ Quỳnh.

Một xử béo mép rung rinh,

Một xử lếu đếu như hình cò hương.

Không vốn liếng, chẳng ruộng nương,

Chỉ đem dư luận bán buôn làm giàu

Bây giờ đang xía xói nhau,

*Người câu lập hiến¹⁰, kẻ câu trực
quyền*

10 Quỳnh chủ trương lập hiến và trao quyền cho triều đình, Vĩnh chủ trương trực trị (odministration directe) theo kiểu Pháp thuộc ở Nam kỳ.

Về tôn giáo, như bài “Sư cô ở cũ” :

Chùa Yên Lạc phủ Khoái châu,

(Tên sao khéo đặt nên câu hữu tình!)

Có bà sư trẻ xinh xinh,

*Tuổi chừng ba chục xuân xanh đang
vừa*

.

Đẻ ra một cậu sư con,

A di đà Phật, mẹ tròn con vuông ?

Đẻ xong từ giã nhà thương.

Gởi con nhà nước lên đường lại tu,

Về xã hội phong tục như bài “Hách” :

Có hai ông nghị ma bùn,

Nghị câm, nghị gặt cũng môn nghị hề.

Tưởng mình to gớm to ghê,

Thiêng như thần ở gốc đề gốc đa.

Các ông không muốn người ta,

Nói động nói chạm suốt qua tên hèm.

Này ông thử nghĩ mà xem,

Ra nơi ăn nói ngồi im lì lì...

Về văn nghệ như bài “Trời đây
Nguyễn Khắc Hiếu” :

... Thích chí nằm ngâm nga,

Tiếng động vang Ngân Hà,

Trời hỏi : “Ai ngâm thế ?”

Muôn tâu : “Ấy Tản Đà !..”

*Trời nổi trận lôi đình,
Rằng : “Cái thằng tiên ranh
Ta đẩy xuống hạ giới,
Để bắt chịu nhục hình
Ai ngờ hắn vẫn nhàn,
Ngày tháng ngâm thơ tràn.
Các người, ai có cách,
Bắt hắn phải gian nan ?”
Chư tiên đồng thanh nói,
“Tội nặng nhất trần gian,
Là bắt anh Khắc Hiếu,
Làm tạp chí “An Nam”¹¹”*

11 Tạp chí “Annam” là “Annam Tạp chí” do Nguyễn Khắc Hiếu làm chủ nhiệm, chết đi sống lại ba lần.

Đọc bài thơ trên đây, tôi không thể không nhớ đến một câu chuyện vui cười cũ mà tôi đã thuật trong tập “Cái cười từ Đông sang Tây, từ kim chí cổ” :

Ngày xưa, có một người lúc sống làm đủ các trọng tội ở trên trần. Đến khi chết, linh hồn phải xuống Phong Độ - một thế giới ở dưới mặt đất, rộng như dương thế, Phong Độ, gọi tiếng Nôm là Âm Ty hay Âm Phủ. Đứng đầu là Phong Độ Đại đế cai quản mười vị Diêm vương ở mười khu riêng biệt.

Tên tội nhân độc ác bị dẫn tới điện Diêm Vương Tân Quảng bắt soi vào Ng-hiệt Kính Đài. Bao nhiêu điều hẩn làm khi sống đều hiện lên rõ rệt, không sót mảy may Những người và vật hẩn sát hại khi trước nhảy lên, a vào đòi mạng. Bao nhiêu hình phạt hà khắc ở dưới Phong Độ như cửa đầu, khoét mắt, chặt chân,

leo cầu vồng, cho chó ngao moi ruột, đối với tội ác tà trời do gã đã gây nên lúc sanh thời thấy đều nhẹ tếch, không có nghĩa lý gì. Một viên phán quan đứng lên buộc tội :

– Muôn tâu Đại vương, xin cho hãn chết một lần nữa.

Diêm Vương phán :

– Như thế, há chẳng phải là thưởng cho hãn về những tội ác của hãn ru ?

Lại một phán quan khác đứng ra trước sân, sụp lạy tâu :

– Hạ thần xin Đại vương cứ cho hãn sống lại thì hãn mới đủ đền tội ác được.

Hai bên văn võ triều thần xì xào bàn tán và tỏ ý ngạc nhiên.

Viên phán quan vừa lên tiếng bấy giờ mới thủng thỉnh nói tiếp :

– Cho hăn có tài...

Mọi người xôn xao tỏ ý bất mãn.

Viên phán quan điềm nhiên tiếp :

– Cho hăn sống lại, cho hăn có tài và cho vợ hăn thật mắn đẻ...

Triều thần càng xao xuyên muốn bác bỏ ngay cái án kỳ quặc ấy đi. Viên phán quan làm như không biết, cứ nói tiếp:

– Đẩy hăn phải lao đao trường ốc. Vạn bất đắc dĩ hãy cho hăn đỗ cái tú tài là cùng.

Tiếng cười chế nhạo vang lên.

Viên phán quan cứ tiếp :

– Muôn tâu Đại Vương, số là ở nước Việt Nam chúng nó có thành kiến rất ngộ nghĩnh : các công việc làm bằng chân tay bất luận hay và hữu ích đến mức nào cũng đều coi là đê tiện. Những công việc ấy chỉ dành cho người vai u thịt bắp còn các bậc văn nhân thì bị cấm ngặt không được nói tới. Cho nên cái tú tài kia tuy ở nơi thôn dã kính nể thực đấy, nhưng đối với triều đình thì vua chúa chúng lại không dùng đến. Thế là cao không tới, thấp không thông. Sự kính nể hão huyền đưa tên tú tài vào con đường cụt : hẳn phải để ngón tay dài cuộn cong veo như mười cái xe điều ống, ăn lương vợ, qua ngày này sang ngày khác chỉ nằm khoèo, rồi nhòm dậy rung đùi ngâm thơ:

Vuốt râu nịnh vợ con bu nó,

Quắc mắt khinh đời cái bộ anh !

Vì mang danh ông Tú, hấn không dám nhúng tay vào việc gì hết, thiên hạ chê cười. Có cái máy “làm tiền” thì lại đem dùng làm “máy đẻ” mất rồi. Đã đẻ sòn sòn đầu năm con gái, cuối năm con trai thì không thể

Quanh năm buôn bán ở mom sông.

Nuôi nấng năm con với một chồng.

Một lũ con dại với một đứ lang quân dài lưng tốn vải, ăn no lại nằm, đối với một người đảm đang đến tột bậc cũng khó lòng chu tất. Ấy là chưa kể khi con sai, mẹ yếu :

Van nợ lắm khi tràn nước mắt,

Chạy ăn từng bữa toát mồ hôi.

hoặc :

Một phường rác rưởi con như bố,

Ba chữ ngêu ngao vợ chán chồng.

Trong cảnh nguy khốn cùng quẫn ấy, hẳn dù có muốn chết cũng không chết được, mà sống thì hỏi sống bằng cách gì ? Thế là hẳn “sống dở chết dở” và có như thế họa chẳng hẳn mới đến bù được tội lỗi do hẳn gây ra !

Muôn tâu Đại vương, theo ngu ý dám chắc ở dưới Âm ty ta cho đến Dương thế, cùng cả trên Thiên đình nữa, vị tất đã có thứ hình phạt nào độc ác kinh khủng tới mức ấy.

Tất cả văn võ bá quan, kẻ cả ngục tốt, ngục quan, quỷ sứ đều cười rộ cả lên để hoan nghênh cái án ấy. Về sau này, có người phê bình : có lẽ cái án không tiền khoảng hậu này trong lịch sử tư pháp trên trời, dưới đất đặt ra chỉ để phạt cái tội ngông của của các văn sĩ, thi sĩ dám cả gan chửi không tiếc lời những mục nát thối tha của xã hội loài người chẳng ?

MỘT CHUYỆN VUI CÓ THẬT TRĂM PHẦN TRĂM VỀ TÚ MỠ

Cũng như tất cả thi sĩ, văn nhân biết suy nghĩ. Tú Mỡ đã bỏ kinh thành theo Kháng chiến để dự phần đánh đuổi thực dân, tranh đấu độc lập cho đất nước, tự do cho dân tộc

Bây giờ những người đã từng sống những ngày chiến đấu ở hậu phương có thể làm chứng cho tôi về câu chuyện sắp kể mà tác giả cam đoan không bịa mảy may. Ra ngoài kia, Tú Mỡ vẫn giữ một chức vụ về tài chánh mà chức vụ này có thể gọi là khá cao. Một hôm, trong một cuộc hành quân của quân đội Pháp ở Vĩnh Phúc Yên, không hiểu lý do ra sao Tú Mỡ bị Tây bắt được. Mà bắt giữa lúc tay anh vẫn cắp một cái cặp to bằng một cái thùng sữa Nestlé tọng đủ cả chứng minh thư, các giấy tờ quan hệ và các thứ

con dấu của Việt Minh liên quan đến bộ Tài chánh mà anh phục vụ. Có chạy đàng trời cũng không thoát chết được chuyến này. Hồ Trọng Hiếu bút hiệu của Tú Mỡ chắc hẳn đã biết cái phần số chờ đợi mình hơn ai hết nên đành là cứ phải liều nhắm mắt đưa chân để xem con tạo xoay vần ra sao.

Anh bị nhốt ba ngày liền. Đến ngày thứ tư, anh bị giải vào phòng kín để cho một viên quan ba hỏi tội. Biết là không thể nào chối cãi được – bởi vì chúng có rành rành ra đấy như cái mẹt – anh nói bằng tiếng Pháp :

– Tôi là Việt Minh. Tất cả giấy tờ này của tôi. Tôi không chối cãi. Bây giờ tôi bị bắt, tùy nơi ông định đoạt.

Trái hẳn với dự đoán của anh, viên quan ba Pháp không đưa anh ra bãi cỏ

sau “pốt” để bắn nhưng lại bảo anh đi tắm rửa, nghỉ ngơi rồi bảo :

– Tôi đương cần một người thông thạo về tài chánh giúp việc tôi. Anh có bằng lòng ở lại đây với tôi không ? Hay là anh muốn về Hà Nội ? Tôi cho anh toàn quyền chọn lựa. Nếu anh ở lại đây làm việc, tôi trả lương cho anh hậu hĩ, còn nếu anh muốn về Hà Nội, tôi sẽ cho người thân tín của tôi đánh xe đưa anh về tận nhà anh và nếu có cần giấy tờ gì, tôi bảo đảm sẽ lấy đủ cả cho anh.

Nghe thấy viên quan ba nói thế, Tú Mỡ lạnh cả người, một là vì anh sợ — sợ nó không bắn mình để cho mình sống tất hẳn muốn trừng trị cách nào thâm độc hơn đây — hai là vì anh bị đưa và mê hồn trận, ở lại làm việc thì anh em kháng chiến, không thông cảm, liệt vào cái hạng “Việt gian, bắn bỏ”, mà về Hà

Nội thì nhất định không thể được là vì mặt nào mà về với thực dân chống lại anh em ; thêm nữa, vợ con lại ở cả hậu phương, nếu bỏ về một mình thì buồn chết đi được, mà có khi vợ con lại bị bịt mắt đi “mò tôm mò cá”. Bí quá Tú Mỡ phải làm ra cái mặt dờ dẩn, trở lời không dứt khoát :

– Tôi xin cảm ơn ông. Tôi không muốn ra Hà Nội, nhưng... trở về với Kháng chiến thì tôi thiết nghĩ...

Nói tới đó, rồi thôi. Viên quan ba, trông anh, cười mà bảo :

– Thôi, khỏi nói. Tôi đã biết ý anh rồi. Anh muốn ở chỗ nào có vợ con anh mà vợ con anh ở với Kháng chiến, nghĩa là anh muốn trở về với Kháng chiến chờ gì ?

Hồ Trọng Hiếu cầm tịt, không nói phải mà cũng chẳng nói không, nhưng anh rét từ trong bụng rét ra vì anh nhất định là lần này không còn thể sai được nữa :

Tây nó sắp đưa anh ra bắn, bởi vì nó biết anh vẫn còn trung thành với kháng chiến, muốn về với Kháng chiến, chớ không chịu theo Tây. Thôi, ai thì cũng phải chết một lần, mặc kệ mẹ nó muốn ra thế nào thì ra. Nhưng nghĩ hùng thế thôi, chớ thực ra vẫn “rét” không có cách gì hãm cho hai cẳng hết run lên như cây sậy. Anh liêu :

– Ông nói thế thật đúng ý tôi. Quả tôi muốn như thế, nhưng tôi có thực thi được ý định ấy hay là tôi bị năm viên đạn bắn vào đầu, cái đó hoàn toàn do nơi ông quyết định.

Viên quan ba nhìn Tú Mỡ hồi lâu không nói, mãi sau, mới bảo :

– Đến tối nay, anh vào phòng ngủ của tôi nói chuyện.

Tiên nhân thẳng Pháp thực dân! Muốn bắn mình thì bắn cha nó mấy phát cho xong, chứ cứ kéo dài cái giờ hấp hối thế này cực quá, mà bắn gì lại bắn đêm và bắn ở trong phòng ngủ ? Nhưng đến tối hôm ấy, Tú Mỡ cũng lại lên trình diện viên quan ba. Viên này bảo anh ngồi – nếu uống rượu cứ rót ra mà uống – rồi ngồi nói chuyện như hai người bạn.

– Anh có vợ, mấy con ? Trước làm gì? Tại sao theo Kháng chiến ? Chớ thực tình anh không muốn ra Hà Nội phải không ?

Rồi y bảo :

– Ờ, nếu anh muốn về với Kháng chiến, tôi cũng không ngăn cản. Tôi sẽ giúp anh.

Và sáng hôm ấy, viên quan ba đưa cho anh một đồng tiền Pháp và tiền Hồ, trả lại cái cặp, bảo anh lên một chiếc xe díp và y đích ngồi lên lái đưa Tú Mỡ về địa điểm mà anh bị bắt. Đến ranh giới chia vùng Tề và vùng Kháng chiến, viên quan ba ngừng lại, giở bản địa đồ trong túi ra coi một lúc rồi bảo :

– Phải rồi. Thôi bây giờ anh xuống đi. Chào anh và chúc anh nhiều may mắn.

Tú Mỡ cảm thấy mình đang sống trong một giấc mộng kỳ quặc, cố đưa ra các giả thuyết để “tìm hiểu vấn đề” mà không thể nào hiểu nổi hành vi, tư tưởng của viên quan ba người Pháp, không biết y định chơi cái trò “ma đầu” gì... Tú Mỡ

dùng dằng nửa muốn đi, nửa lại sợ đi thì nó bắn đằng sau lưng. Sau cùng, thu hết can đảm vào hai tay, anh rón rén đến gần viên quan ba trong khi y rồ máy :

– Cám ơn, cảm ơn lần nữa. Nhưng trước khi vĩnh biệt, ông có thể cho tôi hỏi ba câu ?

– Sao lại không được, khi người ta là bạn ?

– Thứ nhất, tôi muốn hỏi ông có biết tôi là ai không ? Ông thả tôi vì biết tôi là nhà văn nhà báo ?

– Không, tôi không biết.

– Ông có biết tôi là Tú Mỡ, một nhà thơ khôi hài, trào phúng, có một lúc đã có đôi chút tiếng tăm ?

– Tôi cũng không biết nữa

– Thế thì xin hỏi câu chót : tại sao ông lại tha tôi ? Tôi là kẻ địch của ông mà !

Viên quan ba hạ thấp giọng xuống:

– Tôi thiết nghĩ ông chẳng nên băn khoăn về điều đó. Nhưng bởi vì chúng ta chia tay nhau lúc này, chưa biết đến bao giờ mới lại tái ngộ, mà ông tha thiết hỏi tôi như vậy, tôi cũng muốn nhân dịp thanh vắng ở trên con đê này tâm sự với ông một điều.

Tôi là sĩ quan sang chiến đấu ở Việt Nam chưa được hai năm. Hồi mới đến đây được ba tháng rưỡi, tôi bị Việt Minh bắt sống trong một cuộc hành quân, cũng như ông bị tôi bắt bây giờ vậy. Yên trí Việt Minh độc ác, tôi cầm cái chết chắc chắn ở trong tay, không ngờ đêm ấy, sau khi tiếp xúc với một anh cán bộ tham

vấn tôi, tôi đã ngạc nhiên hết sức vì anh ấy đã thả tôi và lại còn chỉ đường cho tôi đi về, trồn tru, êm thấm. Tôi nhớ cái cử chỉ hào hùng, cao đẹp ấy không bao giờ quên được. Đến khi bắt được anh, tôi không phải suy nghĩ gì hết : ngay từ phút đầu tôi đã quyết định thả anh để đáp ứng cái lòng nhân ái của người cán bộ mà không bao giờ tôi được gặp nữa. Thôi, bắt tay anh và chúc các bạn bè anh mạnh. Nhưng anh à, tôi còn nói với anh thêm câu nữa : tôi thả anh chỉ mới là một thứ trao đổi mà thôi. Tôi xin hứa với anh tôi còn làm hơn nữa, nghĩa là tôi còn thả nữa để tỏ ra xứng đáng với cử chỉ của người đồng chí của anh.

Tiếng máy rô lên trong buổi sáng mù sương ở khúc queo con đê. Cái xe díp vòng lẹ quay đầu về phía bót đi như bay. Còn Tú Mỡ thì thui thủi xách cặp đi

thất thểu qua ruộng lúa này đến chợ kia, qua cầu này, đến đồng nọ, óc chẳng chịt không biết bao nhiêu ý nghĩ vừa vui, vừa buồn, vừa lo, vừa thú.

Đến nhà, anh bước vào, muốn chết đứng ngay nơi bậc cửa. Là vì anh vừa trông thấy ở trước mặt một cái bàn thờ trên có treo bức hình của anh. Bao nhiêu người ngồi đó — trong ấy có đông đủ vợ con — hét lên rồi bỏ chạy : họ tưởng anh là ma hiện về vì bao nhiêu anh em quen biết đều đã trông thấy anh bị bắt mang đi, mà đi như thế, một ngàn phần ngàn chắc chắn là bị Tây bắn từ lâu rồi, hy vọng gì sống nổi. Bởi thế nhà anh đã làm ma chay xong xuôi và chính hôm đó là thất thất lai trần, bà con họ hàng làm mâm cơm bát canh cúng anh gọi là tưởng nhớ một người đã khuất.

Kể lại câu chuyện này, Tú Mỡ về sau này kết luận :

– Thế là mình lại lể mình rồi cơm canh ấy mình ngã ra phối hưởng đã đời, hủ quá !



Chân dung Phạm Duy Tồn

Những năm 1942-45



Tương Huyền

VI

Mấy bài thơ trào phúng khuyết danh cùng thời với Tú Mỡ

Nếu muốn cho thành thật hoàn toàn. Tú Mỡ có cái tài làm thơ trào phúng dễ dàng, nhưng anh nổi tiếng nhiều về lượng hơn về phẩm. Không ai chối cãi được cái tinh thần trào phúng của Tú Mỡ Hồ trọng Hiếu, nhưng riêng tôi nhận xét thì thơ của anh đều đều, không có bài nào trội lắm. Cùng với lúc Hồ trọng Hiếu nổi lên trên báo “Ngày Nay, Phong Hóa”, văn đàn của ta lúc ấy còn có nhiều cây bút trào phúng cừ khôi, nhưng hoặc vì các cây bút ấy nhũn nhặn

không muốn in ra phổ biến, hoặc vì những nhà văn trào phúng ấy không có phương tiện đăng lên báo hay in thành sách nên có nhiều thơ trào phúng “khuyết danh” chỉ được truyền tụng mà ít còn có người được nhớ đến ngày nay.

Trong số các thơ trào phúng của các nhà thơ “khuyết danh” đó, tôi còn nhớ được mấy bài, xin cứ ghi lại nơi đây, nếu trong bạn đọc có ai tìm được xuất xứ và tác giả viết thư về chỉ bảo cho tập văn liệu này được đầy đủ hơn thiết tưởng cũng là điều bổ ích :

TRÒ TRỐNG

...Tang bằng mít, mặt bằng da,

Đai cũng có, đóng đanh qua cũng có.

Trống tràng học gọi đàn trẻ nhỏ

Vào tan chơi có hiệu càng nghiêm

Trống đình làng tấp nập quan viên,
Tục sôi thịt dưới trên là ở đấy
Tiếng trống hầu công môn oai gấp
mấy,

Lũ dân đen giật nảy cũng vì tiền.
Nôn nao lòng là trống ngũ liên
Giàu sợ cướp, cơn đen nhà sợ lửa,
Trống hộ thủy, còn oai nghiêm hơn
nữa

Nợ thúc nhau như trống võ đồ hồi.
Ông lão kia già chẳng trót đời,
Kề miệng lỗ còn ham chơi trống bỏi.
Bọn hay đập trống châu càng ôm tởi,
Gái lẳng lơ ôm mỗi trống cà rùng
Vì đời người lúc sống đã lung lung
Thì kèn trống bập bùng đưa lúc chết.
Công dụng trống kể sao cho xiết,

*Có lắm anh quen nết đánh bỏ dùi,
Khôn ngoan thay là những ai ai,
Nhân tình bám vội đi bài trống lấp.
Còn những chú ăn no béo mập,
Lúc rảnh thời ngồi đập trống cơm.
Có lắm anh tính khí bồm sồm,
Vợ vác trống còn ôm tắc lềm.
Trống cổ động lòng hang cùng ngõ
hẻm,
Rạp tuồng nào kém trống hát không
vui.
Trò nào trống ấy, ai ơi...*

NGƯỜI, NGỢM¹²

(Nhái bài thơ “Đại, Khôn” của Tú Xương)

*Thế giới ngày nay lắm ngợm người,
Biết ai là ngợm, biết ai người ?
Người không quần áo, người ra ngợm,
Ngợm lắm tiền tiêu, ngợm hóa người.
Nếu muốn thành người thì phải ngợm,
Đời này có ngợm mới nên người
Hỏi ai là kẻ phân người ngợm
Để thế gian trông rõ ngợm, người.*

Cũng vào thời kỳ này, nhiều anh em văn nghệ còn đọc cho tôi nghe một bài thơ trào phúng viết theo kiểu kịch thơ “độc tấu” như sau mà cũng không biết rõ tác giả là ai :

12 Có người bảo bài thơ này của Trương Linh Tú

*Bà kia thán thán đôi tuần,
Đi công tác đủ hai lần đúng ghê.
Ông chồng bản tin bán nghi
Vò đầu cóc hiểu vấn đề ra sao.
Hỏi con, con nói tào lao
Hỏi bà, bà chỉ ừ ào cho qua.
Một đêm bà biến khỏi nhà,
Ông chồng hốt hoảng tìm bà khắp nơi
Láng giềng có kẻ xấu chơi,
Thấy ông tìm toát mồ hôi thương tình
– Bác ơi, tìm mãi nhọc mình,
Cứ nơi điện phủ bác rình mà xem.
Ông chồng cảm cổ đi liền,
Lần theo hương khói, ánh đèn sáng*

trúng.

Eo ơi, phúng phủng phủng phúng,

*Nhìn xem phong cảnh ông bưng miệng
cười*

Suýt soa trước đồng chè sôi,

*Xem bà biểu diễn, đám người suýt
soa.*

.

Bà châu Hoàng Bảy, Hoàng Ba,

Tay bà bắt quyết, miệng bà gửi hương.

Mình bà mềm nhũn không xương,

Uốn à uốn ẹo như đương nhảy đầm.

Dăm cô tấu lậy lâm râm,

Cậu ban lộc, nắm tiền cầm trong tay.

*Phừng phừng gió thời rung cây,
 Dưới khe cá lội, chim bay trên ngàn
 Trên ngàn bà, ngàn mái ngàn me,
 Ngàn giang, ngàn túc¹³, ngàn tre, ngàn
 vầu*

*Dăm ba cô tổ lữ¹⁴ theo hầu,
 Cô xe chỉ thắm, cô xâu hại vàng...
 Múa thanh gươm gõ nhịp nhàng,
 Cậu ấm cậu ú, cậu choàn mấy câu.
 Bỗng nhiên cậu vội thăng mau,
 Cậu chuồn, nào có gì đâu ? — Ông
 nhà !*

Quát về, cậu đỡ người ra

13 nói ngọng: túc là trúc.

14 nói ngọng : tổ lữ là tổ nữ.

Bỏ thần, bỏ thánh, « cậu bà » theo ông.

Tẽn tò mấy chú thanh đồng,

Đoái nhìn bóng cậu theo chồng mà cay.

Phừng phừng gió thổi rung cây,

Con công đệ tử mặt ngay cán tàn,

Gió lửa điện phủ tuênh toang

Xôi chè hạ bệ, hương tan mơ hồ.

Dưới đây là một bài thơ trào phúng khác giễu một ông sư chưa hết lòng tục, phải tù vì gái :

SƯ PHẢI TÙ

Nam mô phật, anh yêu em lắm,

Anh yêu em say đắm cả cõi lòng.

Quá yêu em nên rầy ngóng mai trông,

Yêu tha thiết nên mắc vòng tù tội.

*Anh những tưởng mượn giọt nước
cành dương sớm tối*

Tưới tắt dần khói lửa tà dâm,

Tưởng ăn chay ít chất bổ âm,

*Dần tê liệt sức cường cường thiếu
tráng*

*Anh vẫn tưởng bộ râu sòng không
đáng*

Để cho em tha thiết gửi lòng yêu...

*Kìa chốn bình khang bao cảnh sắc mỹ
miều*

Bao nhân vật đáng yêu chiều quý nể.

Họ lại sẵn tiền rừng bạc bể,
Họ ăn tiêu như thể ông hoàng.
Họ được tự do luyến ái mơ màng
Đấy mới thật là những kho vàng vô
tận

Để em moi những tiền son bạc phấn,
Móc những tiền cúng đồ tận đâu
đâu...

Hợp thời trang lại quần áo đủ màu,
Con bò sữa mặc dầu tay bóp nắn.
Người như thế em chẳng yêu chẳng
xoắn,

Lại yêu anh có khăn hay không?
Anh thân cô thế khổ nào nùng
Nường bóng Phật, luyện vòng chay
tĩnh

Để mờ sớm chuông chiều đủng đỉnh

*Hồn thanh thoi vui với cảnh hư vô
Cái cô em thực khéo con vô
Cứ níu lại bắt anh đưa cùng tình ái
Anh trộm nghĩ được tí nào là lãi.
Quá yêu em anh nào ngại tử sinh.
Quá yêu em vì em quá chân tình,
Yêu tha thiết nên đầu anh lại trọc.
Để anh được ngồi sà lim ôn học
Rằng kiếp tu xưa đã vụng về thay.
Cho nên quả báo kiếp này,
Chữ tu mới phải thêm ngay dấu
huyền.*

Vào thời kỳ này, những thơ trào phúng giễu quan lại như Phạm Quỳnh, Hoàng Trọng Phu, Vi Văn Định... cũng sản xuất rất nhiều, nhưng vì lý do an

ninh, các tác giả không cho biết tên nên bây giờ nhiều bài cũng được liệt vào loại thơ trào phúng khuyết danh :

TIỀN VI TRÙNG

Vi trùng¹⁵ dịch tả đại nhân,

Ngài nên hiểu thấu tình dân Thái Bình.

Thái bình lắm nỗi bất bình,

Vì đói khổ phải biểu tình¹⁶ năm xưa

Trả lời súng bắn như mưa,

Chín mươi mạng chết còn chưa hả lòng,

Lại còn đốt phá lung tung,

Đông nho, Thanh giám chỉ trong mấy giờ.

Trâu bò, gạch ngói trống trơ,

15 Âm chỉ Tổng đốc Vì Văn Định (tỉnh Thái Bình)

16 Vì Văn Định dẹp biểu tình tàn ác,

*Đồng tro vô đạo bây giờ còn nguyên.
Lời cảm tức, tiếng rửa nguyên,
Mấy năm nay vẫn còn truyền tụng
nhau.*

*Mùa nầy lúa lại bị sâu,
Lấy gì nộp thuế nuôi nhau lúc này.
Quan ôn ngài tỉnh hay say,
Mà không hiểu thấu tình này cảnh
kia ?*

*Lại còn vênh váo mũ hia,
Lại còn báo hại dân quê Thái Bình.
Lại còn bắt góp từng trinh¹⁷
Còn muốn bữa tiệc linh đình tiễn đưa.
Vi trùng dịch tả hiểu chưa ?
Mấy nghìn phù thủy phải đưa tiễn
Ngài*

17 Tiền Khải Định, Bảo Đại.

*Chúng tôi đoán nếu không sai,
Sẽ rút ruột ngắn ruột dài của dân.
Ồi Ôn Thân, hỡi Ôn Thân !
Sao không biết nhục tẩm thân râu
mày !
Liệu mà xa chạy cao bay,
Đừng quen kiếm chác vùng này nữa
đâu.
Gánh gông vội cút cho mau !*

GIỂU PHẠM QUỲNH

Chính vào thời kỳ “Phong Hóa, Ngày Nay”, Phạm Quỳnh nhảy một bước từ chủ báo Nam Phong lên làm Thượng thư, nhiều báo làm thơ chế giễu, nhiều bài rất hay nhưng không mấy ai còn nhớ

tên tác giả. Có người lấy cái điều nói xa
xôi tới Phạm Quỳnh :

Tung hoành đừng tưởng gặp hồi may,

Có biết vì đâu sáng tạo¹⁸ mày ?

Thân phận chắc chi tờ giấy bản

Tờ duyên chừng cạy sợi dây đay.

Mà toan ngất ngưỡng trời mây ấy,

Lại chịu vo ve đất nước này,

Lên lắm ông cho rồi có lúc.

Một cơn mưa nhỏ biết nhau ngay !

Có người vì Phạm Quỳnh với ông
Táo :

18 Lúc đó nhiều người tin Phạm Quỳnh một bước nhảy làm
Thượng thư là nhờ sự nâng đỡ của Pháp mà đại diện là toàn
quyền Pasquier.

Cục đất ngày xưa nó thế nào ?

Nay làm ông Táo chúc quyền cao !

Khéo đem mặt lọ vênh vang thế,

*Chẳng hổ lưng khom¹⁹ khúm núm
sao?*

Ngày những giữ nổi cho địa chủ,

*Quanh năm kiếm chuyện mách Thiên
tào.*

Một mai đất lại thành ra đất,

Cái đấy chè xôi đáng giá bao ?

Thần quân thế cũng tước trời phong,

Chấp chưởng làm chi giữa cõi Đông.

Nỗi gao lo toan ngày sợ hồng,

19 Phạm Quỳnh hơi gù.

Hơi đồng liếm láp bữa ngồi trông.

Oai quyền xó bếp vui chi đó,

Đè nén trên đầu có biết không ?

Lành dữ việc đời sao ngậm miệng,

Nực cười cục đất nén ra ông !

Có người không nói xa xôi gì hết đem ngay việc Phạm Quỳnh bỏ báo “Nam Phong” để đi làm Thượng thư cho Pháp để đem ra mạ lỵ :

Tin mới đâu vang khắp lưỡng kỳ,

Thượng Chi rầy đã hóa tham tri

Rõ nhà họ Phạm dư hồng phúc,

Thật mệnh anh Quỳnh có tử ví.

Kính trắng²⁰ sẽ ra hàng báo chí

²⁰ Phạm Quỳnh cận thị đeo kính trắng.

*Bài vàng nay đưa đám quyền uy,
Công gào lập hiến²¹, ừ không uống
Trực trị như ai có ích gì !*

Ngoài những bài thơ trào phúng có liên quan đến chánh trị, các bài thơ trào phúng có tính cách phong tục, xã hội mà bị liệt vào hàng khuyết danh còn nhiều lắm.

ĐÁ GÀ

*Vui xuân nhằm tiết mồng ba,
Ông bà cao hứng bắt gà đá chơi.
Gà ông ngóng cổ gáy hơi,
Gà bà thủ bộ đợi thời gà ông.*

21 Phạm Quỳnh chủ trương bảo hoàng lập hiến, còn Nguyễn văn Vĩnh chủ trương trực trị (Tây cai trị thẳng VN như ở Nam Kỳ).

*Gà ông chém trúng cạnh mông,
Gà bà nổi giận ngậm cần gà ông
Đá nhau một chập ứt lông.
Gà bà trúng cửa, gà ông gục cần*

MĂNG MUỖI

*Chúng bay loài bọ gậy,
Ở nước thì hay quấy,
Xuống dưới đã ăn càng
Lên trên lại làm bậy.
Sợ những kẻ nằm màn,
Khinh các người mặc váy.
Thế cũng gọi là “văn²²”,
Thật là một lũ xoáy !*

22 Văn, chữ nho là muối, Văn còn là văn chương, văn học, văn nghệ.

CON RUỒI

*Trời sinh các cố giống con ruồi,
Có cánh sao mà chẳng có đuôi.
Mắt lớn chuyên ròm đồ nhóp nhúa,
Vòi dài chỉ hút vật tanh hôi.
Gặp may lắm lúc đèo khu ngựa,
Thừa thế nhiều khi đậu trót voi.
Cung cấp cỗ bàn đều rích trước,
Gươm vàng cũng xếp đứng mà coi*

NGHÌN NĂM VĂN VẬT

*Ngàn năm văn vật đất Thăng long,
Văn vật ngày nay mới lạ lòng.
Tham biện, tham buôn, tham cán sự,
Đốc người, đốc chó, đốc canh nông,*

*Du côn, mật thảm đầy sông nhĩ
Giăng há, ma cô chạt núi Nùng.
Còn nữa, xin ngưng, không dám kể,
Nghìn năm văn vật đất Thăng Long.*

ÔNG THỪA

*Ông là Thừa phái Hoàng Nông,
Ông ngồi ông nghĩ mình không thật
thừa.*

*Thế gian người đã đủ vừa,
Cớ chi trời lại lọc “thừa” ra ông ?
Mắt thừa ông chẳng buồn trông,
Thấy gái má hồng ông liếc ông chơi.
Tai thừa ông chẳng nghe ai,
Thấy chuyện nực cười ông ghé thoảng
qua.*

Miệng thừa ông chẳng nói ra,
Thấy chuyện mạn mà ông nói đủ
nghe.

Tay thừa ông chẳng muốn phê,
Thấy dấu đỏ lòe ông vẽ mực đen.
Chân thừa ông chẳng muốn chen,
Thấy bước đường liền ông bước ông
đi.

Bụng thừa ông chẳng muốn suy,
Ông cứ gan lì mà việc cũng xong,
Hỏi còn thừa cái gì không ?

.

Tôi còn nhớ lúc đó làm báo “Công Dân”, Ngô Tất Tố đã đọc cho anh em nghe bài này và vì chữ “thừa”, anh em

mới nghĩ đến chữ “thiếu” trong chữ “ông Thiếu Hoàng Trọng Phu”, rồi nhân đó muốn tìm cách “xỏ” Hoàng Trọng Phu, Ngô Tất Tố mới viết một loại bài “nói hay đùa”, nói bóng gió đến ông Hoàng Trọng Phu và muốn cho độc giả hiểu hơn, ký tên người viết là “Ông Thiếu”

Lần lần “Ông Thiếu” thành ra bút hiệu những bài văn trào phúng của Ngô Tất Tố (ký là Ngô Công trên báo “Tương Lai”). Nhân dịp này, thiết tưởng cũng nên nói thêm rằng lúc viết tiểu thuyết “Tắt đèn”, Ngô Tất Tố cũng định viết cuốn đó thành tiểu thuyết trào lộng mà nhân vật chính trong truyện ấy là một người mà Ngô Tất Tố muốn là thứ Hoàng Trọng Phu.



Trúc Khê Ngô Văn Triện.

Ảnh chụp 1935.



Chân dung Ngô tất Tố
chụp trong khoảng thời gian tác giả
sáng tác các tập phóng sự (1935-1939)



Chân dung nhà văn hiện đại

Bùi Huy Phồn (Đỗ Phồn)

VII

Lý trưởng văn nghệ Đồ Phồn

Nói đến những nhà văn phúng thế trong giai đoạn, tôi không thể không nhớ đến một nhà văn nổi tiếng về loại này thời đó : Đồ Phồn – sau này gia nhập nhóm Hàn Thuyên, của Nguyễn Xuân Tái, Trương Tửu, đặt trụ sở ở phố Tiên Tsin (tức là Hàng Gà của Đông).

Bùi Huy Phồn, tức Đồ Phồn, tức Lý trưởng văn nghệ Đồ Phồn (tên của anh em Kháng chiến đặt cho anh) sinh làng Mai Đình, tỉnh Ứng Hòa (Hà đông). Theo học trường Thăng Long đến trung học, Đồ Phồn theo nghề văn bút, và mở

đầu cho văn nghiệp của anh là những bài thơ trào phúng viết cho các báo “Đông Tây”, “Việt Báo”, “Ngọ Báo”, “Đông Pháp” v.v... dưới những bút hiệu mà không mấy ai còn nhớ như “Việt Lệ”, “Bùi Như Lạc”, “Cười Suông”, ...

Đỗ Phồn, biết Trương Tửu, đi theo nhóm “Bạch Nga” của Nguyễn Vỹ và Trương Tửu, lang thang ở Hà Nội sống một cuộc đời nay đó mai đây, viết các loại tiểu thuyết trào phúng như “Một chuỗi cười”, “Khao”, xã hội như “Tình quân ngũ”, kịch bi hài như “Tay người đàn bà” và nhiều sách thuộc đủ các loại : khảo cứu, văn nghệ, sưu tầm, ký nhiều biệt hiệu khác nhau, trong số đó có một tập trường thiên tiểu thuyết tình cảm, trình thám được nhiều người ham đọc, ra từng tập bán ba xu, nhan đề là “Lá huyết thư”.

Trong thời gian này, Đỗ Phồn cộng tác với nhóm “Tiểu thuyết thứ năm”, do Lưu Trọng Lư và Lê Tràng Kiều chủ trương biên tập, nhà xuất bản Lê Cường phát hành. Trên báo này, Đỗ Phồn thường viết thơ trào phúng, nhưng tên tuổi anh nổi bật, thực ra là kể từ lúc anh gia nhập nhóm Hàn Thuyên trong đó có Trương Tửu, Nguyễn Tuân, Nguyễn Xuân Tái, Nguyễn Đình Lạp, Nguyễn Quốc Ấn, Nguyễn Đức Quỳnh ra tờ “Ngòi bút”. Tôi còn nhớ lúc ấy Đỗ Phồn có một bài thơ tặng Trương Tửu như sau:

Bao năm xe cát đắp nên bờ,

Đảo hải di sơn chí những chờ.

Lãi thảng bố già xơi ngọt sớt,

Cơm ngày cậu cả sống ngon ơ.

Đại danh, đại nghĩa câu tâm phát,

Duy vật, duy tâm chuyện bố vờ

Cái giá thẳng ông, a ! cũng đắt,

Không dùng để được chúng đầu cơ

Tôi không biết lúc Đồ Phồn làm bài thơ để tặng Trương Tửu thì có ý “đùa dai” điểm gì không ; riêng tôi chỉ nhớ rằng lúc ấy Trương Tửu bị Tây trù một mặt, mà mặt khác thì bị anh em đệ Tam không mấy thích thú, vì anh bị xếp vào hàng đệ Tú. Trương Tửu bí quá, đành phải lấy vợ,... tức là em gái Nguyễn Xuân Tái lúc ấy mở nhà may và nhà thêu may quần áo trong “tỉnh” cho quân đội Pháp. Nguyễn Xuân Tái và Trương Tửu mở nhà xuất bản Hàn Thuyên, ra mấy tờ báo bị đóng cửa, cuối cùng là tờ “Ngòi bút” cũng chỉ sống vèn vện được dăm bảy số.

Trương Tửu, trong thời kỳ này, sống

một cuộc đời tương đối yên ổn hơn trước – nhất là lúc đi với Nguyễn Vỹ làm tờ tuần báo “Le Cygne” – cho nên có người ngờ là Đồ Phồn “mĩa mai yêu” Trương Tửu trong mấy câu :

Cơm ngày cậu cả sống ngon ơ,

Đại danh đại nghĩa câu tâm phát

Duy vật duy tâm chuyện bố vờ,

Tôi nói “mĩa mai yêu” là vì Trương Tửu không phải là hạng người muốn sống một cuộc yên như vậy, nhưng chính là bất đắc dĩ, vì không thu hình lại như con ốc thu hình vào trong vỏ thì cũng chẳng làm được trò gì với Pháp thực dân lúc đó...

Văn trào phúng của Đồ Phồn có một đặc điểm là biến báo chập chà chập chờn hơn các văn trào phúng khác đương thời:

CHIÊU HỒN CÁC NHÀ BÁO HẠI

*Năm băm bảy, hăm hai, tháng sáu,
Ta lòng thành bát cháo năm cơm,
Hỡi ơi, chúng đảng cô hồn,
Đông, Tây, Nam, Bắc có khôn thì về !
Hoặc những kẻ theo phe Mậu quốc,
Két đen người trót buột tay vô
Nay hồn đã được ấm no,
Trông chờ ngôn luận tự do hồn về !
Hoặc những kẻ theo phe mật thám,
Nay hồn đã được ấm no,
Trông chờ ngôn luận tự do hồn về !
Bán mình cho ông Cẩm Ấc Nu
Hoặc những kẻ theo phe phát xít*

Nặng lời thể chọn kiếp bọc nô
Hoặc những kẻ theo phe buôn bán,
Món hàng văn nhất bản vạn lời,
Nghệp đoàn cảm thấy khó chơi,
Để khi bóc lột mới xơi từng thằng,
Hoặc những kẻ tài sơ trí thiếu,
Nhờ báo chương vinh hiển toàn gia,
Chuyên môn dối trẻ lừa già,
Tự do ngôn luận có mà thác non
Ở hời chúng cô hồn kia hời,
Kiếp người xưa đã lỗi đường tu
Bảo nhau liệu kiếm bè từ,
Cải tà quy chánh đợi giờ hồi sinh.
Này áo mã, vàng đình dăm mớ,

Này bồng rang, chuối ngự vài tai

Hỡi ơi những kẻ lạc loài,

Đông Tây Nam Bắc về đòi tự do.

Độc thơ Đỗ Phồn, nhiều người đương thời nhận rằng thơ anh “cay” và sâu xa ý nghĩa hơn nhiều văn thơ trào phúng khác :

THỰC DÂN PHÁP

Bay cật rắng bay mạnh lẫn khôn,

Lưng không quản mỏi, gối không chôn

Tứ cường leo đẹo theo sau đít,

Thuộc địa lăm le ngựa sẵn mồm.

Đức tới, thày trò khom cật đón,

Mỹ vào, thê thiếp xúm mời hôn

Nhà bay chật đất nhiều mô hản,

Nên đến nơi này kiếm lỗ chôn.

Thơ trào phúng của Đỗ Phồn
nghiêng nhiều về chính trị chống thực
dân, phát xít.

THƯỜNG NHỚ CỤ
THỐNG SỬ TÔ-LĂNG-XO²³

*Cụ Tô thôi đã hưu rồi,
Tây, Nam xa cách thỏa đời làng văn.
Nhờ Chính sách thực dân ngày nọ,
Vẫn cần răng tôi, cụ cùng nhau,
Khắc xung từ trước tới sau,
Cái duyên văn tự khác đâu duyên thù
Cũng có lúc bãi tòa kiểm duyệt,
Tiếng nói năng bóp nghẹt hơn xưa,
Có khi mượn cố vu vơ,*

23 Tholance – Bài này nhái thơ Nguyễn Khuyến khóc Dương Khuê.

*Rút chơi giấy phép mười tờ báo
chương.*

Cũng có lúc triệt đường kinh tế,

Cấm người mua cho ế chết dân.

Có khi lục lợi câu văn,

Lôi ra pháp luật để hăm dọa tù.

Bàn tay sắt bao giờ thoát nạn ?

Quyền tự do đã khản cổ đòi,

May mà cụ bồng già rồi,

Lệnh trên cho phép về ngôi cái nhà.

Những thấy bọn quan nha lớn nhỏ,

Trải năm năm ớn cụ muôn phần

Kéo co chè chén xa gần,

Sụt sùi chút nghĩa tử thần bơ vơ.

*Dân làng báo cũng nhờ lượng cụ,
Cũng lo toan báo... bổ có ngày,
Không ngờ cụ tốt về ngay,
Được tin ai nấy múa tay lên trời
Ừ cụ sớm lựa thời là phải,
Nhưng chờ chi nay mới cuốn xiêm ?
Sâm banh muốn thết sơm hiền,
Không mua vì kiệt không tiền không
mua,
Câu thơ tiền những do dự viết,
Viết đưa ai, ai thiết mà đưa ?*

.

Nhưng trong khi chú tâm về những vấn đề chính trị, Đỗ Phồn không quên nhắm về các vấn đề xã hội, nhất là trong

công tác bài trừ hủ lậu để xây dựng một đời sống mới.

CHÚC ÔNG

*Lạch tạch ! Đùng đùng ! Lạch tạch
đùng !*

Xuân về rồi đó có vui không ?

Vừa pha được ấm chè tam hỷ,

Họ đã đưa nhau đến ấm ông !

Không ! Họ đưa nhau đến chúc ông,

Chúc ông ông bớt thói kiêu ngông.

Chúc ông ông nể lời tiên xỏ

Năm mới năm me họ khỏi rông.

Họ chúc cho ông được phát giàu,

Hoa xoè, bạc giấy chật nhà sau ;

Ông mừng, nhưng chỉ lo riêng nỗi :

Phúc đức ba đời cất để đâu ?

Họ chúc ông được hiển vinh,

Hiển như ông Võ²⁴, vinh như Quynh

Ông mừng, nhưng chỉ lo riêng nỗi :

Chẳng biết cha ông có thỏa linh

Họ chúc cho ông được sống dai,

Sống dai như đĩa dưới nường khoái,

Nhưng thẳng khố rách rày khan máu,

Ông bám vào ai ? Để hút ai ?

24 Võ là Võ hiển Hoàng Trọng Phu, còn Quynh là Phạm Quynh, thượng thư triều đình Huế, nguyên chủ nhiệm tạp chí “Nam Phong”.

*Họ chúc cho ông được lắm con,
Thằng cu, cái đi đẻ xòn xòn :
Ông mừng, song chỉ lo riêng nôi :
Khố đỏ, lầu xanh, chỗ có còn ?*

*Họ chúc ông được tốt tay,
Nuôi trâu không chết, lợn không gầy,
Ông mừng, song chỉ lo riêng nôi :
Trâu lợn quanh ông sống đã đầy !*

.

Ra ngoài kháng chiến, tôi không
hiều Đồ Phồn có trước tác được nhiều
thơ trào phúng nữa không chỉ biết anh
được tặng một tước hiệu là “Lý trưởng
văn nghệ” còn Trương Tửu thì thành ra

một thứ Chánh tổng mập thù lù ăn như mèò vì bị cắt ruột, ăn no một tí là không chịu được, mà cứ động tí cơm nào vào bụng thì lập tức bụng sôi ù ù nên thỉnh thoảng anh lại cười bảo anh em :

– Bụng tôi nó lại “độc tấu” đấy ! Thấy chưa, các bạn ?

VIII

Nhóm “Vịt Đực” của Vũ Chung Phùng Bảo Thạch

[Trang 123 bản gốc thiếu một đoạn]

ngày 60 x 90 mà cũng không nhỏ như một tờ báo 60 x 90 gấp tư, nói tóm lại là một tờ báo “nhỡ nhỡ nhàng nhàng”, ra 4 trang bán 5 xu, lúc ấy một tờ báo hằng ngày như “Đông Pháp” 6 trang, “Trung Bắc Tân Văn” 4 trang, chỉ bán có 2 xu, từ đầu chí cuối chỉ đăng toàn những bài

trào phúng, lấy chuyện thực làm hư, lấy chuyện hư làm thực.

Đó là tờ báo đầu tiên ở nước Việt Nam hoàn toàn trào phúng, bắt chước “Canard enchainé” từ các mục mở ra cho đến cách trình bày. Ở trên măng-xét có vẽ hai cái đầu vịt, đục lỗ mỗi kỳ xếp một khẩu hiệu trào phúng, một nửa bên này, một nửa bên kia, nói về một việc quan trọng nhất xảy ra trong tuần. Đại khái lúc vua Bảo Đại què chân, bên này ghi “Thánh túc vi hòa”, bên kia ... “Vạn tuế thánh túc” nghĩa là “Chân ngài bị thương” ... “Muôn năm chân Ngài !” theo câu của Pháp “Le roi est mort, vive le roi !”

Tôi còn nhớ lúc đó nhóm Ngô Tất Tố, Phùng Bảo Thạch, Nguyễn Triệu Luật, Vũ Trọng Phụng và tôi động ra tờ báo nào thì chỉ được vài số là bị Tây đóng

cửa. Phùng Bảo Thạch và tôi, tính chuyện phá phách, mới rủ nhau ra một tờ trào phúng, chửi “văng xích chó”, rồi “muốn ra thế nào thì ra”. Nhưng nghĩ vậy cho nó sướng cái tâm hồn mà thôi, chó đẻ gì mà xin phép ra được một tờ báo như ý muốn. Tình cờ một hôm, tôi gặp Vũ Đình Hải (tức là em bà Đốc Sao, sau này hợp tác với Nhật rồi bị giết chết). Trong câu chuyện, Hải tình cờ cho biết là có một người bạn tên là Nguyễn Văn Thái mới xin được một tờ tuần báo tên là “Vịt Đực”, nếu muốn làm, anh nói giùm cho. Chúng tôi bèn xuống tìm Thái ở đường Bạch Mai thì Thái nhận cho chúng tôi khai thác tờ báo đó với một điều kiện dễ dàng : mỗi tháng lấy một trăm đồng xe pháo, còn muốn làm thế nào thì làm, Thái không cần biết tới.

Nhà tôi bán giấy, chúng tôi chỉ cần

phải chạy tiền in độ vài trăm bạc. Báo “Việt Đức” bắt đầu là một cái trò chơi, không ngờ lại là một cái trò chơi mắc quá, bởi vì Tây không đóng cửa, chúng tôi không thể tự nhiên đình bản, cứ phải chạy tiền để tiếp tục ra “lấy le” với đồng bào và các anh em đồng nghiệp.

Vũ Chung, chủ nhiệm, và Lưu Văn Phụng, quản lý phụ trách xoay tiền; nhưng rút lại không xoay được. Anh em bỏ hết, kết cục hai nhân viên tòa soạn là Phùng Bảo Thạch và tôi phải đi vay từng chục để trả nhà in và cứ tri như thế ít lâu thì báo lên dần dần, rồi chạy, rồi chạy quá sức, chạy không tưởng tượng được, nhưng rút cục cho đến lúc báo chết — tính ra được gần hai năm — không có một lúc nào kết nhà báo có hơn trăm bạc. Ấy là vì báo chạy, tiền thu rất nhiều, nhưng một ngày thu được bao nhiêu thì

ăn chơi, hát xướng cho kỳ hết. Tòa soạn đặt ở đường Puginier, sau chuyển đến Julien Elanc, nhưng đó là tòa soạn “ma” chớ thực ra anh em toàn viết bài ở xóm cô đầu, nhà hát Khâm Thiên, Vạn thái, rồi đưa cho tùy phái đem về nhà in xếp chữ. Sở dĩ như thế là vì “Vịt Đực” gây nhiều thù oán quá, anh em viết bài không ngày nào không bị người ta đe dọa, có bà như Lê Cường, bà đốc Trịnh Thực Oanh đến trước cửa nhà báo chửi rửa và dọa đổ những chậu đồ dơ vào đầu chúng tôi. Thực ra họ cũng có lý của họ, là vì trong chùng hơn nửa năm đầu chúng tôi hoàn toàn giữ gìn ngòi bút trào lộng, chế bác ai đùa giỡn ai cũng cố gắng làm sao cho nhẹ nhàng, êm ái không tàn ác. Nhưng các cụ nói thật đúng ; đời có ba cái đại bất hạnh là lúc trẻ thành công sớm quá, lúc trưởng thành chôn vợ, lúc già chôn con. Chúng tôi trường hợp thứ

nhất : báo chạy, coi thiên hạ không ra gì, viết lách xỏ xiên văng mạng. Thực ra tòa soạn chỉ có hai người, nhưng bè bạn rất nhiều, anh nào cũng “bơm” ý kiến, báo cứ chửi phứa lên, thành ra không còn tính cách trào phóng nữa, không trào lên nữa mà thành ra trào mạ.

Bên cạnh những bài giấu cột có vẻ tử tế, có giáo dục, “Vịt Đục” đưa ra những chuyện “Tiểu lâm Vịt Đục” những bài chửi đồng nghiệp tàn tạ, những bài có tính cách phỉ báng cá nhân... Chết một cái là càng như thế, số độc giả lại càng tăng nên chúng tôi càng đắc chí và cái đà ấy mà đi mãi để đến cái chỗ là đe dọa người khác, nói xỏ nói xiên không cần đời. Nhưng dù sao, cho đến khi chết vẫn trào phúng của tờ “Vịt Đục” vẫn có tính cách riêng của nó : hóm hỉnh, không đều cán, và có một cái khôn và mỗi số

đều nhằm vào một vài việc lớn hoặc về xã hội hoặc về chính trị để đả kích, chớ không chửi lem nhem, nói bậy nói bạ trên cả bốn trang tờ báo. Lối trào phúng của “Vịt Đực” lúc ấy là giấu cọt mà làm như đứng đắn cho nên báo đứng đắn có mục gì thì chúng tôi cũng làm mục ấy : phỏng vấn, điều tra, rao vặt, tìm con tìm vợ, và bạn gái, xã luận, tư tưởng hay, tìm việc làm, cần người giúp việc..., nhưng bao nhiêu mục đặt ra đều “quấy” cả, có khi quấy từ câu đầu, có khi bắt đầu thì nghiêm trang như văn Phạm Quỳnh mà đến nửa chừng thì phá thói để ra những ý kiến không thể nào thương được : nghe vừa tức cười vừa muốn chửi, đánh cho cái tát... Tôi rất tiếc là lúc viết bài này, đi hỏi các thư viện ở đây, không còn một tờ “Vịt Đực” để sao lại một hai tài liệu và trích một vài bài thơ, nhưng tôi còn nhớ người viết thư thường xuyên cho

báo lúc ấy là Hy Sinh tức Bùi Huy Sinh (bây giờ cũng đã ra người thiên cô vì anh hợp tác với phát xít Nhật trước khi Việt Minh nắm chánh quyền ở Bắc). Thơ trào phúng của Hy Sinh cũng đi đúng lối văn xuôi trào phúng của anh em : thường bắt đầu bằng một hai câu hát hoặc ca dao ai cũng biết, rồi mới lái sang câu chuyện mình muốn nói :

Trên trời có ông sao tua,

Ở dưới hạ giới có vua thụt hăm.

Chế ông Hường Tiệp già rồi lấy vợ nhỏ xiu, (tức là Nghị Hách của Vũ Trọng Phụng), Hy Sinh bắt đầu bài thơ trào phúng như sau :

Chàng về hồ, thiếp cũng về hồ,

Chàng về hồ Bắc, thiếp về hồ Tây.

*Chàng bao nhiêu tuổi năm nay,
Chàng rày sáu mốt, thiếp này mười
ba*

Mô cha đứa chê chàng già,

.

Hay chế Tiêu Viên Nguyễn Đức Bính
làm báo “Partie Annanite” cho Phạm Lê
Bông (Bảo Hoàng):

Quê này có động²⁵,

Nhà này có quái trong nhà,

*Có Nguyễn Đức Bính sửa ra Bảo
Hoàng*

25 Câu ca dao trào lộng nguyên thủy là : “Quê này có động,
Nhà này có quái trong nhà, Có con chó mực cắn ra đặng
mồm...”

Một mục khác của “Vật Đực” cũng đáng lưu ý là “mở cuộc thi”. Nguyên lúc ấy trong làng báo có tờ “Tiểu Thuyết Thứ Năm” của nhà Lê Cường do Lưu Trọng Lư và Lê Tràng Kiều, không thù hằn gì với Lưu Trọng Lư và Lê Tràng Kiều phụ trách về tòa soạn. Riêng tôi cũng viết cho T. T. T. N. nhưng vì thù bà Lê Cường đến chửi bới chúng tôi ở tòa soạn, chúng tôi nuôi một cảm thù, vạch lá tìm “con sâu đen”. Tờ “Tiểu Thuyết Thứ Năm”, chỉ có một cái tội là viết tắt là TTTN. Vớ được cái đó, chúng tôi làm âm ỹ mở cuộc thi treo giải thưởng “Đố biết T T T N là gì?” Ai đoán trúng nghĩa là hay nhất, thì được biếu một cái “phiếu muốn đi hát ở Khâm Thiên, Vạn Thái, Ngã tư Sở, Gia Quất, Gia Lâm đều được với điều kiện là muốn gì được nấy, bát dạ đế vương”.

Cuối điều lệ cuộc thi, có ghi chú : “Chửi cha đứa nào bịp bợm, không phát giải cho người trúng cuộc.”

Ồi chao, thư từ gửi về dự thi sao mà hăng thế ! Có người bảo TTTN “Tý ty thôi nhé”, có người ghi “Tòm tem tí nào”, có người bảo “Thằng Tây tút nó”, có người trả lời “Tút thẳng thùng nhau”, vân vân và vân vân... nhưng đại ý thì bạn dự thi nào cũng hướng vào chửi báo TTTN của Lê Cường, thành ra báo ấy bị mang cái tiếng là báo “ma cô”, báo “khiêu dâm”, báo của lũ “tài hoa son trẻ” chơi bời bậy bạ, thét rồi ai cũng sợ mang tiếng, không dám cầm tờ TTTN ra đường hay mua lén về nhà để đọc.

Nhưng câu chuyện đến nay chưa hết.

Quả thực “Vịt Đực” không bịp bợm, để sẵn một số tiền ra bao nhà hát cho

người trúng giải thực. Lớ ngớ làm sao người trúng giải lại là một sinh viên trường Canh nông tên là Nguyễn khắc Trùng, mới độ mười bảy, mười tám tuổi, ở phố Bông Lờ. Chúng tôi đăng số nhà, tên họ của anh ra và chua “sắp lấy vợ”. Đúng như sự tính toán của chúng tôi, Nguyễn Khắc Trùng đành “khóc thét lên mà đến tòa báo xin “từ chối” không dám làm “bát dạ đế vương”, vì anh ta còn ăn nhờ cha mẹ và “sắp cưới vợ thực” ; nói đại đi hát mà nhà vợ bắt được thì “bỏ cha”. Rút cuộc chúng tôi đành phải “chiều ý” người trúng giải để tự dành lấy cái thưởng đó cho mình và chúng tôi “làm vua ở xóm Vạn Thái” trong tám ngày liền.

Cứ như thế, báo “Vịt Đực” sống ngót ba năm, về sau chết là vì Bảo Đại kiện ba cái kiện liền mà không có tiền nộp

phạt. Nhưng số cuối cùng, anh em vẫn còn chơi được một mách ra gì, là chửi Đề đốc Terreaux, chỉ huy chiếc tàu ngầm Phoenix đến Đông Dương bị đắm ở gần đảo Hải Nam “mà trong đó có bồi bếp Việt Nam” – theo đúng phép thời đó thì không thể cho bất cứ một người ngoại quốc nào, ngoài người Pháp, xuống làm việc dưới một cái tàu ngầm như thế.



Vũ Đình Long
(1896 – 1960)

Nhà viết kịch tiên phong của Việt Nam

BÁO “CON ONG” CỦA NGHIÊM XUÂN HUYỀN

Báo “Vịt Đục” vừa “củ ai” thì báo “Con Ong” ra thay thế để trám vào chỗ trống tiếng cười trong làng báo Việt Nam.

“Con Ong” của Nghiêm Xuân Huyền, chủ tiệm chụp hình “Artistic photo”, cựu chủ nhiệm báo Rạng Đông, bố vợ tương lai của Văn Cao, xước hiệu là Huyền Béo, “Voi Đen”, là một tờ báo cũng hoàn toàn trào phúng như “Vịt Đục” nhưng ra 12 trang khổ báo hàng ngày 60 x 90 gấp tư, còn bài vở thì cũng na ná như “Vịt Đục” nhưng cười một cái cười Việt Nam hơn chứ không tân tiến như lối “Canard enchainé” của Pháp.

Thoạt đầu, trang nhất chỉ có cái măng-xét vẽ con ong còn toàn bài vở,

nhưng sau thấy làm như thế có vẻ nhạt, báo này mỗi kỳ vẽ một tranh khôi hài ở ngoài bìa. Điển hình cho các bức hí họa này, tôi còn nhớ hai bức : một vẽ Nam Phương Hoàng hậu ra thăm Hà nội, đằng sau có Nguyễn Tiến Lãng nâng gấu váy và một bức vẽ Toàn quyền Pierre Pasquier kéo xe tay. Tất cả những bức vẽ bìa và một số lớn hí họa ở bên trong là của Côn Sinh Đỗ Mộng Ngọc, còn bài vở thì do Tam Lang Vũ Đình Chí và các bạn như Thượng Sỹ Nguyễn Đức Long, Thiên Thê Nguyễn Đăng Đệ, Nguyễn Đình Lạp, Thiết Can Nguyễn văn Xuân, Việt Quyên Trần văn Lượng, Ngô Công Ngô Tất Tố phụ trách.

Ngoài Nguyễn Đình Lạp, cái tòa soạn này gồm toàn những anh em đã từng hợp tác với “Vịt Đực” lúc đầu, nhưng vì cơm chẳng lành, canh chẳng ngọt, nên

phân chia, cũng như các chánh đảng, các nhóm, các mặt trận ở đây chia rẽ vậ. Cố nhiên Phùng Bảo Thạch và tôi không dính líu đến tờ “Con Ong”, vì câu chuyện bắt đầu như sau :

Côn Sinh và Nghiêm Xuân Huyền cùng là bạn của “Vịt Đực” đêm nào cũng đến nằm bàn đèn với chúng tôi tán chuyện. Gặp lúc “Vịt Đực” kém đồng tiền, Nghiêm Xuân Huyền xé lẻ với Côn Sinh và Tam Lang muốn lấy tờ Vịt Đực” để chỉ huy. Phùng Bảo Thạch và tôi, tiếc cái công trình đi điều đình với Nguyễn văn Thái để lấy tờ báo, bàn riêng với nhau không chịu, nhưng nói ra sợ méch lòng anh em nên ngấm ngấm đi thuê một nhà in mới, xếp bài vở xong đâu đấy rồi mới tuyên bố là “không nhường Vịt Đực cho ai hết” và anh em nào muốn ở lại với Vịt thì ở, anh nào không muốn ở

lại thì cứ việc đi”. Rút cuộc, anh em đi hết vì ghét mặt hai đứa chúng tôi. Phần chúng tôi thì phớt tỉnh, cởi trần ra làm tờ “Vịt Đục” với nhau, với một ý chí cương quyết là phải làm cho lên chó không thì uất lắm vì “chúng nó định đem tiền ra bắt nạt nhau”.

Phúc làm sao tờ báo lại lên, gây một nổi tức bực cho bọn anh em “phân ly”, cho nên “Vịt Đục” vừa chết thì “Con Ong” ra trò liền và một trong các bản khoản và xỏ nhẹ tôi và Phùng Bảo Thạch. Chúng tôi không có báo trong tay đành chỉ cười ruồi ; nhưng nói rất thành thực, dù lúc ấy có báo ở trong tay đi nữa, chúng tôi cũng không đáp lại vì hai lẽ : một là chửi ai thì chửi, riêng anh em thì chừa ra, hai là mình chửi người chán ra rồi, đến khi bị người chửi lại thì phải nhận lãnh lời người ta chửi một cách triết lý và “phớ

lếch” : đó là một lẽ công bằng, một luật của tạo hóa không thể làm khác được.

Ngoài ra, chúng tôi còn một lẽ thứ ba : chúng tôi còn trẻ, nuôi nhiều tự ái trong tim óc, tuy không nói hẳn ra miệng nhưng thâm tâm thì cho rằng cái lỗi chửi của “Con Ong” không nước gì, chẳng bỏ cho mình phải để tâm suy nghĩ.

Bây giờ, ngồi suy nghĩ lại, tôi không biết cho đến lúc này tôi có còn thiên vị hay chủ quan không, nhưng cái lỗi trào phúng của “Con Ong” hồi đó không có gì mới lạ, một phần lớn chỉ nhằm vào chơi chữ, vắn vơ, chớ đứng về phương diện làm báo trào phúng thì không có ngón gì sắc sảo, một “mánh” gì sâu xa, một kế hoạch gì ghê gớm. Nói chung, báo “Con Ong” chỉ là một thú “hậu thân” của báo “Loa” của Bùi Xuân Học, từng nổi tiếng một thời, nhưng không có gì hóm hỉnh,

sở dĩ có hồi bán chạy không phải là vì trào phúng nhưng một phần lớn vì mỗi số có một phụ bản vẽ gái khỏa thân và một vài truyện tiểu lâm “mặn mà” như những truyện “Ấp trứng voi”, “Cái vết thương năm mươi sáu năm không lành”, “Tao đã may tay rồi!”... Côn Sinh, tổng thư ký tòa soạn của “Loa”, vẽ nhiều tranh ngộ nghĩnh, nhưng dù sao, phần hoạt kê chỉ là phần nhỏ, còn phần chính là tiểu thuyết thì cũng như các tiểu thuyết thường mà thôi. Đáng chú ý về phần này là những chuyện như “Ai lên phố Cát” của Lan Khai (lúc ấy mới ở Tuyên Quang về Hà Nội để theo đòi nghề văn bút) và mục “Đời lính” của binh nhì Đội Tú...

Báo “Con Ong” dưới sự điều khiển ngầm của Côn Sinh Đỗ Mộng Ngọc, tiến hơn báo “Loa” một bậc, đã khiêu dâm tục tĩu hơn “Loa” và viết trào phúng từ

đầu cho đến dòng chót nhưng tương đối, trong hai năm hoạt động không được nổi tiếng bằng “Loa”.

Sự kiện này giúp tôi rút thêm một kinh nghiệm : hơn cả các loại báo khác, báo trào phúng đòi hỏi những người viết một bầu không khí luôn luôn thay đổi, luôn luôn vui nhộn và điều cần thiết là phải sống tập đoàn, hàng đêm phải “tán phó mát” nhiều, do đó mới có nhiều chuyện và tinh thần của mỗi số báo mới đồng đều, thuần nhất. Vì thế, có nhiều khi cùng là những người ấy, cùng với những bộ óc và nghệ thuật ấy mà viết có lúc hay có lúc dở, có lúc làm thơ vui rất tài mà có lúc dở ẹt, gượng ép, nghe không vô chút nào. Vấn đề say mê, thích thú cũng như vấn đề sức khỏe, yêu đời của những người cầm viết giữ một vai trò quan hệ trong ngành báo trào phúng

có khi còn quan hệ hơn cả các ngành báo khác.

Báo “Con Ong” ra được chừng hơn một năm hay năm rưỡi gì đó thì tắt ngấm. Lúc đó vào khoảng gần tết. Bây giờ chính các anh Tam Lang Vũ Đình Chí, Thượng Sỹ Nguyễn Đức Long, những cột trụ của báo ấy hiện giờ còn sống ở đây cũng không còn nhớ báo “Con Ong” bị tịch thu, bị Tây đóng cửa hay tự ý đình bản vì vấn đề nội bộ. Dù sao “Con Ong” của Nghiêm Xuân Huyền và tập đoàn Tam Lang, Thượng Sỹ cũng đã đánh một dấu son trong làng báo trào phúng trước thời quân phiệt Nhật đến Đông Dương đem kiếm sắt ra chọc vào bụng người da vàng để thực thi chương trình “Đại Đông Á” vĩ đại và nhân đạo.

Kỳ tới, chúng ta thử xét xem cái cười dưới thời Nhật thuộc biến đổi ra sao, đến

lúc Việt Minh lên thì tiến như thế nào và người mình kháng chiến chống Pháp có còn cười nữa hay chẳng.

IX

Vừa cười, vừa chống Nhật, diệt Pháp, đuổi Tàu

Bây giờ ngồi nhớ lại lúc quân phiệt Nhật đến Đông dương, những người bình tĩnh nhất cũng vẫn còn bắt rùng mình. Là vì trong khi họ có võ chương trình Đại Đông Á của người da vàng thì chính người da vàng chết trước vì chánh sách bạo tàn, độc ác vượt bậc của họ. Bao nhiêu người chống lại chính sách ấy đều bị “xúc” đem đi hết. Mà không phải họ chỉ bắt giam hay đem

bắn những người chống đối lúc bấy giờ, mà còn bắt luôn cả những người đã “lỡ đại” chống lại chủ trương của họ trước khi họ tới.

Hồ Khắc Tráng, Chương Đắc Long, Nguyễn Vỹ... và bao nhiêu anh em kháng chiến hoạt động trong thành lúc bấy giờ đều bị nhốt và tầm quất đầu ra đấy. Về báo chí, một gã Hàn quốc, vào làng Nhật cầm đầu: bất kể báo nào có một bài hay chỉ một có thể hiểu là “chống Nhật” đều bị khép vào tội “bất kính đối với Thiên Hoàng” và bị hốt trong đêm. Thậm chí có một báo hồi ấy đăng một tin vật thật rằng một con chó Nhật bị xe ô tô cán chết, lập tức viên chủ nhiệm, quản lý bị mời ra Hiến binh thẩm vấn rồi bị kết tội nặng nề chỉ vì lẽ tại sao dám bảo con chó chết ấy là con chó Nhật.

Trước chính sách độc tài, phát xít

đó, những người biết suy nghĩ, cố nhiên, phải im hơi lặng tiếng để tìm một đường lối tranh đấu cứu quốc khác, nhất là các nhà văn nhà báo. Vì lẽ dễ hiểu đó, thơ ca, sách vở cũng như báo chí trong thời kỳ này tàn lụi. Lẽ tất nhiên, những văn, thơ trào phúng, hơn các thể thơ, văn nào khác ít ra chào đời; tuy nhiên, các “cây cười” không vì thế mà không trước tác, sản xuất để trào mạ quân phiệt Nhật và trào lộng những kẻ vô liêm sỉ lúc nào cũng sẵn sàng bò sát để liếm gót những ông “chủ mới”.

Nhưng muốn thành thực hoàn toàn, ta phải nói rằng trong những ngày đầu quân đội Thiên Hoàng đến Việt Nam, người dân tương đối không thù ghét Nhật tàn tệ lắm. Sở dĩ như thế là vì họ oán thù Pháp thực dân thâm căn cố đế, nay đột nhiên có một dân tộc cùng màu

da đến chèn ép Pháp, phỗng tay trên của Pháp, làm cho Pháp thực dân ê chề đau đớn, đa số người Việt Nam đều hả.

Đến hồi cái đói 1945 diễn ra trên toàn quốc, làm cho hai triệu người chết oan chết uổng, họ lại càng thù hận Pháp hơn, và đều hướng về quân đội Nhật, những mong Nhật giải cứu cho cái dân tộc đau khổ này. Do đó, văn chương trào phúng, đến hồi này, vẫn chỉ nhắm nhiều vào Pháp thực dân, chứ không nhắm vào quân đội Nhật.

Phải chờ đến lúc Pháp bị quy, quân đội Nhật bỏ rơi mặt nạ, bắt bớ tù đầy các chiến sĩ, văn gia, ký giả, về các làng xóm thôn quê thu thóc, vét gạo và bắt trồng đay, mới cảm thù đối với Nhật mới thực sự phát ra và cũng từ lúc này người ta mới thấy “rỉ tai” trong dân chúng những bài thơ trào phúng chống Nhật, mà bài

hát “Diệt phát xít” của Nguyễn Đình Thi có thể coi là một bài hát tiền phong :

Đồng bào tuốt gươm vùng lên,

*Diệt phát xít, diệt bè lũ tham tàn của
chúng.*

Mặc dù Pháp thực dân và Nhật phát xít đánh đập, hành hạ, tù đầy người Việt Nam yêu nước, tinh thần trào phúng vẫn không vì thế mà cùn nhụt đi, dù khổ bao nhiêu đi nữa, họ vẫn cười cợt, phúng thế. Đây là tâm trạng một nhà thơ ở trong lao nằm mơ thấy mẹ hiện lên mắng mỏ :

MẸ MẮNG

Vì chúng bẻm mép mới vào đây

Câm họng đâu ra đến nỗi này.

Dân chúng sướng, đồ : dân chúng khô

Nước nhà yên, bảo : nước nhà nguy

Dở hay mặc kệ thằng cha nó,

Còn mất can chi lão nội mày !

Ném thử mùi tù cho đáng kiếp,

Từ rày chùa bỏ tậ thày lay !

Những bài thơ trào phúng sáng tác ở trong tù rất nhiều, xin đơn cử vài bài điển hình nhất :

Gặp gỡ nhau đây mới biết nhau,

Nó càng chua xót, nghĩ càng đau.

Văn minh Âu Mỹ : ba thằng cướp,

Con cháu Rồng Tiên : một lũ tù !

Tài giỏi gì hơn tay sẵn súng,

Ngu hèn cũng bởi túi không xu.

*Trời đang quay tít, người đang ngủ,
Giận muốn vò tan quả địa cầu !*

BIẾT MẦN RẰNG ?

*Suốt ngày ăn ngủ, ngủ rồi ăn,
Chứa thấy chuyện gì chuyện khó khăn,
Năm khếnh sờ môi : râu tua tủa,
Ngồi rù gãi háng : dái tăn tăn.
Làm sang phe phẩy tay còn quạt,
Đi tắm trần truồng mộng thiếu chăn,
Ăn, ngủ, ỉa xong : đầy đủ cả,
Muốn chi chi nữa, biết mần răng ?*

Thu thập tài liệu đến đây, tôi không thể không nhắc đến một bài thơ trào phúng cũng làm ở trong tù, nhưng làm vào thời kỳ trước đó, khoảng 1920–1930, lúc ta còn sống hoàn toàn dưới chế độ Pháp thực dân. Nhượng Tống Phạm Hoàng Trân, hoạt động cho VNQDD bị bắt cầm tù, nhân một hồi ngồi tắm đã tạo ra một bài tứ tuyệt:

Vùng vẫy mình trong bể nước đầy,

Hết kỳ lại cọ chẳng rời tay,

Ông Tây cứ bảo mình yêu nước,

Ừ, chẳng yêu sao lại thế này !

Những bài thơ trào phúng cảm khái về thể sự nhân tình lúc thay ngôi, đổi chủ, cực tả cái tinh thần hèn hạ của những người đi theo giặc lại còn nhiều hơn thế nữa :

GIỚI HÈN

*Tạo hóa sinh chi cái giới hèn,
Thay lòng, đổi dạ biết bao phen,
Tây sang : hí hửng lom khom vái,
Nhật đến : vội vàng khúm núm khen
Việt Cộng : hoan hô như sấm dậy,
Bảo Hoàng : vạn tuế cũng rùm beng,
Cộng hòa Nhân vị xun voe tán,
Tạo hóa sinh chi cái giới hèn !*

CHÓ

*Lũ mày chẳng phải giống nhà đầu
Mẹ Nhật, cha Tây, hoặc bố Tàu.
Nịnh kẻ giàu sang đuôi vắt vắt,*

Dọa người khốn khó miệng gâu gâu

Bơ thừa sữa cặn mà xơi thích,

Anh ruột em nhà có mề dêu.

Liệu xác : ngày mai người thắng vật,

Rượu, giềng mi sẽ hưởng công dêu.

Ngoài ra, văn học sử còn không biết bao nhiêu ca dao nói lên nỗi khổ cực của người dân Việt Nam dưới thời Nhật thuộc²⁶

Lấy chồng mà cậy mà nhờ,

Hôm qua thằng Nhật bắt bữa đi phu,

Bên mình nheo nhóc con thơ,

Dỗ được chúng nín, trời trưa mất rồi !

Cảnh tình thảm lắm, ai ơi

26 Hoàng Trọng Thuộc : “Thi ca châm biếm, trào lộng Việt Nam”.

Chàng đi khô chín, thiếp tôi khổ mười.

Ngâm ra thật đúng như lời,

Nước mà đã mất, nhà thời cũng tan.

Đất này đất tổ đất tiên,

Đất này chồng vợ bỏ tiền ra mua,

Bây giờ Nhật, Pháp kéo hòa,

Chiếm trồng đay lạc, ức chưa, hỡi trời !

Chém cha lũ Nhật côn đồ,

Bắt người cướp của tha hồ thắng tay.

Dân ta trăm đắng ngàn cay,

Thóc ăn chẳng có, trồng đay cho người !

Những mong ngô trở ra bông,

Ai ngờ ngô bị nhổ tung đầy đồng.

Nhìn ngô nước mắt tuôn ròng,

Ôm ngô mà héo cả lòng, ngô ơi !

Việt nam độc lập thế nào,

*Phải chăng thẳng Nhật thay vào thẳng
Tây ?*

Việt nam độc lập thế này,

Có quân lùn ở, có ngày diệt vong.

VĂN NGHỆ SĨ VIỆT NAM VỪA
CƯỜI VỪA CHỐNG NHẬT, DIỆT
PHÁP, ĐUỐI TÀU

Tàu cười, Tây khóc, Nhật lo,

Việt Nam độc lập chết co đầy đường.

Câu ca dao này nói về thời cuộc Việt
Nam vào khoảng tháng Ba năm 1945,

lúc mà ở Bắc Việt, có trên hai triệu người chết oan vì những đòn chánh trị giữa Pháp thực dân và Nhật phát xít. Về cái đói năm ấy, Trần Huyền Trân có những câu thảm khốc :

Đàn ông còn lại vài tên

*Chôn người để đợi người đem chôn
mình.*

Hoàng Ly cũng có những vần trào phúng như sau :

Giá gạo đã lên cao,

Tối tám trăm một tạ,

Trời ơi, biết thế nào

Người vẫn chết như rạ.

Những thiếu nữ xinh tươi

Lúng lẳng đeo hoa tai,

Đổi một đêm hành lạc

*Lấy một bát cơm thôi.
Có những chàng công tử,
Kính trắng, píp, giấy đôn
Tình trong thì đói lả,
Ngoài mặt vẫn hùng hồn.
Giá gạo đã lên cao,
Tối tám trăm một tạ,
Trời ơi, biết thế nào
Người vẫn chết như rạ
Đây, những con ma đói
Chẳng biết nghĩ làm sao...
Những đêm mờ mờ tối,
Bắt con nít đem xào !*

.

Chúng ta cũng nên biết rằng cũng về vấn đề này, Hoàng Ly đã viết một bài thơ sau này chính anh đem phổ nhạc với tên “Con đò đưa xác” :

*Gió thổi thì thâm,
Mưa bay lấm tẩm
Ai chở con đò
Bên bờ sông vắng
Ai khóc tử tề
Bên bờ sông vắng
Ai khóc tử tề
Trên dòng trường giang
Đò sang ngang
Dưới ánh trăng vàng
Gió đêm hiu hắt
Nấc lên từng cơn
Nặng nề một chiếc thuyền con,*

Âm thầm chở mấy vong hồn sang sông.

Trăng tan,

Mây tan,

Sao trăng đẹp thế này,

Mà trên sông vắng

Con đò cay đắng

Đưa xác người về đâu ?

Ô hô,

Con ơi, mười mấy tuổi đầu.

Vì chúng đói rét ngàn sầu thác oan.

Mang mang trong mây tan,

Trăng lạnh thế này !

Mà trên sông vắng

Con đò cay đắng

Đưa xác người lăm than.

*Trong trăng tan
Phiêu phiêu
Có một bóng ông già,
Tay chèo tay lái
Lòng buồn tê tái
Đem chôn đàn con
Chôn đi đâu đám oan hồn
Trôi về đâu con đò nát,
Lấp vào đâu nỗi hờn oan !?*

Nhật thua, Tàu thắng đến tiếp thu
Việt nam cũng là một đầu đề để ra không
biết bao nhiêu văn thơ trào phúng mà
diễn hình là mấy câu nhái :

*Đoàn quân Tàu ô đi, chung lòng mất
nước,*

*Dắt giống nòi quê hương qua nơi lăm
than...*

Đồng thời những “tờ báo miệng” tả những bê bối của quân Tàu phù ngòi “bình” lên la-va-bô, ăn no quá rồi nằm quay ra chết... mỗi ngày mỗi sản xuất không cách gì thâu thập nổi, nhưng vẫn thơ trào phúng thịnh nhất và phổ cập nhất trong dân gian, theo tôi, là hồi toàn dân ta chống Pháp.

Bao giờ hết cỏ Tháp mười

Thì dân ta mới hết người đánh Tây,

Xác Tây, Tây chở về đồn,

Xác quân bảo vệ Tây chôn dọc hàng.

Cắc bự cắc bự xòe

Ba thằng Tây đói bắt gà bắt heo

Cắc bự cắc bự xòe,

Ba thằng Tây đói bắt heo bắt gà.

Sao cho an cửa an nhà.

An mồ, an mả, mới là an ninh.

An ninh, an ninh, an ninh,

An quan xó bếp, an quanh cối xây.

Xuống ân, xuống phúc cho mày,

Có ba trăm bạc, việc này mới an.

Chị em du kích Thái bình

Ca lô đội lệch, vừa xinh vừa giòn

Người ta nhắc chuyện chống con,

*Lắc đầu nguây nguẩy : “Em còn giết
Tây”.*

*Thằng Tây phá đập, phá kè
Cắm thù giặc nước ta thể quyết tâm.
Thắng trời, thắng giặc, mọi phần
Mỗi lần tát nước mỗi lần vui thêm.*

*Trên trời có đám mây vàng²⁷,
Em đi tiếp vận cho chàng giết Tây
Thằng Tây tiếp tế máy bay,
Không bằng tiếp vận chân tay chúng mình*

Văn thơ trào phúng, trong thời kỳ này, nở hoa dưới trăm ngàn hình thức khác nhau. Bên cạnh những vè, ca dao chế giễu thực dân Pháp xâm lăng, ở làng, xóm, thôn, xã nào cũng có những anh em làm những kịch khôi hài, trào

²⁷ Hoàng Trọng Thuộc sưu tập. Sách đã dẫn.

phúng để trào mạ Pháp, nâng cao tinh thần chiến đấu của đồng bào hoặc làm cho những kẻ theo Pháp thành “những con vật lố lĩnh và bẩn thỉu” ai cũng phải khinh bỉ, xa lánh và phỉ nhổ. Những hài kịch này phóng đại những tính xấu của địch lên, kiểu Molière phóng đại tính biếng lận của Hạc-bá-công, thói khoe chữ lỏi của những bà “mang bí tất xanh”..., nhiều khi đến vô lý nhưng hợp với tinh thần của dân gian nên được vô cùng tán thưởng, dù rằng các sân khấu diễn kịch chỉ là một cái sân, một cái chùa đổ nát hay là một cái đồn bị phá. Các hài kịch này viết đủ các lối : độc tấu, ba-lê, mê-lô.. đương nói thì hát, hát xong thì múa, múa đủ các kiểu rồi lại hát : hát huê tình, quan họ, ngâm thơ, hát chèo, hát tuồng, bát nháo chi khươn, nhưng “hợp giọng” dân chúng không chịu được. Bên cạnh những cái kịch đó, khu nào cũng còn

cho ra những tài liệu quay rô-nê (?), viết giọng trào phúng, bình dân, theo chương trình địch vận, dân tộc kháng chiến hay vận động đời sống mới. Bài “độc tấu”

Bà kia tháng tháng đôi tuần...

mà tôi ghi ở phần trên đây là một thí dụ về tài liệu vận động “Đời sống mới” viết ra trong thời kháng Pháp 1946-1954 vậy.

Khỏi cần phải nhắc, bạn đọc hết thấy đều còn nhớ những bài hát, bài vè, cổ động học chữ quốc ngữ và chế riều những người không biết đọc, biết viết, thiết tưởng không cần ghi lại. Mà có muốn ghi lại cũng không thể đầy đủ vì loại văn đó như rừng, cũng như các văn thơ trào phúng chế riều kháng chiến lúc đầu lấy gây tâm vông để đánh lại bom và súng nhiều không tả nổi. Chúng tôi chỉ xin đơn cử mấy câu trào phúng sau đây

làm thí dụ :

Bao giờ kháng chiến thành công,

Trở về Hà nội thì không còn nhà,

Ai về nhẩn nhủ cha già

Phen này con cháu thật là tay không.

Mấy câu dưới đây chế riếu Việt Minh
đuổi Nhật rồi, tuyên bố độc lập xong,
liền cho Pháp vào Việt Nam :

Ngày xưa thân Pháp Việt gian,

Bây giờ thân Pháp hoàn toàn Việt Minh.

Mồ Quỳnh²⁸ cỏ mọc chưa xanh.

Quốc dân đã vội hoan nghênh già Hồ.

28 Quỳnh đây là Phạm Quỳnh mắc tiếng là Việt gian thân Pháp và bị thiên hạ phỉ nhổ. Câu này có ý nói người ta chửi Phạm Quỳnh thân Pháp là Việt gian, mà chính “già Hồ” bắt tay với Pháp thì lại hoan nghênh !



PHẠM QUỲNH



Nhất Linh



Nhà văn hiện đại
Nguyễn Đỗ Mục

Còn hai câu sau đây, theo lời một người bạn tôi kể lại, thì được kể vào một tấm vải căng ở chợ Thái Nguyên, lúc bắt đầu chiến đấu chống Pháp :

Nơi đây là đất ông Đê²⁹

Tây lên phải chết, Tây về phải tan.

Bất ngờ Tây đổ bộ lên Thái Nguyên cái rụp, phá hoại tỉnh lỵ làm cho bộ đội ta thất bát, điêu linh, xong xuôi lại rút về. Ở cái tấm vải nói trên, người ta thấy một ông lính “pạc-ti-dăng” nào đó sửa lại và ghi thêm mấy dòng chữ như sau :

Nơi đây là đất cụ Đê

Tây lên chẳng biết, Tây về cũng không.

Bộ đội vút súng ra đồng,

Phụ nữ vén váy thưa ông, đây này !

29 Đê Thám

X

Văn cười cợt sau khi “rinh tê” về Hà Nội

Chiến tranh lan rộng từ thủ đô ra các tỉnh làm cho nhân dân Việt Nam ở Bắc bị thất điên bát đảo trong mấy năm trời. Có người chịu đựng được túng thiếu, đói rét, bom đạn, nhưng cũng có nhiều người khác vì hoàn cảnh, vì sợ hãi, vì không chịu đựng được sự hy sinh hơn nữa phải trở về thành để nhờ thực dân Pháp và chính quyền quốc gia che chở.

Đa số những người tri thức về lúc đó đều thấy mình xấu hổ, nhục nhã, nhưng

các bà các cô thì tương đối thấy yên thân hơn.

Ngoài ra, lại còn một số phụ nữ khác tương đối lấy làm sung sướng vì họ có dịp làm tiền và “tậu” được dăm bảy ông nhân tình người Pháp sẵn sàng cho họ cả tình lẫn tiền như các ông người Mỹ “lớn” các em nhỏ Việt Nam bây giờ.

Tôi còn nhớ có một hôm ra bưu điện lãnh một cái ngân phiếu của Hiến Sĩ, chủ báo Việt gian chính cống là tờ “Phục Hưng” gửi trả bút phí về tin tức và bài vở do tôi cung cấp. Các ghi-xê lãnh tiền chật ních người. Cùng đứng đợi với một hai người bạn quen, chúng tôi nói chuyện làm ăn sinh sống, lan man ra đến những chuyện vụn trong thời kỳ tản cư thì, chương ách làm sao, ở bên cạnh có một “me” cứ đứng nói toang toang lên với ông công chức bưu điện, giờ chân giờ

tay ra làm hiệu rồi nhiều lúc không vì lý do gì hết, cười sảng sặc lên, cười bò lăn bò càng ra, cười y như thể có một trăm bàn tay bí mật cù vào nách làm cho nhột không tài nào chịu nổi.

Một anh bạn tôi thấy thế tức quá, đứng trố mắt ra nhìn. Rồi bỏ phăng cả lịch sự, xã giao, anh tiến lại gần “me” đó, đập vào mũi một cái tuy là không hề quen biết bao giờ — không cười, bảo me nọ như là vợ ở nhà:

– Đồ khỉ ! Tây nó đánh đồng bào mình chết cha chết mẹ đi, bộ sướng lắm sao mà còn cười ha hả ?

Về sau này, ngồi nghĩ lại câu nói đó, tôi cảm thấy đó là kết tinh tể nhị và đầy đủ những xúc cảm và uất ức tiềm tàng trong lòng người đàn ông “rinh tê” về thành. Người nào người nấy lo làm lo

ăn hàng ngày, nhưng trong thâm tâm đa số đều buồn rười rượi và cảm thấy nhục nhã mông mênh... nhưng chúng ta đừng tưởng như thế mà tinh thần cười cợt, phúng thế đã chết trong văn chương Việt Nam lúc đó.

Văn chương trào phúng vẫn phát triển như thường dưới hai khía cạnh : công khai và truyền khẩu. Nói một cách tổng quát, trọng tâm của các văn thơ trào phúng lúc bấy giờ nhằm vào mấy mục tiêu sau : giễu Pháp, giễu chính phủ thân Pháp, giễu bọn người liếm gót, đón gió, bất kể luận thường đạo lý, giễu bọn gian thương tích trữ đầu cơ sống trên xương máu của đồng bào đói khổ. Nói cho thực, chế độ báo chí của Pháp vẫn rộng rãi, cởi mở hơn của Nhật nên các bài “chửi đồng”, chửi vu vơ vẫn được đăng tải trên báo mà nhà báo không bị lôi thôi mấy.

Tôi còn nhớ mấy bài sau đây đăng trên báo “Tiếng Việt” của Bùi Đình, trụ sở ở 45 Hàng Bát Đàn, Hà Nội.

TIỀN

Thế kỷ hai mươi thế kỷ tiền

Có tiền con cá cũng thành tiên.

Tiểu nhân lắm bạc, đời khen giỏi,

Quân tử không xin, nó bảo điên.

Ông xuất vốn kia mua sự nghiệp,

Bà chìa cửa nọ, đổi nhân duyên.

Than ôi, nghĩa cả ngồi trong két,

Thế kỷ hai mươi, thế kỷ tiền !

BỐ KHỔNG ƠI!

Bố Khổng đâu rồi, bố biết chăng ?

Bây giờ thế sự đến lằng nhằng.

Giở giò tôm tép lên ngôi cụ,

Trái sòng kinh nghề xuống cấp thẳng.

Một lũ gian tham no phênh bụng,

Mấy chàng quân tử đói nhe răng.

Thánh kinh lủi thủi về Đông hồ,

Bố Khổng đâu rồi, bố biết chăng?

Tiêu biểu cho những nhà văn thơ trào phúng trong thời kỳ này là Trương Linh Tử, tên thật là Đỗ Hồng Nghi, tác giả hai bài thơ trên kia. Còn tên nữa là Thánh Sống, Hoàng Ly, tác giả nhiều

tiểu thuyết mạo hiểm, ái tình, phiêu lưu, anh là người đầu tiên đã mở một mục trào phúng mới trên báo “Liên Hiệp”, mục “Vấn Kế”. Nguyên báo chí từ “Tiểu thuyết thú Bảy”, vẫn có một mục kêu là “Biết ai tâm sự” nhằm mục đích “gỡ rối tơ long” cho độc giả bốn phương. Hoàng Ly bèn nghĩ ra cách trào phúng hóa mục đó, đặt ra câu hỏi rồi trả lời quấy với một tinh thần phúng thế. Mục “Vấn Kế” đã có một hồi làm cho báo “Liên Hiệp” thêm độc giả.

Đây là loại kiểu mẫu “Vấn kế” mà chúng tôi sưu tập được, một bằng văn vần và một bằng văn xuôi :

VẤN KẾ

Trả lời rất xuôi tai và rất ngược tai những câu hỏi của bạn đọc xa gần gửi tới.

HỎI :

Nghe đồn Thánh làm ăn khấm khở

Nghiep báo chương bơ sữa hàng
ngày

Bao nhiêu thiếu nữ ngất ngây

Những là trộm ước thầm say duyên
vàng.

Trí quả quyết đăng đàn ngôn luận

Vung bút cùn mai ẩn bấy lâu

Thánh mà hạ cố đến nhau

Thử xem tài tớ rồi thâm tớ về

Cùng Thánh Sống tớ thể kết bạn

Đem bánh Tây rửa hận dạ dày

Nên chẳng, thánh bảo thẳng này !

TRẢ LỜI :

Về đây mang tiếng sữa bơ

Thực tình bản Thánh rau dưa tối
ngày.

Chú kia ăn nói rõ hay

Thánh nào lại sức bánh Tây của đời ?

Nói ra sợ chúng bạn cười

Lương ông bằng nửa lương người
xích lô ;

Lấy gì mà sữa mà bơ ?

Lấy gì mà để người mơ duyên vàng ?

Mấy câu nhảm nhủ anh chàng

Có gan tịch cốc đăng đàn, lại đây !

Sớm chiều nói mặn ăn chay,

Bút cùn dở tỉnh dở say với đời !

Nói cha chú thích chú cười

Ở đây chú báo biết người tài hoa.

HỎI :

Kính gửi cụ Thánh Sống,

Thưa Thánh, cháu nay đã được mười chín tuổi nhưng việc gì cũng hay thắc mắc vẫn vợ, dám xin Thánh vui lòng chỉ dạy :

1) Không hiểu sao, tiếng Pháp chỉ có một động từ “AIMER” tiếng Anh “LIKE” và “LOVE”, nhưng tiếng Việt lại có đến bốn chữ : YÊU, THƯƠNG, SI và MÊ. Vậy thưa Thánh, phải chăng tiếng mình giàu nhất thế mà sao vẫn có kẻ dám chê tiếng Việt nghèo nàn ?

2) Nhưng chỉ vì tiếng ta giàu quá

nên cháu đã đôi lần băn khoăn thắc mắc không hiểu bốn chữ trên có đồng nghĩa với nhau không, hay khác nhau thì khác nhau như thế nào ? Xin Thánh ra ân giảng hộ.

Sở dĩ cháu phiền đến Thánh là vì có một nhà bói toán đoán rằng : cái “điệu” cháu chứng tỏ cháu đã yêu rồi

Riêng cháu không hiểu yêu là sao nên cháu cũng không biết mình đã yêu chưa nữa. Cháu cứ tấm tắc một mình vì hỏi ai thì: “hở môi ra cũng thẹn thùng” mà chắc gì họ đã giải đáp cho một cách tài tình như Thánh. Dám xin Thánh sống giáng bút. Cháu đây đa tạ vô vàn.

Nay kính

N.H

TRẢ LỜI :

Ờ kìa ! Thật vậy sao ? Ai dám bảo tiếng Giao chỉ nhà ta nghèo nhỉ ?

Thôi ! Chắc bà con “đùa nhả” chơi, Thánh sống rồi ! Này ! Bảo giùm bà con đừng có mà ầm ớ cướp nghề quạt mo của Thánh, Thánh kiện cho một phát đòi bồi thường bạc triệu như chơi đó !

Nói cho ngay, nếu bảo dân Giao Chỉ ta còn “hơi thiếu” một số ít tiếng chuyên môn về khoa học, phải đi vay tạm thiên hạ nghe còn được, chớ nói nghèo là điếc con rác nhau rồi đấy ! Ôi ! không nói phét, chớ tiếng Giao Chỉ chẳng những không nghèo mà lại giàu nhất thiên hạ, phong phú nhất thế giới, mà lại cũng lý thú, lâm ly nhất cõi hồng trần ! Cứ gì 1 tiếng “aimer”, còn khối tiếng khác, nguyên xưng hô, Tây Tàu bất quá chỉ “toi moi vous il, nị ngộ, ní úa... còn ta thì ôi thôi, có mà hàng gánh danh từ nào :

mày, tao, cậu, tớ, ông, tôi, ngài, con, đại ca, tiểu đệ, tiên sinh, quý hữu, chú mày, đàn ông v. v... kể không hết, cứ nguyên cái mục chửi nhau đã phong phú, rùng rợn nhất rồi : Nào con khỉ con khếch, con chó, thằng khốn nạn, tiên sư, tổ sư, bá ngo, cha tiên nhân con đẻ mẹ, cứ nguyên một “nàng” nổi dóa đứng trung bình tấn giữa đường vận sơ sơ 3 thành công lực mà “rửa dọ” chẻ làm tám, cạm làm tư địch thủ, lôi cả tam tứ ngũ đại nhau ra mà âu yếm tặng hàng mớ danh từ không có trong tự điển cũng đủ kinh hồn táng đờm mà phục lẫn tiếng Giao Chỉ giấu số dách rồi !

Đố dân Âu, Á, Mỹ, Phi, Úc, ngũ đại châu địch nổi ! Đã thế chữ nọ nó còn xọ nghĩa kia, ngược xuôi ngược ly kỳ, hỏi khắp bàn dân thiên hạ, có nước nào cự nổi các món “cụ trong dân”, “đèo

đá”, “lộn lèo”, “ba chề”, v.v.. tấu một đàn quàng một nẻo, kẻ bị âu yếm tặng chỉ còn nước học máu mồm mà đêch kiện vào cái chỗ nào được. Chả thế mà, hồi sang chơi Saigon, nhà thi hào Tagore khét danh xứ ca-ry, khi đề cập đến thơ Hồ Xuân Hương, và tiếng Giao Chỉ phải lè lưỡi than rằng : Ủi chao hay ho độc đáo lý thú tế nhị đáng bạc triệu tờ rờ là cái tiếng Giao Chỉ tơ rơ ! Ông lại còn thách cả thế giới nhân danh ai dịch lộn nghĩa câu thơ có khoản “lộn lèo” ông xin phủ phục lạy luôn 3 lạy! Và dĩ nhiên, thế giới phải “lạy cả nón” hàng liền. Đủ biết tiếng nhà ta ghê lắm chứ ! Yêu thương si mê, mỗi tiếng có 1 nghĩa riêng, nhưng chung quy nó chỉ là “Aimer”, còn chú mình muốn hỏi yêu là vì sao ?

Than ôi ! “Yêu là chết trong lòng một ít, vì mấy khi mà được yêu”. Yêu là thấy

một tô hủ tíu tưởng ngon lành sức vào suýt soa cay thấy mỡ, mà vẫn cứ tiếp tục soi hủ tiếu. Còn gì nữa ! Muốn biết thế nào, cứ yêu đi hồi sau sẽ rõ !

Về sau này, những người lưu tâm đến diễn tiến của báo chí Việt Nam nhận rằng sau một thời kỳ đau khổ vì chiến tranh, đa số những người hồi cư đều chán nản, không thiết đọc bình luận, xã thuyết, bằng đọc tiểu thuyết và những chuyện vui nhộn, châm biếm — có lẽ tại người ta mệt mỏi và không hy vọng lắm ở guồng máy quốc gia.

Báo “Liên Hiệp”, có lẽ dò thấy điểm tâm lý đó của độc giả, mỗi ngày lại có một mục vui cười thâu thập những truyện tiểu lâm Việt Nam và ngoại quốc để cho độc giả xả hơi. Bên lề hai mục đó, tác giả tập sách này mở ra mục “Thiên hạ sự” – lấy tên của một tờ báo Nhật xuất

bản ở Thái Lan — ký tên là Bút Nguyên Tử, viết một thời gian rồi sau nhường lại cho Bạch Diện, Nguyễn Văn Cư tức Cư Diệc nguyên tác giả truyện “Kiều Tân thời” mà tôi đã nói ở một trong những chương đầu loạt bài này !

Viết mục “phim” Thiên Hạ Sự, Bạch Diện tỏ ra một tài hoa dớ dẩn, quê mùa nhưng ngộ nghĩnh.

Đồng thời cũng vào thời kỳ này, người ta không thể quên được rằng Văn Tuyên, tức Soubrier Marcel, chủ nhiệm báo “Liên Hiệp” đã làm được một công việc chưa ai làm về phương diện trào phúng chêm vào mục “Bàn cờ thế giới”, tức là mục bàn chuyện năm châu, liên quan đến các biến chuyển quốc tế một tinh thần, một giọng văn trào phúng, cợt cười, vui vẻ.

Chính Văn Tuyên này là người mà lúc Pháp trở lại Đông dương, sau thế chiến thứ nhì, mỗi ngày đã viết một bài bình luận trên đài phát thanh Tự Do nói vào buổi tối, bình luận đầu ra đấy, nhưng làm cho người Việt Nam nghe thấy phải tức nổ ruột, muốn đập bể máy radio vì trong bài nào anh cũng xen vào những lời nhạo báng, giễu cợt, xỏ xiên rất ư phản động, nhưng chết một nỗi lại có duyên, thành thử ra thính giả tức muốn điên ruột mà cứ phải nghe cho đến hết.

Mặt khác, ngoài báo chí, văn trào phúng hoạt kê vào thời kỳ này còn phát triển trên nhiều phương diện khác. Thứ nhất là trong ngành xuất bản. Ở Hà Nội, nhà xuất bản lớn nhất lúc đó là Văn Hồng Thịnh, ở ra phố Hàng Bông, lấy tên là nhà xuất bản “Ngày Mai” in đủ các loại sách, từ sách diễn ca như “Thạch Sanh”,

“Tống Chân” “Phạm Công Cúc Hoa” đến tiểu thuyết, sách giáo khoa, sách nhi đồng... nhưng theo chỗ biết của tôi — vì tôi có cộng tác với nhà xuất bản “Ngày Mai” của Đỗ Văn Hồng và nhà xuất bản “Cây thông” của Đỗ văn Giao – thì sách in bán chạy nhất lúc đó lại cũng vẫn là những sách vui cười, giễu cợt hay phúng thế.

Trong các sách này, tôi còn nhớ có những cuốn vui nhộn như “Ba Giai Tú Xuất”, “Trạng Quỳnh”, “Tiểu Lâm Việt Nam”, “Trạng Lợn” và những cuốn dễ đọc, nhắm mục đích tiêu sấu như “Thánh Địa lý Tả Ao”, “Chuột sa chĩnh gạo”.

Sau hết, cũng nên nghĩ thêm một điểm này nữa : là không có lúc nào những bài hát nhái có tính cách trào lộng phổ biến rộng rãi như lúc này. Ở ngoài đường trong quán rượu, ở tiệm cà phê, đâu đâu

người ta cũng nghe thấy trẻ nhỏ – và cả người lớn lên cơn nữa – hát lên những câu như :

Con chó xồm cắn con chó lài...

hay:

Giò này giò nóng

Ai muốn mua thì xin cứ...

đồng thời với những câu đồng dao tỏ nỗi uất hận đối với Pháp thực dân làm cho đồng bào ta cơ khổ :

Con cò mà đậu cành tre,

Thằng Tây bắn súng cò què một chân

Hôm sau ra chợ Đồng Xuân,

Chú khách mới hỏi sao chân cò què

Cò rằng cò đứng bụi tre...

hay:

Cao su xanh tốt lạ đời,

Mỗi cây là một xác người công nhân.

hay nói về sự hợp tác với Pháp :

Tậu voi chung với đức ông,

Vừa phải đánh công, vừa phải hốt phân

hay chế giễu người đàn bà con gái vì
đồng tiền bán cả thân xác cho Tây :

Hỡi cô yếm thắm hoa tâm

Chồng cô đi lính cô nằm với ai ?

Cô đẻ thằng bé con trai

Chồng về chồng hỏi “con ai thế này?”

*Quần lĩnh bông, dây lưng rút hỏa
hoàng (?)*

*Ngồi trên lầu ngó xuống tựa như
nàng cảnh tiên.*

*Một mai bóng xế, trăng nghiêng,
Tây về xứ hắc, ôm duyên chờ già.*

Hết đồ ăn bận vô ra,

Còn chi trang điểm phấn hoa lược cài.

Không biết làm cách gì để tiêu pha những ngày tháng buồn rầu trước cảnh hỗn loạn của phong hóa, đồi trụy của luân lý, một số nhà văn trào phúng lại học lại Hồ Xuân Hương trước tác những thơ văn ví cuộc đời lúc ấy như “cái giống” và nhân tình thế sự như một cuộc “làm ái tình giữa đàn bà với đàn ông”.

Trong những thơ đó, có những bài không tiện chép ra đây như “Bài phú bất lực” chẳng hạn, nhưng có những bài rất thanh nhã mà nói một hiểu hai :

ĐÁNH GIẶC ĐÊM

*Nửa đêm giờ Tí trống canh ba
Vác súng lên thành tháo lũy ra.
Một tướng xông vào trong cửa ải,
Hai quân lăn lóc bãi san hà.
Quân ta giao chiến cùng quân nó,
Nước nó giao hòa với nước ta.
Đánh giặc xong rồi lau khí giới,
Thu binh hồi trại xếp can qua.*

BẰNG VŨ

ĐÁ GÀ

*Vui xuân nhằm tiết mồng ba,
Ông bà cao hứng vác gà đá chơi.*

Gà ông ngóng cổ gáy hơi,
Gà bà thủ bộ đợi thời gà ông.
Gà ông chém trúng cạnh mông,
Gà bà nổi giận ngậm cần gà ông.
Đá nhau một chập ướn lông,
Gà bà trúng cựa, gà ông gục cần.

VINH LÃO TƯỚNG QUÂN VỢT³⁰

Càng già càng dẻo lại càng dai,
Lão tướng ra quân chẳng kém trai.
Đấu mấy hiệp liền không đuổi sức,
Tranh ba ngày tiếp chữa mòn hơi.
Khi mau, khi chậm, khi mơn ngẩn,

30 Có người bảo bài thơ này của ông Hương Thủy.

*Lúc xuống, lúc lên, lúc thọc dài.
Gác lại gác qua phò đủ kiểu,
Mòn lông banh nỉ lão còn chơi.*

*Mòn lông banh nỉ lão còu chơi.
Cân sức cho nên chẳng dám lời.
Chống đỡ gay.go trào bọt mép,
Cò cửa dai dẳng toát mồ hôi.
Chơi trưa chứa phỉ còn chơi tối,
Đánh chiếc xong rồi lại đánh đôi,
Phút chốc mưa đầu tung xối xả,
Cuộc vui hào hứng tạm ngừng rồi.*

Cuộc vui hào hứng tạm ngừng rồi,

Chốc nữa lau khô lão lại chơi.

Biểu diễn sân quen hay đáo để.

Hắn dồi banh mới sướng mê tơi.

Người trên ập xuống pheo phào thỏ,

Kẻ dưới nâng lên khúc khích cười.

Đối thủ gặp nhau mùa nắng cực.

Quần lâu thăm mệt ngã lăn nhoài.

Ngoài những bài thơ trào phúng đăng báo hoặc truyền khẩu, trong suốt thời kỳ này không có một tờ báo hoàn toàn trào phúng nào ra đời. Phải đợi mãi đến tháng sáu, tháng bảy gì đó năm 1954 – nghĩa là trước khi có cuộc di cư vào trong Nam – người ta mới thấy một tờ báo nhỏ, bốn trang, tên là “Vịt” chào đời.

Người ta bảo rằng báo ấy là của các tay đàn em của tổng trấn Nguyễn Hữu Tri đưa ra để phục vụ chánh trị của “đảng ta” nhưng lúc ấy chánh quyền Việt Nam đang đi chuyển tàu vét, tiền cạn mất rồi nên chỉ ra được năm sáu số gì đó thì báo “Vịt” lìm lìm rồi “đi đứt” không ai buồn để ý,

Ngay lúc báo này ra số người đoái tình đọc đến cũng không nhiều, một phần vì lúc ấy người ta lo bán nhà bán cửa để đi, còn bụng dạ nào mà cười cợt vui đùa nữa, một mặt cũng vì báo “Vịt” viết văn trào phúng kém, chửi ai thì đào ông bới cha lên, không tế nhị, cục cằn, cà lơ, không vì công ích mà chỉ lo hạ cá nhân khác xuống để “công kêêng” người của “đảng ta” lên..., báo “Vịt” chết một cách tủ nhục không được ai nói tới.

XI

Có bao nhiêu thứ “trào” và những cây cười tiền chiến ưa “trào” nào?

Đến đây, chúng tôi xin tạm chấm dứt bút ký về các cây cười tiền chiến. Chánh tình nước ta đi đến một khúc quẹo, bộ môn cười bước sang một giai đoạn khác đa diện hơn mà tương đối cũng chưa chát hơn, quốc gia nhạo Việt minh, Việt minh chửi quốc gia. Thế rồi thì hội nghị Giơ-Neo chia đôi đất nước, một triệu người di cư vào trong Nam chống Cộng, ông Ngô Đình Diệm lật ông Bảo Đại, diệt Bình Xuyên, đuổi thực dân

Pháp về nước, lập Đệ Nhất Cộng Hòa. Ôi không biết bao nhiêu là biến cố, không biết bao nhiêu sự việc tức cười, không biết bao nhiêu sâu bọ làm người, chó nháy bàn đọc. Cố nhiên những biến cố đó hay sự việc đó, những vụ (lăng nhăng) [Theo thơ của Tản Đà : Trời làm một trận lăng nhăng / Ông hóa ra thằng, thằng hóa ra ông.] đó là một kho đề tài vô tận cho những nhà văn phúng thế, viết không tài nào hết. Nhưng bởi vì những văn thơ trào lộng trào phúng trào cơ, trào sán, trào ma, trào kiêu đó không thuộc phạm vi loạt bài này chỉ thu trong quỹ đạo tiền chiến nên chúng tôi không bàn tới và mong rằng sau khi suy nghĩ, suy tâm và nghiên cứu kỹ càng, chúng tôi sẽ viết tiếp sau này. Riêng về các cây cười tiền chiến chúng tôi xin tạm ngừng nơi đây mong rằng và ước ao rằng các bạn đọc đến đây cũng tạm cho là đủ để có một quan niệm về loại văn cười qua

mấy giai đoạn lịch sử ta từ năm 1954 về trước.

CÓ BAO NHIÊU THỨ TRÀO

Nói chung văn chương trào phúng ở nước ta không có một thời nào vắng bóng trong văn học sử. Từ trước 1900 tức là từ trước thời kỳ chữ quốc ngữ được phổ cập trong dân chúng, các nhà văn nhà thơ ta đã chú ý và đã sáng tác rất nhiều thơ trào phúng. Những nhà văn như Hồ Xuân Hương, Tú Xương, Yên Đỗ, Trạng Quỳnh v.v., là những bậc thầy về trào phúng. Phan Kế Bính, Dương bá Trạc, Phạm Duy Tồn là những người kế tiếp... cho đến bây giờ các nhà văn nhà thơ trào phúng mỗi ngày mỗi nhiều hơn và thơ văn trào phúng lại được nhiều màu sắc hơn. Người nọ kế tiếp người kia xây dựng một nền văn chương trào phúng phồn thịnh không bao giờ nghỉ, không

bao giờ ngừng. Đó là một đặc điểm đáng quý của văn chương ta vậy. Có lẽ vì thấy như thế và nghĩ như thế cho nên có người đã nói : dân tộc hết bị Tàu đô hộ đến Tây cai trị... chiến đấu khổ cực vô cùng để dành lấy quyền sống nhưng lúc nào cũng cang cường, cũng cứ cười và tuy có khóc nhưng cười nhiều hơn khóc.

Thực vậy người Việt Nam cười trong khi đất nước hòa bình, lại cười cả những khi chiến tranh, cười trong lúc yên ổn nhưng không quên cười những lúc gian nguy, cười trong lúc no nhưng đói cũng cứ cười, sắp chết cũng cười và cười luôn vào mặt những kẻ giàu tiền, giàu của giàu thế lực, giàu phương tiện, giàu vũ khí.

Bởi vì cười trăm ngàn lối trong trăm nghìn trường hợp khác nhau, với trăm ngàn tình trạng có lẽ, phức tạp nên văn cười của ta cũng có nhiều thể nhiều lối

đặc biệt mà chúng tôi muốn rút tĩa một kết luận trong lúc kết thúc loạt bài này.

Văn cười nói một cách khác thường được gọi là văn trào phúng. Sự thực trào phúng không đủ để làm cái tiếng cười trong văn học sử nước ta. Người Âu Mỹ có hai thứ văn cười văn châm biếm (satire) và văn trào lộng (humouristique). Qua những văn thơ cười cợt của các nhà văn tiền chiến, chúng tôi nghĩ rằng riêng hai chữ “trào phúng”, “trào lộng” không đủ để nói lên những màu sắc kỳ lạ huyền ảo, vô cùng biến hóa hơn.

Chữ nho, trào là cười nhạo, phúng là mượn lời bóng bẩy để cảm hóa người. Trào phúng thế là dùng một thứ văn bóng bẩy, nói ví để cười nhạo, nhằm mục đích cảm hóa người ta.

Trào lộng cũng là cười nhạo, nhưng

không ví von, cười chơi thôi mà không ác.

Sự thiệt hai chữ “trào phúng” và “trào lộng” không đủ. Xem qua các văn xuôi và thơ văn cười tiền chiến mà chúng ta thấy rằng văn cười của thời kỳ tiền chiến lắm khi còn có tính cách “trào sán trào tiếu, trào cơ, trào mạ”.

“Trào sán” là thế nào? Trào sán là cười nhạo, vô hại nếu có thể dùng một tiếng khác tương đương để nói thì là tailler [cắt tỉa] ; “trào tiếu” cũng thế. Nhưng “trào cơ” thì khác, trong cái “trào cơ” người ta thấy có cái ý nói khích nhưng “trào mạ” thì ngụ ít cái cười mà có ý năng về mặt chửi bởi chửi rửa thóa mạ người ta.

Nếu cần phải xếp thứ tự của các loại trào đó, chúng tôi tạm xếp hạng như sau, tùy theo sự nguy hiểm của mỗi loại

trào (bắt đầu bằng thứ trào ít nguy hiểm nhất):

1. Trào lộng (cười chơi đùa cợt).
2. Trào phúng (có tính cách khuyến răn).
3. Trào cơ (ý nói khích).
4. Trào tiếu (cười nhạo, railler).
5. Trào sán (cũng như trên).
6. Trào mạ (ý chửi xỏ thóa mạ).

Bài thơ của Trọng Huỳnh gheo cô hàng nước là một điển hình thơ trào lộng (bắt chước giọng Nghệ An).

Bán hàng nay cô đã mấy tuổi ?

Nước cô còn nóng hay đã nguội ?

Lũng lẳng trên cao dăm năm nệm,

Lơ thơ dưới móc một buồng chuối.

Bánh dang, bánh dầy đều xoa mỡ,

*Khoai ngứa, khoai lang cũng chấm
muối !*

Ăn uống xong rồi tiền chữa đụ.

Biết nhau cho chịu một vài buổi

Để làm thí dụ, thơ trào phúng, tôi
muốn kể bài “Lời vợ người hát chèo” (Ưu
ế phụ tù) của Tam Nguyên Yên Đỗ ?

Xóm bên Đông có phường chèo trọ,

Đang nửa đêm gọi vợ truyện trò.

Rằng : Ta thường làm quan to,

*Sao người coi ta chẳng ra trò trống
chi ?*

Vợ cả giận mắng đi mắng lại :

“Tuổi đã già sao đại như... gì !

Đêm hôm ai chẳng biết chi,

Người như biết đến thiệp thì hổ thay !

Đời có hai điều này nên sợ :

Sống chết người quyền ở tại tay ;

Thế mà chàng đã chẳng hay,

Còn ai sợ đến phường này nữa chẳng ?

Vả chàng vẫn lãng những túng kiết,

Sớm hôm chèo kiếm chác qua thì,

Tướng chèo còn chẳng ra gì,

Quan chèo đi nữa khác chi thẳng hê !”

Theo tôi, bài “than nghèo” của Tú Xương là một thí dụ “trào cơ” :

Cái khó theo nhau mãi thế thôi,

Có ai hay chỉ một mình tôi ?

Bạc đầu ra miệng mà mong được,

Tiền chữa vào tay đã hết rồi !

Van nợ lắm khi tràn nước mắt

Chạy ăn từng bữa muốt mồ hôi.

Biết thân thuở trước đi làm quách,

Chẳng ký, không thông cũng cậu bồi !

Hai bài thơ sau đây có thể coi là thí dụ “trào tiếu” và “trào sáng” :

DIỀU QUAN ĐỀ.

Của Ba Giai viết dưới triều Tự Đức, lúc ấy Pháp chiếm Hà Nội : Quan án sát chạy trốn, đề đốc sợ chết chạy trốn luôn không anh nào dám chết để chống Pháp :

*Nhắc câu Thái Linh với hồng mao,
Chí khí quan Đê khoảng khoái sao !
Thắt cổ chân buông lê xuống đất,
Trẫm mình đầu góc nghênh lên cao.
Sờ lưng thuốc độc rơi đầu mất,
Lấy hốt làm gương thích chằng vào !
Tứ bất tử rồi, ngơ ngần mãi,
Hỏi thăm quan án chạy nơi nao ?*

BÀI PHÚ THẦY ĐỒ

HỌC QUỐC NGŨ ĐỂ ĐI THI

Của Phạm ứng Thuần làm ra để giễu
những người theo Pháp ngay từ buổi
đầu, học để làm đầy tớ Pháp :

Đây cu-a-cua, này ô-c-uốc,
 Vác lều vào trường, cắp sách đi học,
 Văn chương mặt kiếp, thằng bé hết
 hơi,
 Âu, Á chuyện đời, bác đồ tịch ngọc.
 Thấy khoá khom lưng kiếm gạo, mặt
 tây lệch, cổ tây gang.
 Ông Tây đã đit lấy tiền, cầm như hến,
 nín như thóc,
 Nguyên phù thày chỉ vì thày đã :
 Nghênh nghênh ngang ngang,
 Dở dở dang dang
 Râu ria một nạm,
 Văn sách ba trường
 Thấy chị mặt hể nhẵn hàng thịt.

Thầy chị văn thể xế tái sương..

*Thi thì một hồng một vào o-a-c-h
oách,*

*Tính lại nửa gàn nửa dở u-ơ-ng ương
!*

Ư thị hồ

Thầy nằm thầy kêu, thầy ngồi thầy gõ,

Nách cặp vở đồ, tay xách cái lọ ;

Học trò kia kia, quan trường đó nọ,

Thằng vào thằng ra, văn dễ văn khó.

Thằng thì kêu trời, thằng thì chửi chó,

*Hỏi rằng xong chưa ? l-a-m lam huyền
làm,*

Hỏi rằng nhục không ? c-o-co-sắc có.

Hỏi rằng giám trường là ai ?

Thưa rằng viên công sứ Đạc (Darles)

Hỏi rằng ban trường là ai ?

Thưa rằng mấy ông trạ gạc³¹.

*Thôi thì: Cũng chẳng đi học, cũng
chẳng đi thi, thi cũng không đỗ, đỗ cũng
không đi,*

*Túy lúy càn khôn hê, rượu thầy đánh
tì tì,*

*Khoan hòa vũ trụ hê, môm thầy cười
khì khì*

.

*Thôi tôi lấy thầy trăm lạy, thầy xếp
bút nghiên, lều chông, thầy đi về:*

Đến “trào mạ” thì... nhất bởi vì nó
là cả trào phúng, trào cơ, trào sán, trào
lộng, trào tiểu nhưng lại gia thêm một

31 Trạ gạc : tên gọi người dân Nghệ Tĩnh

chất chửi bới, thóa mạ, lăng nhục người bị đem ra làm đầu đề cho câu chuyện.

Điển hình cho loại cười này, chúng ta có thể đơn cử những bài chửi thực dân, chửi quan lại, chửi những nhà “tu hú”, chửi tham nhũng, chửi độc tài như mấy bài sau đây:

hay:

ÔNG PHỦ CÔNG BÀ ĐẦM

Thằng cha Phủ Vĩnh thế mà thâm,

Nịnh bố cu Tây, công mẹ Đầm.

Đôi vú áp vai, đầu nghển nghển,

Hai tay bưng đít, mặt hằm hằm.

Phen này cứng cánh nhờ ơn tổ,

Lúc ấy sa chân chết bỏ bầm.

*Chẳng kể mồ đày cùng tưởng lục,
Người tay, tằm tằm, miệng cười thâm.*

Hay :

CHÓ

*Lũ mày chẳng phải giống nhà đầu.
Mẹ Mỹ, cha Tây hoặc bố Tàu,
Nịnh kẻ giàu sang đuôi vắt vắt,
Dọa người khốn khổ miệng gâu gâu.
Bơ thừa sữa cặn mà xơi thích,
Anh ruột em nhà có kẻ đầu.
Liệu xác, ngày mai người thắng vật.
Rượu, giềng, mi sẽ hưởng công đầu.*

HÁT XUỐNG

*Hát xuống làm chi hồi các quan,
Trời làm hạn hán khổ trăm làng.
Nước về Phú Lãng lương tiền hậu,
Dân mắc cu ly cốt nhục tàn.
Ngán nỗi con người mà chó ngựa
Ngờ đâu địa ngục ở nhân gian !
Kẻ nghèo nước mắt lau không ráo,
Hát xuống làm chi hồi các quan !*

Nhiều khi thơ trào mạ là cả một bài chửi tục, như hàng tôm hàng cá chửi nhau. Tôi còn nhớ hai câu điển hình cho loại thơ này đăng trên báo “Tự Do” (ký bút hiệu Thần Đăng), bút hiệu của một

nhà thơ quen biết chửi một người bạn họ Đào:

Đào là đào tổ đào tiên,

Đào cha, đào mẹ, đào tiên, đào xu...

nghe mà rồn tóc gáy, sợ cho cái văn trào mạ.

CÁC CÂY CƯỜI TIỀN CHIẾN

ƯA TRÀO NÀO ?

Nói chung, các cây cười tiền chiến thường ưa trào lộng, trào phúng, trào cơ, trào tiểu, trào sán. Nhiều khi trong một bài mà pha hai ba lối “trào”, nhưng tựu trung ít trào mạ, trừ phi uất hận lắm mới dùng đến lối trào mạ, mà ví dụ có trào mạ thì những danh từ dùng trong thơ văn cũng cân nhắc và chọn lọc để

cho không đến nổi nặng nề quá mức.

Thời thế đổi thay, biến thiên rộn rập đến với đất nước này, thành thử lòng người cũng kém bình tĩnh ; do đó, từ sau hiệp định Genève, thơ trào cơ, trào phúng, trào tiếu, trào sán, trào lộng ít đi, nhưng trái lại, thơ trào mạ lại nhiều hơn. Đó là thời kỳ kháng chiến chống Pháp, vì nhu cầu của tuyên truyền, thơ trào phúng nào cũng có chất trào mạ. Sau đó là thời kỳ ông Ngô đình Diệm lật ông Bảo Đại, sự xáo trộn diễn ra hàng ngày, bên này riều bên kia, bên kia chê bên này, thành thử ra nhà văn trào phúng không giữ được lời lẽ nữa, thơ cũng như văn đều có tính cách chửi cho “sướng miệng”.

Dẫu sao, văn cười dù là bất cứ thuộc vào loại trào nào cũng là một loại văn đặc biệt dễ làm cho người ta ưa và dễ đi sâu vào tâm hồn người đọc hơn cả các

loại văn khác trong văn chương kim cổ.

Có lẽ vì thế tờ báo nào muốn cho phổ cập cũng có mục “phim”, vui cười, nói phẩm, thơ hài hước, thơ cay, thơ chua... chế riếu cái này, cái nọ. Thường thường, chuyện tiểu lâm, những bài thơ trào phúng lại thường được người ta nhớ lâu và kể lại cho nhau nghe để người nọ truyền người kia, y như thể càng nhiều người biết thì người đọc càng thích thú.

Chính vì lẽ đó, trong thời bình cũng như trong thời chiến, văn cười có một tác dụng sâu rộng hơn các loại văn khác. Đả kích một chế độ, một nhân vật, một thói tục, một bài văn cười lắm khi công hiệu hơn cả trăm bài bình luận. Có ai từng kháng chiến đã thấy hồi chống Pháp, người dân, qua những hài kịch, những bài về những phong dao tục ngữ đả kích Bảo Đại, Nguyễn văn Tâm, Trần văn Hữu

với một thái độ khinh bỉ đến chừng nào. Họ thành ra những người lố bịch, tức cười, kỳ lạ, không thể nào “ngủ” được, không thể nào “thương” nổi. “Cái lố bịch giết người ta” là thế.

Một thí dụ khác : cũng là chống cộng sản, đả kích Hồ Chí Minh, Võ Nguyên Giáp, đài phát thanh quốc gia ở Hà Nội hồi 1949-1950 viết và nói không biết bao nhiêu bài bình luận chán như cơm nếp nát, có ai buồn nghe đâu? Nhưng đài phát thanh “Tự Do” của Pháp mỗi ngày chỉ có một bài nghe uất không chịu được mà người ta vẫn cứ vặn máy để nghe “xem hôm nay nó nói gì”. Ấy là vì Văn Tuyên tức Soubrier Marcel đã khéo pha vào bài bình luận những câu cười cợt, trào lộng, trào mạ làm cho người nghe nhẹ nhõm, buồn cười, không nặng chình chịch đến làm người nghe phải nhức đầu buồn ngủ.

Biết vậy nhưng người ta không làm được, có lẽ vì văn trào phúng không phải là thứ văn “ở tầm tay” của bất cứ nhà văn, nhà báo nào. Viết văn cười đã khó, khó hơn là làm thế nào cho có duyên, chú cú cố nặn ra văn cười đã không làm được cho người ta cười mà bí quá lại chửi bừa chửi bừa đi thì tức là “ám sát” văn cười vậy.

Vì biết như thế, các nhà văn trào phúng hiện nay, qua những mục phim, nói phiếm, qua các hài kịch, thơ ca, các tùy bút vui đã tỏ ra thân trọng vô cùng.

Đó là một điểm hay, hứa hẹn một chân trời rộng và sáng chói cho loại văn trào phúng mà chúng tôi sẽ kiểm điểm một ngày gần đây.

Sài Gòn tháng 12-1970

Gửi bạn đọc

Nhằm mục đích sưu tầm, nghiên cứu và giới thiệu những tác phẩm giá trị tiền chiến và hiện đại, nên chúng tôi đã xuất bản nguyệt san Nhân Văn này để gửi đến bạn đọc.

Sự chậm trễ Nhân Văn nguyệt san đến tay bạn đọc vì thủ tục hành chính của Bộ Thông Tin nay mới cấp giấy phép cho chúng tôi xuất bản. Xin chân thành cáo lỗi sự chậm trễ trên và cảm tạ bạn đọc đã đón đọc Nhân Văn trong những tháng qua.

Nội dung của nguyệt san Nhân Văn sẽ in trọn một tác phẩm của một tác giả biên soạn và, giá bán phổ thông vừa với

đời sống “kiệm ước” của bạn đọc hiện nay.

Ngay từ bây giờ tòa soạn Nhân Văn đã chọn được 12 tác phẩm của 12 tác giả cho chủ đề Nhân Văn và lần lượt chúng tôi sẽ gửi đến bạn đọc những tác phẩm giá trị.

Chúng tôi cũng ước mong sẽ được các văn hữu toàn quốc cộng tác đóng góp tác phẩm hoặc cung cấp các văn liệu giá trị tiền chiến cho Nhân Văn để chúng tôi ấn hành gửi đến bạn đọc thưởng thức và tham khảo.

Nguyệt san NHÂN VĂN

NGUYỆT SAN NHÂN VĂN

SỐ 1 – THÁNG 7 1971 – NĂM
THỨ NHẤT

Chủ trương biên tập : PHAN KIM
THỊNH

Chủ nhiệm : NGUYỄN PHƯƠNG
KHANH

Quản lý : PHAN KIM

Tòa soạn và trị sự : 61 Lê văn Duyệt,
Saigon

Điện thoại : 99.324

